

LUẬN GIẢI VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

Huỳnh Thế Du*

Cambridge, 11-2013

* Tác giả Huỳnh Thế Du là giảng viên tại Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright và hiện đang nghiên cứu sau tiến sỹ về chính sách công và phát triển đô thị tại Đại học Harvard

LỜI CẢM ƠN

Bài này được viết khi tác giả đang nghiên cứu sau tiến sỹ về chính sách công và phát triển đô thị tại Đại học Harvard. Tuy nhiên, bài viết không thuộc bất kỳ dự án hay được tài trợ bởi tổ chức hay cá nhân nào (kể cả Đại học Harvard và Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright nơi tác giả vẫn đang trong biên chế). Ý tưởng viết bài này được hình thành một cách tình cờ sau khi tác giả trao đổi với GS. Nguyễn Quang Thái về một số vấn đề liên quan. Bài viết hoàn toàn thể hiện quan điểm riêng của tác giả với mục tiêu duy nhất là đóng góp vào những thảo luận đến đường hướng phát triển cho Việt Nam hiện nay.

Để có thể hoàn thành bài viết, tác giả đã nhận được sự giúp đỡ của rất nhiều người. Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn GS. Nguyễn Quang Thái với những trao đổi để tôi có thể hình thành bài viết cũng như việc cung cấp một số tài liệu và đọc các bản thảo với những nhận xét và góp ý vừa bao quát, vừa rất cụ thể. Tôi xin chân thành cảm ơn GS. Trần Hữu Dũng với những góp ý và bình luận hết sức thẳng thắn và xác đáng cho những nội dung cốt lõi của bài viết qua những bản thảo khác nhau. Tôi xin chân thành cảm ơn TS. Trần Ngọc Anh, TS. Vũ Thành Tự Anh, bà Phạm Chi Lan, PGS. Phạm Duy Nghĩa, ông Trần Đức Nguyên, ông Nguyễn Vạn Phú, ông Nguyễn Xuân Thành, GS. Trần Văn Thọ và một số người khác đã đọc và có những nhận xét, bình luận và góp ý hết sức quý báu cho bài viết. Tôi cũng xin chân thành cảm ơn bà Phạm Chi Lan đã chuyển bản thảo đến một số người đọc và góp ý giúp tôi. Tôi xin cảm ơn ông Phạm Vũ Lửa Hạ đã giúp tôi tìm hiểu một số thuật ngữ liên quan.

Tất cả những người đã đọc các bản thảo và góp ý cho tôi đều là những chuyên gia hàng đầu trong những lĩnh vực liên quan đến các nội dung chính của bài viết. Do vậy, tôi đã có được những nhận xét, bình luận và góp ý hết sức sâu sắc từ bao quát đến cụ thể. Có những góp ý đơn giản chỉ là điều chỉnh hay thay đổi một vài câu chữ, nhưng đã làm cho các nội dung cốt lõi của bài viết nổi lên rõ ràng hơn rất nhiều. Điều này chỉ có thể đến từ những người thực sự am hiểu vấn đề. So với bản thảo đầu tiên, phiên bản này đã được bổ sung và phát triển thêm rất nhiều. Tuy nhiên, đây là một vấn lớn và liên quan đến nhiều khía cạnh khác nhau, nhưng các nguồn lực và khả năng của tác giả có hạn nên bài viết không thể phân tích hay lý giải tất cả các vấn đề được nêu ra một cách thấu đáo. Thêm vào đó, những điểm yếu, những sai sót là không thể tránh khỏi và lỗi này hoàn toàn thuộc về tác giả.

Cuối cùng, bài viết chỉ là một phân tích, một tiếp cận của tác giả về một số khía cạnh trong chủ đề quan trọng này. Tác giả sẽ tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu thêm về những vấn đề liên quan trong khả năng và nguồn lực của mình. Với mong muốn đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình để cùng tất cả mọi người chung tay làm rõ con đường phát triển của Việt Nam vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh, tác giả rất mong nhận được những góp ý, bình luận và trao đổi của những người quan tâm đến vấn đề này nói riêng, vì sự phát triển và thịnh vượng của Việt Nam nói chung.

TÓM TẮT

Việt Nam chọn kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) làm mô hình phát triển. Trong hơn hai thập kỷ kể từ khi quyết định đường hướng phát triển này, nhiều điểm tích cực của kinh tế thị trường đã được phát huy đem lại mức tăng trưởng kinh tế khá cao để đưa một phần rất lớn người dân Việt Nam thoát khỏi đói nghèo - nỗi ám ảnh gần như trong suốt chiều dài lịch sử Dân tộc Việt. Tuy nhiên, khi vẫn còn lúng túng trong việc luận giải “*Định hướng XHCN là gì?*” và mối quan hệ của nó với kinh tế thị trường như thế nào thì các nguyên tắc thị trường ngày càng chi phối sâu rộng các hoạt động kinh tế. Những mặt trái hay khuyết tật của thị trường không được xử lý bằng những cách thức đúng đắn, những trục trặc khi nhà nước can thiệp hay làm thay thị trường đang làm cho các vấn đề như: bất bình đẳng, chênh lệch giàu nghèo, ô nhiễm, tham nhũng, lãng phí băng hoại đạo đức và các mâu thuẫn xã hội ở Việt Nam đang trở nên gay gắt và nghiêm trọng hơn.

Trong bài viết “*Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*”, trên Tạp chí Cộng sản Online ngày 08/06/2013, Gs. Đỗ Hoài Nam (2013) đã nêu:

Đến nay vẫn còn không ít vấn đề vướng mắc chậm được luận giải, đang được coi là kim hãm sự phát triển của sức sản xuất... Một trong những vấn đề quan trọng là sự cần thiết phải cụ thể hóa những nội dung cơ bản phản ánh định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển đất nước nói chung và phát triển kinh tế thị trường nói riêng. Ở nước ta, điều này lần đầu tiên đã được chính thức luận giải khái quát trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX và được nhắc lại ở Đại hội Đảng lần thứ X. Từ đó cho đến nay vẫn chưa có những bước tiến mới trong việc tiếp tục cụ thể hóa những nội dung phản ánh tính định hướng này.

Một luận giải rõ ràng về khái niệm “*Kinh tế thị trường định hướng XHCN*” dựa trên nền tảng khoa học trong xu thế thời đại ngày nay làm cơ sở để giải quyết những bức xúc trước mắt cũng như định ra đường hướng phát triển dài hạn cho Việt Nam là rất quan trọng. Nhằm góp phần làm sáng tỏ các lý luận liên quan đến vấn đề này, bài viết sẽ phân tích vấn đề của Việt Nam và thực tiễn phát triển trong xã hội loài người để đưa ra những luận giải cụ thể với những bằng chứng khoa học và tư duy biện chứng.

Vấn đề của Việt Nam

XHCN thuần túy theo cách diễn giải chính thống ở Việt Nam là xóa bỏ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu về TLSX đi liền với cơ chế kế hoạch hóa tập trung. Đề tiến lên XHCN, đấu tranh giai cấp, xóa bỏ giai cấp bóc lột (địa chủ và tư sản) là một trong những trọng tâm trong giai đoạn đầu. Đây là cơ sở của cải cách đất đai ở đầu thập niên 1950, cải tạo công thương nghiệp và hợp tác hóa ở miền Bắc trong cuối thập niên 1950 và cải tạo công thương nghiệp ở miền Nam cuối thập niên 1970 (Nguyễn Khắc Viện 2007). Tuy nhiên, giống như các nước XHCN khác, việc áp dụng mô hình XHCN thuần túy ở Việt Nam đã thất bại dẫn đến khủng hoảng. CNXH chưa thể thành công do chưa có con người XHCN – con người vị tha và không vị kỷ. Lúc chiến tranh, đối diện với mất còn, nhiều người có thể phá nhà làm chiến lũy chống quân thù, nhưng lúc xây dựng CNXH thì ít ai muốn thiệt, cho dù chỉ nửa viên gạch. Nói cách khác, trong điều kiện bình thường hầu hết mọi người chỉ vì mình chứ không vì người khác như giả định của học thuyết Marx và các luận điểm của Lenin.

Việt Nam đã đổi mới và tránh được đổ vỡ trong một bối cảnh hết sức đặc biệt vào cuối thập niên 1980 (xem Đảng Cộng sản Việt Nam 2006a). Kể từ đó, cho dù chấp nhận các quy luật thị trường với nền tảng là tư hữu về TLSX, nhưng các nguyên lý của Marx và Lenin với cách luận giải thiên về vấn đề sở hữu và vai trò chủ đạo của nhà nước vẫn được xem là chủ thuyết phát triển chính ở Việt Nam. Đây là cơ sở để khái niệm “*Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước*”, ở Khóa VI; trở thành “*Phát triển một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN*”, ở Khóa VII; và thành “*Kinh tế thị trường định hướng XHCN*” ở Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 2001 (Xây dựng Đảng 2013). Khái niệm này đã được làm rõ thêm tại Đại hội X năm 2006 với luận giải quan trọng nhất là: “*Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.*”

Do quan điểm phải gắn chặt với những lý luận nguyên bản của Marx và Lenin đưa ra cách đây hơn một thế kỷ, nên những luận giải về định hướng XHCN ở Việt Nam trong hơn hai thập kỷ qua chủ yếu xoay quanh việc khẳng định chế độ công hữu là nền tảng và vai trò chủ đạo của nhà nước trong các hoạt động kinh tế. Sở hữu hỗn hợp mà đặc biệt là tư hữu dường như chỉ được xem là giải pháp trước mắt, công hữu về TLSX vẫn đang là mục tiêu chính ngay thời điểm hiện nay (Vũ Văn Phúc 2013). Với cách luận giải này, định hướng XHCN đang đối lập như nước với lửa với kinh tế thị trường. Điều này làm cho đường hướng phát triển chính thống khác xa với thực tiễn hay sự vận động của xã hội. Nó không chỉ gây ra sự lúng túng trong việc thực thi các chính sách trong thực tế, lựa chọn các ưu tiên trước mắt mà còn để lại những hậu quả hết sức nghiêm trọng cho sự phát triển dài hạn của Việt Nam. Như Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng (2013) đã nói: “*Đến hết thế kỷ này không biết đã có CNXH hoàn thiện ở Việt Nam hay chưa*”, nhưng những khái niệm như: sở hữu toàn dân, định hướng XHCN, vai trò xã hội và điều tiết vĩ mô của các DNNN ... đã và đang bị một số người hay nhóm lợi ích lợi dụng để trục lợi cá nhân gây phương hại đến lợi ích chung. Vô hình trung *Định hướng XHCN* theo cách hiểu đặt nặng vấn đề sở hữu và vai trò chủ đạo đang làm chệch hướng mục tiêu XHCN hiểu theo nghĩa vì một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Thực tiễn trong xã hội loài người

Nhìn vào sự phát triển của nhân loại cho đến ngày nay, kinh tế thị trường là một trong những chìa khóa quan trọng nhất cho các nước có được sự thịnh vượng, trong khi tất cả các nước theo mô hình XHCN thuần túy đều đã thất bại. Tuy nhiên, nếu đề cao quá mức vai trò của thị trường tự do thì sẽ gặp rắc rối. Những cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính nghiêm trọng xảy ra trong xã hội loài người đều do tính vị kỷ của con người được dung dưỡng quá mức. Việc quá đề cao giá trị của tiền bạc hay vật chất đã làm méo mó các giá trị dân chủ đúng nghĩa – một nền tảng cơ bản khác tạo ra sự tiến bộ của nhân loại (Yasheng Huang 2013). Nền chính trị tiền bạc ở Mỹ hiện nay là sản phẩm của sự thái quá này cho dù việc đề cao thị trường tự do đã giúp Hoa Kỳ trở thành một siêu cường trên thế giới. Sự chi phối quá mức của đồng tiền trên chính trường có lẽ là một trong những thách thức lớn nhất của Hoa Kỳ cho dù nhiều dự báo (như Daron Acemoglu và James Robinson chẳng hạn) cho rằng vị trí của Mỹ vẫn chưa thể bị thách thức trong thế kỷ 21 này.

Mô hình nhà nước phúc lợi (welfare state) hay thị trường xã hội với điển hình ở các nước bắc Âu là một tham khảo thú vị. Dường như CNXH vị tha và CNTB vị kỷ đã có thể cân bằng lành mạnh (Henrik Berggren và Lars Trägårdh 2011). Điều đáng lưu ý là các nước này đã không gặt được hướng phát triển của họ với một học thuyết cố định nào cả mà họ luôn dựa vào kho tri thức và các tiến bộ của nhân loại trong mỗi thời kỳ để định hình đường lối phát triển trong từng thời kỳ. Công thức thành công của họ đơn giản chỉ là tôn trọng các quy luật thị trường, sự

tự do cá nhân và nhà nước phải vì lợi ích thực sự của người dân. Kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự đã được tập trung vun đắp để trở thành ba trụ cột chính cho sự phát triển. Mối quan hệ giữa ba trụ cột này được giải quyết hài hòa để giảm thiểu sự giẫm chân và mâu thuẫn lẫn nhau. Khu vực thị trường hay các doanh nghiệp có nhiệm vụ chính tạo ra của cải cho xã hội; Nhà nước đóng vai trò sửa chữa các khuyết tật của thị trường, tái phân phối một phần của cải để đảm bảo công bằng, cân bằng, hiệu quả và sự tiến triển cho toàn xã hội; Xã hội dân sự cởi mở tạo ra niềm tin lẫn nhau để hình thành vốn xã hội giúp các hoạt động kinh tế trở nên hiệu quả hơn, vai trò phân phối nguồn lực của nhà nước hữu hiệu hơn trong một xã hội nhân văn mà quyền con người được tôn trọng.

Kinh tế thị trường, nhà nước, xã hội dân sự là ba thực thể tồn tại một cách khách quan trong bất kỳ nước nào. Nhìn vào mức độ phát triển của từng thực thể và sự tương tác giữa chúng có thể thấy được sự phát triển của một quốc gia. Sự cân bằng và hài hòa giữa ba thực thể này là vô cùng quan trọng. Bất kỳ một sự thiên lệch nào cũng có khả năng gây ra trục trặc. Khi nhà nước đòi làm tất cả sẽ dẫn đến kết cục như các nước XHCN thuần túy. Kinh tế sụp đổ và các giá trị xã hội bị tàn phá do giả dối, đạo đức giả và bệnh thành tích tràn lan. Nếu vai trò của thị trường được đẩy lên quá cao sẽ dẫn đến một nền chính trị tiền bạc như Mỹ hiện nay. May mà xã hội dân sự ở Mỹ đã bám rễ rất chắc và rất sâu rộng nên nó đã đóng góp tốt rất nhiều vai trò trong xã hội khi mà các chính trị gia đang tranh cãi với nhau để tranh giành quyền lực và sự ảnh hưởng của mình. Một môi trường mà ở đó xã hội dân sự được đặt cao hơn hai trụ cột còn lại có lẽ là không tưởng vì vật chất có trước ý thức có sau và vật chất quyết định ý thức. Xã hội dân sự gắn liền với ý thức và sự tự nguyện của các công dân nên khó có thể vượt lên so với hai thực thể còn lại.

Điều cần lưu ý là trong ba trụ cột nêu trên, chỉ có nhà nước được tổ chức chính thức, trong khi kinh tế thị trường và xã hội dân sự là những thực thể phi tập trung và phân tán khắp nơi. Nhà nước làm sứ mệnh sửa chữa các thất bại của thị trường do tính vị kỷ của con người gây ra. Tuy nhiên, bản chất hành vi của những người làm ở khu vực công hay khu vực tư đều như nhau. Trong lịch sử loài người, chưa có bất kỳ một ví dụ thực tiễn nào cho thấy có một nhà nước mà ở đó tất cả những người lãnh đạo và các công chức đều miễn cán, một lòng một dạ vì lợi ích của người dân chứ không phải vì lợi ích, vị trí hay quyền lực của mình. Ngay cả khi đã vượt qua bao nhiêu khó khăn cản trở mà chủ yếu do tay chân, người thân của thiên đình, thần tiên hay nhà phật gây ra, bước chân đến cửa phật rồi mà thầy trò Đường Tăng vẫn phải lo lót để có được kinh kệ mang về. Ở xã hội trần tục đương nhiên là nghiêm trọng hơn nhiều.

Do vậy, cấu trúc nhà nước cần phải được thiết kế để tránh tập trung quyền lực quá nhiều vào một hoặc một số ít cá nhân hay tổ chức. Hơn thế, mỗi vị trí phải luôn chịu sự giám sát hay điều tiết bởi những đối tượng khác. Chỉ có áp lực mát mát thực sự nếu không làm tốt mới có thể làm cho những người làm trong khu vực công làm tốt nhằm tạo ra một nhà nước hữu hiệu. Hơn thế, vai trò của xã hội dân sự trong việc ngăn chặn suy đồi đạo đức, lạm dụng quyền lực cũng như sự cấu kết của các đối tượng trong hai trụ cột còn lại để tham nhũng và lũng đoạn là vô cùng quan trọng. Ở những nơi mà xã hội dân sự không được quan tâm thì xảy ra tình trạng cấu kết giữa doanh nghiệp và nhà nước hay chủ nghĩa tư bản thân hữu (crony capitalism) tước đoạt phần lớn nguồn lực của xã hội cho một bộ phận rất nhỏ những người có quyền và có tiền, tạo ra bất công và khó phát triển.

Đối với vai trò của nhà nước, trừ một số nước thuộc “Một tỷ người dưới đáy” (Paul Collier 2007) mà ở đó nhà nước có cũng như không, ở tất cả các nước trên thế giới, nhà nước đại diện cũng như thực thi vì quyền lợi của toàn dân luôn được thừa nhận là có thể đứng trên tất cả các chủ thể còn lại. Trong những trường hợp cần thiết (vì an ninh quốc gia chẳng hạn), nhà nước có thể trưng mua, thậm chí là tịch thu tài sản, hay tính mạng của người dân (gọi nhập ngũ và

đưa ra chiến trường khốc liệt với khả năng tử vong rất cao chẳng hạn). Tuy nhiên, khi pháp quyền được lấy làm nền tảng, thì nhà nước phải là chủ thể đầu tiên tôn trọng pháp luật chứ không thể muốn gì làm nấy theo kiểu độc tài chuyên chế.

Nhà nước cũng là đối tượng sử dụng các nguồn lực xã hội nhiều nhất. Ngân sách nhà nước ít thì cũng 15-20% và cao thì trên 50% GDP. Nhà nước cũng tham gia vào các hoạt động kinh tế, nhất là những hoạt động mà tư nhân không muốn làm hay làm không hiệu quả. Tuy nhiên, trong tất cả các quốc gia đã đi đến thịnh vượng, không nước nào xác định vai trò chủ đạo của nhà nước hay kinh tế nhà nước. Việc đưa ra khái niệm kinh tế nhà nước và đặt ra vai trò chủ đạo đồng nghĩa với việc đặt nhà nước chung với vai trò của thị trường trong điều kiện nhà nước vừa tham gia đá bóng lại có quyền thổi còi. Hậu quả của việc này như thế nào đã được thực tế chứng minh.

Luận giải kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

Muốn phát triển, mỗi quốc gia đều phải dựa vào kho tri thức hay những tiên bộ của nhân loại. Tuy nhiên, không thể áp dụng một cách máy móc hay chấp vá mà cần có tiến trình tìm hiểu cho phù hợp với điều kiện thực tế ở mỗi nơi. Không đâu xa, Nhật Bản, Hàn Quốc hay Singapore trở nên thịnh vượng chỉ đơn giản bằng cách “bắt chước” các tri thức và giá trị phương Tây sau đó điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể. Họ đã chấp nhận thử và sai trên cơ sở tư duy phù hợp với thực tế khách quan để chọn được đường đi đúng đắn. Đối với Việt Nam, người viết bài viết này hoàn toàn đồng ý với tác giả Trần Việt Phương (2008) rằng: “*Giải pháp cho Việt Nam phải là một giải pháp Việt Nam, con đường của Việt Nam phải là con đường Việt Nam, phù hợp với xu thế chung của loài người và chiều hướng tiến bộ của thời đại.*” và quan điểm của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Bùi Quang Vinh (2013):

Chúng ta tuyên bố xây dựng kinh tế thị trường định hướng XHCN. Không sai. Nhưng bây giờ phải rạch ròi ra, thị trường là thế nào và định hướng XHCN là thế nào? Đầu phải nó là một mô hình kinh tế thị trường riêng biệt so với thế giới. Bởi "kinh tế thị trường" là cái tinh hoa của nhân loại rồi, còn "định hướng XHCN" là nói về vai trò của Nhà nước.

Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh của Việt Nam có lẽ không khác nhiều với mô hình thị trường xã hội. Nếu chọn được đường đi và chính sách đúng đắn thì có lẽ phải rất lâu nữa Việt Nam mới có thể đạt được mức phát triển như các nước bắc Âu hiện nay. Tuy nhiên, nếu muốn đạt được thì không cách nào khác, Việt Nam cần phải xây dựng ngay các yếu tố nền tảng từ bây giờ. Các chức năng và vai trò của ba trụ cột cần được phân định rạch ròi để chúng phát triển lành mạnh và quan hệ hài hòa lẫn nhau. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự là một đòi hỏi đối với Việt Nam hiện nay (Đỗ Hoài Nam 2013). Trong bối cảnh này, *Định hướng XHCN* nên được hiểu là lấy công bằng làm đầu hay vì mục tiêu dân chủ, công bằng, văn minh trong mục tiêu tổng quát nêu trên. Kinh tế thị trường sẽ làm nhiệm vụ tạo ra của cải cho toàn xã hội. Lúc này chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu và mối quan hệ của ba trụ cột cần được xác định rõ ràng.

Vai trò của nhà nước, suy cho cùng, cũng chỉ để đạt được mục tiêu đề ra bằng cách làm sao để cả thị trường và xã hội dân sự làm đúng chức năng của chúng. Muốn như vậy, nhà nước chỉ nên làm đúng chức năng của mình chứ không nên làm thay hay giảm chân hai trụ cột còn lại và càng không nên kìm hãm sự phát triển của chúng một cách duy ý chí. Do vậy, vai trò của nhà nước, như hầu hết các nước đã thành công trên thế giới, đơn giản chỉ là tập trung sửa chữa các khuyết tật thị trường và cải thiện bình đẳng thay vì nhấn mạnh yếu tố sở hữu và xác định vai trò chủ đạo. Song song với việc hoàn thiện các thể chế nòng cốt của một nhà nước pháp

quyền, nhà nước nên giảm thiểu tối đa việc tham gia trực tiếp vào các hoạt động kinh doanh, nhất là những hoạt động mà thị trường có thể làm tốt chức năng của nó. Hơn thế, việc tạo ra áp lực cạnh tranh, áp lực phải chịu trách nhiệm cụ thể đối với các vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước là tối quan trọng để khu vực công có thể hiệu quả và hữu hiệu hơn. Chỉ có một tiến trình lựa chọn nhân sự dân chủ đúng nghĩa thông qua cạnh tranh để người dân phát huy quyền làm chủ thực sự thì mới có thể có được điều này.

Những nhà công nghiệp sở hữu những doanh nghiệp làm ra giá trị gia tăng thực sự cho xã hội như: Apple, Google ở Mỹ, Samsung hay LG ở Hàn Quốc, Toyota hay Honda ở Nhật, Lego hay Maersk ở Đan Mạch, Electrolux hay Ikea ở Thụy Điển mới thực sự là nền tảng của một nền kinh tế vững mạnh. Đây là điều mà Việt Nam đang thiếu. Những doanh nghiệp tạo ra giá trị đúng nghĩa chỉ có thể được tạo ra khi có một nền kinh tế thị trường đúng nghĩa. Hoàn thiện các thể chế để tạo ra sân chơi bình đẳng, khuyến khích sáng tạo, và giảm thiểu đầu cơ lũng đoạn là việc cần làm ngay. Ở trụ cột này, việc cải tổ các DNNN theo hướng mỗi doanh nghiệp chỉ tập trung vào một hay một vài nhiệm vụ cụ thể trong một thời hạn nhất định là hết sức cấp bách. Điều này sẽ tránh sự lãng phí nguồn lực và lợi dụng vai trò chủ đạo của loại hình doanh nghiệp này của một số người để họ trục lợi. Đối với khu vực doanh nghiệp dân doanh, việc trân trọng những người có khả năng làm giàu và khuyến khích người giàu dần xóa bỏ tâm lý kỳ thị, ghen ghét người giàu, người giỏi là vô cùng quan trọng. Không một xã nào có thể trở nên thịnh vượng khi người giàu hay người giỏi không được tôn trọng cả.

Một xã hội dân sự đúng nghĩa cần được quan tâm để nó có thể ngăn chặn sự xuống cấp đạo đức, mất lòng tin trong xã hội và tham nhũng tràn lan hiện nay. Chỉ có xã hội dân sự cởi mở mới có thể tạo được niềm tin giữa con người với con người, dần hình thành vốn xã hội có lợi cho sự phát triển. Trong một xã hội, các quan hệ cơ bản chỉ do vật chất chi phối sẽ rất nguy hiểm vì ở đó chỉ có phần “con” thấp hèn được dung dưỡng trong khi phần “người” cao quý không được đề cao. Sẽ rất là đáng sợ khi trong một xã hội mà phần con lấn át phần người. Nếu không có những quyết sách hợp lý ngay từ bây giờ, tương lai của Việt Nam sẽ rất u ám.

Tóm lại, nếu vẫn lấy các học thuyết của Marx làm chủ thuyết phát triển chính, Việt Nam cần loại bỏ những lý luận không còn phù hợp và tạm gác sang một bên những điểm chưa thể áp dụng trong thời đại ngày nay đồng thời bổ sung những lý luận mới và học hỏi vận dụng những tiến bộ của xã hội loài người nhằm lựa chọn một con đường hay chủ thuyết phát triển hợp lý để sớm đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh. Đây mới chính là mục tiêu cuối cùng và quan trọng nhất của Việt Nam chứ không phải việc bảo vệ hay phải gắn liền với một chủ thuyết nào đó.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam chọn kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) làm mô hình phát triển (Đảng Cộng sản Việt Nam 2008). Trong hơn hai thập kỷ kể từ khi quyết định đường hướng phát triển này, nhiều điểm tích cực của kinh tế thị trường đã được phát huy đem lại mức tăng trưởng kinh tế khá cao để đưa một phần rất lớn người dân Việt Nam thoát khỏi đói nghèo - nỗi ám ảnh gần như trong suốt chiều dài lịch sử Dân tộc Việt. Tuy nhiên, khi vẫn còn lúng túng trong việc luận giải “*Định hướng XHCN là gì?*” và mối quan hệ của nó với kinh tế thị trường như thế nào thì các nguyên tắc thị trường ngày càng chi phối sâu rộng các hoạt động kinh tế. Những mặt trái hay khuyết tật của thị trường không được xử lý bằng những cách thức đúng đắn, những trục trặc khi nhà nước can thiệp hay làm thay thị trường đang làm cho các vấn đề như: bất bình đẳng, chênh lệch giàu nghèo, ô nhiễm, tham nhũng, lãng phí băng hoại đạo đức và các mâu thuẫn xã hội ở Việt Nam trở nên gay gắt và nghiêm trọng hơn.

Trong bài viết “*Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*”, trên Tạp chí Cộng sản Online ngày 08/06/2013, Gs. Đỗ Hoài Nam (2013) đã nêu:

Đến nay vẫn còn không ít vấn đề vướng mắc chậm được luận giải, đang được coi là kim hãm sự phát triển của sức sản xuất... Một trong những vấn đề quan trọng là sự cần thiết phải cụ thể hóa những nội dung cơ bản phản ánh định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển đất nước nói chung và phát triển kinh tế thị trường nói riêng. Ở nước ta, điều này lần đầu tiên đã được chính thức luận giải khái quát trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX và được nhắc lại ở Đại hội Đảng lần thứ X. Từ đó cho đến nay vẫn chưa có những bước tiến mới trong việc tiếp tục cụ thể hóa những nội dung phản ánh tính định hướng này.

Những luận giải rõ ràng về *Kinh tế thị trường định hướng XHCN* dựa trên nền tảng khoa học trong xu thế thời đại ngày nay làm cơ sở để giải quyết những bức xúc trước mắt cũng như định ra đường hướng cho phát triển dài hạn cho Việt Nam là rất quan trọng. Nhằm góp phần làm sáng tỏ các lý luận liên quan đến vấn đề này, bài viết sẽ: i) nhìn lại con đường phát triển của nhân loại, nhất là trong thời hiện đại; ii) phân tích bối cảnh thế giới hiện nay và xu hướng trong tương lai; và iii) nhìn lại con đường phát triển của Việt Nam hiện đại để đưa ra những luận giải về việc chọn đường hướng phát triển của Việt Nam thông qua những bằng chứng khoa học với tư duy biện chứng.

Để đạt được mục tiêu, phần còn lại của bài viết được cấu trúc thành ba phần. Phần I tóm tắt con đường phát triển của nhân loại, trong đó tập trung vào việc xác định vai trò của nhà nước trong nền kinh tế. Phần II phân tích bức tranh thế giới ngày nay với những phân tích về vai trò của các nền kinh tế lớn và các nước đang trở thành tâm điểm trên thế giới mà cụ thể là Trung Quốc và Mỹ. Những thách thức đối với các nước đang phát triển cũng được trình bày trong nội dung này. Phần III phân tích về lý luận, thực tiễn và luận giải về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Cuối cùng sẽ là phần kết luận.

PHẦN I

CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN CỦA NHÂN LOẠI

Nếu tính 35 nước thuộc Tổ chức Phát triển và Hợp tác kinh tế (OECD) và một số nước khác như Singapore chẳng hạn thì hiện nay chưa đến 50 nước được xem là phát triển trong gần 250 quốc gia và nền kinh tế tự chủ trên thế giới. Kinh tế thị trường – nơi công sức và quyền lợi cá nhân được thừa nhận nhằm uơm mầm và nuôi dưỡng sự sáng tạo để tạo ra hầu hết những phát minh hay sản phẩm vĩ đại nhất của nhân loại trong nhiều thế kỷ qua – có thể xem là chìa khóa quan trọng nhất đưa các nước đi đến thịnh vượng. Tuy nhiên, mọi chuyện không đơn giản như vậy. Lòng tham và sự vị kỷ của con người đã đẩy tất cả các nước trên thế giới qua hết cuộc khủng hoảng này đến khủng hoảng khác. Bản chất của con người nói chung là chỉ vì lợi ích cá nhân nên thị trường luôn có những khuyết tật hay thất bại. Do vậy, cần có sự tồn tại của nhà nước. Nhưng thật trớ trêu, nhà nước cũng chỉ là tập thể của những con người vị kỷ nên thất bại thị trường lại chuyển sang thất bại nhà nước (Joseph Stiglitz 2000). Cái vòng luân quân cứ tiếp diễn và vai trò của nhà nước nên ở mức độ nào luôn là đề tài tranh cãi. Phần này sẽ phân tích sự giằng co về vai trò của nhà nước ở các nước theo kinh tế thị trường; con đường vòng của các nước theo mô hình XHCN thuần túy; mô hình nhà nước phúc lợi; một luận giải gần đây giải thích tại sao có nước thịnh nước suy; và cuối cùng là những phân tích về bản chất, quy mô và vai trò của nhà nước.

I. GIẢNG CO VỀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Từ Smith đến Đại khủng hoảng và Suy thoái 1929-1933

Kinh tế học hiện đại được đánh dấu bằng tác phẩm “*Sự giàu có của Các quốc gia*” của Adam Smith (1776). *Bàn tay vô hình* với lập luận con người là vị kỷ, chỉ vì mình, nhưng khi mỗi người tự do theo đuổi mục đích cá nhân thì cả xã hội sẽ cùng khấm khá là lý thuyết nổi tiếng nhất của ông. Nhờ lý thuyết này mà Smith được xem là cha đẻ của kinh tế học hiện đại. Ông cũng chỉ ra chuyên môn hóa giúp tăng năng suất lao động mà nó là cơ sở để David Ricardo (1817) đưa ra lý thuyết lợi thế so sánh trong tác phẩm “*Về những Nguyên lý của Kinh tế Chính trị học và Thuế khóa*”. Trước đó, phải kể đến lập luận về quyền tư hữu vô cùng quan trọng của John Locke (1689) với tác phẩm “*Luận giải Thứ hai về Chính quyền Dân sự*”.

Thị trường tự do gắn với tư hữu về tài sản và thuyết trọng thương đã trở thành chủ thuyết kinh tế chính ở nhiều nước. Nhờ công nghiệp hóa và ngoại thương mà “mặt trời không bao giờ lặn trên vương quốc Anh”. Khi khuyến khích thị trường tự do, Mỹ dần trở thành tâm điểm của thế giới từ đầu thế kỷ 20. Tuy nhiên, trục trặc bắt đầu xảy ra.

Có rất nhiều cơ hội kinh doanh khi nền kinh tế đang tăng tốc, nhưng đầu cơ tài sản là dễ và trực quan nhất. Vô số doanh nghiệp và cá nhân đã đổ xô đầu cơ vào bất kỳ tài sản nào đang lên giá mà không quan tâm đến cầu thực chất của chúng. Trong đó, những tổ chức tài chính đang giữ tiền của người khác là bạo tay nhất. Họ đã đem tiền gửi của công chúng đi đầu cơ tài sản. Một vòng xoáy tăng giá đã xảy ra. Nhiều người kỳ vọng giá lên đã đổ xô mua một số loại hàng hóa hay tài sản nào đó. Kết quả giá lên do cầu tăng đột biến. Chỉ trong vòng 8 năm từ 1921-1929, Dow Jones, chỉ số chứng khoán chính của Mỹ lúc bấy giờ đã tăng bình quân 25%/năm. Đặc biệt giai đoạn 1924-1929 lên đến 33%/năm. Giá lên lại củng cố phán đoán của những

người mua là đúng và họ lại tiếp tục mua. Từ đây gây ra bong bóng tài sản và những rắc rối sau đó.

Thêm dầu vào lửa bằng việc tung quá nhiều tiền vào nền kinh tế tạo ra các cơ hội đầu cơ ở đầu thập niên 1920 là sai lầm nghiêm trọng của Ngân hàng Trung ương Mỹ (FED) như Friedrich Hayek (1963), một trong những học giả nổi tiếng nhất của trường phái kinh tế Áo đã chỉ ra trong tác phẩm “*Đại suy thoái của Mỹ*”. Các cá nhân và doanh nghiệp đã đeo đuổi mục tiêu cá nhân của mình và tập trung vào những cái lợi ngắn hạn trước mắt nên đổ xô đi đầu cơ tài sản. Hậu quả là, sự mất cân đối trầm trọng giữa giá trị tài sản bị đẩy lên do đầu cơ và sự phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế thực dẫn đến khủng hoảng.

Sự mâu thuẫn của thị trường tự do là đúng trong hầu hết các trường hợp, nhưng khiếm khuyết hay thất bại thị trường luôn hiện hữu. Do vậy, cần có vai trò của nhà nước. Lúc này, những tranh luận và sự định hình lại vai trò của nhà nước lại trở nên sôi động.

2. Từ Keynes đến Khủng hoảng Tài chính 2008-2010

Khi khủng hoảng đang xảy ra, trường phái kinh tế chính thống theo quan điểm thị trường tự do ở những năm 1930 đã kêu gọi chính phủ thắt chặt chi tiêu cho đến khi niềm tin của thị trường được khôi phục trở lại trong dài hạn. Nói một cách đơn giản là thị trường có khả năng tự điều chỉnh và nhà nước không cần phải can thiệp. Tuy nhiên, John Maynard Keynes, nhà kinh tế người Anh có tầm ảnh hưởng nhất thế giới trong thế kỷ 20 không nghĩ như vậy. Ông cho rằng không thể đợi thị trường tự phục hồi mà cần vai trò chủ động của nhà nước với câu nói nổi tiếng: “Trong dài hạn là khi tất cả chúng ta đã chết.” Những lập luận mang tính hệ thống, khoa học và có ảnh hưởng nhất của ông được trình bày trong “*Lý thuyết Tổng quát về Thất nghiệp, Lãi suất và Tiền tệ*” (John Maynard Keynes 1935).

Nghệ theo lời Keynes, Chính phủ Mỹ đã quyết định can thiệp một cách chủ động bằng Gói kích thích kinh tế (New Deal). Kết quả, sau gần một thập kỷ Mỹ đã thoát ra khỏi Đại khủng hoảng và suy thoái kinh tế 1929-1933. Tuy nhiên, Keynes cho rằng sở dĩ suy thoái kéo dài là do can thiệp của Chính phủ Mỹ chưa đủ. Song song với kích thích kinh tế, Chính phủ Mỹ cũng đã giới hạn hoạt động của các tổ chức tài chính - nhân vật trung tâm của nền kinh tế tư bản. Luật Glass-Steagall năm 1933 như chiếc vòng kim cô đặt lên đầu ngăn không cho các tổ chức tài chính tự do lao vào những hoạt động kinh doanh rủi ro. Một trong những điểm quan trọng nhất là hoạt động của ngân hàng thương mại (tập trung vào huy động vốn ngắn hạn và cho vay ngắn hạn), các ngân hàng đầu tư (kinh doanh trên thị trường chứng khoán) và bảo hiểm phải tách bạch rạch ròi. Điều này đã giúp Mỹ cũng như các nền kinh tế phát triển hàng đầu thế giới tránh được những cuộc khủng hoảng nghiêm trọng trong hơn 7 thập kỷ.

Keynes đã thành công với “*Đại khủng hoảng và suy thoái*”. Tuy nhiên, từ giữa thế kỷ 20, chủ thuyết của ông bị tấn công dữ dội bởi Trường phái kinh tế Chicago, những người dựa vào giả định kỳ vọng hợp lý trong thị trường tự do. Theo trường phái này thì thị trường tự do có thể tự điều chỉnh nên cần được tôn trọng và nên giảm thiểu tối đa việc can thiệp của nhà nước.

Trong số những nhà kinh tế thuộc trường phái Chicago, Milton Friedman được xem là người có ảnh hưởng lớn nhất trong kinh tế học ở cuối thế kỷ 20. Trong tác phẩm “*Một lịch sử Tiền tệ của Hoa Kỳ*” năm 1963 với đồng tác giả Anna Schwartz, Friedman cho rằng mức giá chung của nền kinh tế là do lượng tiền quyết định và lạm phát là do mất cân đối tiền – hàng. Do vậy, nhà nước chỉ nên theo một chính sách tiền tệ trung tính đảm bảo cân đối tiền – hàng và thị trường sẽ tự hóa giải được những trục trặc và cả xã hội có được sự phồn vinh chứ không cần vai trò chủ động của nhà nước. Cũng đổ lỗi FED là thủ phạm chính gây ra đại suy thoái của

Mỹ là trong giai đoạn 1929-1933, nhưng khác với Hayek (1963), Friedman cho rằng nguyên nhân chính là do FED đã thắt chặt tiền tệ quá tay dẫn đến mất cân đối tiền hàng làm cho việc lưu thông hàng hóa và phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế gặp khó khăn.

Từ cuối thập niên 1970, các học thuyết kinh tế bắt đầu nở rộ và phân nhánh. Kể từ đây, quan điểm hạn chế sự can thiệp của nhà nước vào thị trường tự do cũng dần trở thành chủ thuyết chính thống ở các nước theo nền kinh tế thị trường như phân tích của Daniel Yergin và Joseph Stanislaw (1998) trong “*Những đỉnh cao chỉ huy*”. Đặc biệt là khi có sự ăn ý của bộ đôi quyền lực giữa Thủ tướng Anh Margaret Thatcher và Tổng thống Mỹ Ronald Reagan cùng với sự thất bại của mô hình kinh tế XHCN thuần túy. Milton Friedman là một cố vấn quan trọng bậc nhất của Reagan. Sự thắng thế của trường phái tự do thể hiện rõ nhất qua nỗ lực vô hiệu hóa Luật Glass-Steagall của Alan Greenspan và những người cùng quan điểm. Năm 1999, Luật này đã bị vô hiệu hóa, các tổ chức tài chính lại được tự tung tự tác. Một lần nữa các hoạt động của ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư và bảo hiểm lại được trộn lẫn với nhau. Hậu quả là chỉ sau một thập kỷ, nền kinh tế thế giới rơi vào cuộc khủng hoảng tồi tệ kể từ thập niên 1930 với quá trình được mô tả một cách đơn giản trong Hộp 1.

Hộp 1 : Con đường dẫn đến khủng hoảng

Cuộc khủng hoảng 2008-2010 bắt nguồn từ thị trường nhà đất với những khoản vay dưới chuẩn mà nó có thể hình dung một cách đơn giản như sau:

Gia đình ông Tom chỉ có thể thuê nhà 1500 đô-la/tháng. Tuy nhiên, các tổ chức tài chính đã nói rằng họ sẽ cho ông Tom vay gần như toàn bộ để mua một căn nhà 500.000 đô-la. Khoản vay chỉ cần được đảm bảo bằng chính ngôi nhà mới. Ông Tom được giải thích rằng, với lãi suất 6%/năm, nếu trả đều trong 30 năm thì hàng tháng khoản phải trả (cả gốc và lãi) vào khoảng 3000 đô-la. Điều này nằm ngoài khả năng của gia đình ông, nhưng ngân hàng chỉ yêu cầu ông trả 1500 đô-la/tháng trong hai năm đầu và phần lãi chưa trả sẽ nhập gốc. Đến cuối năm thứ hai, tổng số nợ dồn tích chỉ là 525.000 đô-la hay tăng 5%. Nếu giá nhà đất sau hai năm tăng 10% thì ông Tom có thể bán lại căn nhà lấy 25.000 đô-la tiêu xài mà không phải quan tâm đến những năm tiếp theo. Hàng triệu gia đình Mỹ đã bị thuyết phục cho dù về bản chất, họ không có khả năng trả nợ.

Sau đó, bên cho vay đóng gói các khoản vay dưới chuẩn nêu trên để tạo ra chứng khoán có đảm bảo bằng tài sản (asset-backed securities), đồng thời hoặc là yêu cầu các công ty bảo hiểm bảo lãnh khoản vay với mức phí 2%/năm hoặc là tạo ra một quyền chọn bán khoản vay (hay các loại chứng khoán phái sinh khác) với mức phí 4%/năm hoặc cả hai. Vào cuối năm thứ hai, nếu giá của căn nhà thấp hơn 525.000 đô-la và gia đình ông Tom không thể trả nợ thì người giữ quyền có quyền bán khoản vay cho bên bán quyền với giá 525.000 đô-la. Lúc này, từ dưới chuẩn khoản vay đã trở thành chất lượng cao (xếp hạng AAA) với suất sinh lợi 2%/năm.

Sau hai năm, nếu giá bất động sản tăng hơn 5% thì gia đình ông Tom vừa được ở trong căn nhà tốt hơn lại có thêm tiền bỏ túi nếu bán căn nhà. Nếu không muốn bán căn nhà, thì bên cho vay sẽ tái cấu trúc khoản vay để đảm bảo rằng khoản trả nợ hàng tháng vẫn chỉ là 1500 đô-la hay cao hơn chút đỉnh. Đối lại ông Tom sẽ phải trả thêm một mức phí và lãi suất tăng lên 8%/năm chẳng hạn. Qua vài lần tái cấu trúc các khoản nợ thì gánh nặng lãi suất trở nên rất khủng khiếp. Tuy nhiên, không mấy ai quan tâm khi mà giá bất động sản (Chỉ số S&P/CASE-SHILLER) đã tăng bình quân 14%/năm từ đầu năm 2000 đến giữa năm 2006.¹

¹ Xem tại <http://us.spindices.com/indices/real-estate/sp-case-shiller-20-city-composite-home-price-index>

Trên thực tế, gia đình ông Tom chỉ có thể trả 1.500 đô-la/tháng, nhưng các tổ chức tài chính đã tạo ra một dòng thu nhập không có thật lên đến 2.500 đô-la/tháng (thậm chí là cao hơn) để chia nhau. Phần tăng thêm này thực chất được trả bằng tiền của những người gửi tiền hay ăn vào vốn gốc.

Điều gì phải đến đã đến. Kể từ đỉnh điểm vào giữa năm 2006 đến 03/2009, chỉ số S&P/CASE-SHILLER đã giảm 33%. Hàng triệu gia đình Mỹ hoặc là bị siết nợ hoặc là trả lại nhà cho bên cho vay vì giá trị căn nhà nhỏ hơn khoản nợ phải trả. Các tổ chức tài chính với các quan hệ dây tơ rề má chẳng chịt với nhau đã không có khả năng thanh toán các nghĩa vụ của mình. Hậu quả là khủng hoảng đã xảy ra khi mà dòng tiền từ các tài sản tạo ra trên thực tế thấp hơn nhiều so với giá trị các khoản nợ và cả xã hội phải gánh chịu hậu quả.

Trong cuộc chơi này, những người điều hành các tổ chức tài chính là vợ bầm nhất với hàng trăm triệu đô-la tiền thưởng như mô tả trong bộ phim tài liệu “Người trong cuộc” của Charles Ferguson (2010). Tuy nhiên, khi khủng hoảng xảy ra, cùng lắm họ cũng chỉ mất việc, trong khi những khoản tiền thưởng đã chi thì không thể thu hồi. Đây chính là mâu thuẫn giữa người sở hữu và người thừa hành và vấn đề này sẽ được phân tích trong các phần sau.

Thực ra, tất cả các loại tài sản tài chính được tạo ra nêu trên đều dựa trên những khoản vay mà về bản chất người đi vay không có khả năng trả nợ. Do vậy, những giấy nợ được chúng đảm bảo dường có giá trị rất thấp. Tuy nhiên, qua sự nhào nặn của các tổ chức tài chính, chúng đã được biến thành hàng chất lượng cao với giá trên trời. Điều này giống như giáo thuật biến đá thành vàng (alchemy) mà thời cổ đại nhiều người đã cất công tìm kiếm nhưng đều bất thành. Các công cụ bảo hiểm đã biến thành các công cụ bài bạc trên một thị trường với sự tự do cao độ cho các tổ chức tài chính. Joseph Stiglitz (2010) đã chỉ ra rằng nguyên tắc không có gì là miễn phí của kinh tế học đã bị vi phạm. Người vay đã được thuyết phục rằng không cần phải lo lắng đối với các khoản vay vì theo thời gian giá bất động sản sẽ lên, phần chênh lệch thu được không chỉ đủ để trả nợ mà còn có thể sắm xe hơi hay chi tiêu cho những kỳ nghỉ, điều không thể xảy ra trong thực tế.

Nguyên nhân sâu xa của cuộc khủng hoảng năm 2008 không khác nhiều so với gần tám thập kỷ trước đó. Joseph Stiglitz (2010), nhà kinh tế đoạt giải Nobel năm 2001 đã phân tích rất kỹ các nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng trong tác phẩm “Roi tự do: Hoa Kỳ, Các thị trường Tự do, và Sự chìm đắm của Nền kinh tế Thế giới” vào năm 2010. Lòng tham và sự vị kỷ của các cá nhân và doanh nghiệp một lần nữa đã đẩy nền kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng. Về mặt lý luận, Gs. Trần Hữu Dũng (2010) đã có một nhận định rất súc tích:

Thủ phạm sâu xa nhất [của cuộc khủng hoảng] không phải là vài cá nhân, một số công ty tài chính, thậm chí thể chế chính trị hay kinh tế, mà là một trường phái tư tưởng. Tư tưởng ấy là sự chấp nhận quá dễ dãi, thiếu phê phán, ý niệm “thị trường tự do” ảo huyền và không tưởng. Chính ý niệm ấy, và những hệ luận “lô gích” (và chỉ là lô gích!) của nó, là nền móng trí thức, là một lăng kính để nhìn thực tế, mà “ngành kinh tế” (cụ thể ở các nước tư bản) đã chấp nhận gần suốt nửa thế kỷ qua, và được tôn sùng bởi những người làm chính sách như Alan Greenspan. Hệ tư tưởng ấy đã không chế kinh tế học, trở nên lý thuyết “kinh tế học dòng chính” (mainstream economics), đôi khi gọi là “trường phái Chicago”.

Tuy nhiên, giờ đây nền kinh tế thế giới đã trở nên tinh vi hơn nên sức đề kháng tốt hơn. Hơn thế, khả năng ứng phó với khủng hoảng của các nước phát triển cũng tốt hơn (Bộ Tài chính Mỹ 2012). Sau khi để cho Bear Sterns và Lehman Brothers, hai trong 5 ngân hàng đầu tư lớn nhất ở Mỹ phá sản để phát đi tín hiệu rằng quá lớn nhưng vẫn có thể thất bại, thị trường bắt đầu có dấu hiệu hoảng loạn. Chính phủ Hoa Kỳ cùng với nhiều nước khác đã kịp thời phát ra thông điệp không để hệ thống tài chính sụp đổ, khác với việc “đóng cửa” cung tiền và để cho các tổ

chức tài chính phá sản hàng loạt dẫn đến sự hoảng loạn của thị trường và đẩy nền kinh tế rơi vào suy thoái trong giai đoạn 1929-1933 - điều mà Milton Friedman đã chỉ ra trước đó. Một lượng tiền đủ lớn đã được bơm vào nền kinh tế để tránh sự sụp đổ của cả hệ thống tài chính. Sau gần 5 năm, nhiều vấn đề vẫn còn đang ngổn ngang, nhưng cơ bản nền kinh tế thế giới đã qua khỏi cơn khủng hoảng nghiêm trọng điều này đã được tuyên bố tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới ở Davos, Thụy Sĩ tháng 01/2013 (Joe Weisenthal 2013). Tuy nhiên nhiều hệ lụy của cuộc khủng hoảng vẫn còn đó.

Điều làm cho không ít người ngạc nhiên là tại sao cả FED và Ngân hàng trung ương Châu Âu (ECB) đã bơm một lượng tiền khổng lồ để tránh sự đổ vỡ dây chuyền của hệ thống tài chính nhưng tình trạng lạm phát phi mã lại không xảy ra? Nhìn vào Mỹ, Martin Feldstein (2013) đã chỉ ra rằng, thực ra trong giai đoạn 2008-2012, FED đã bơm cho các tổ chức tài chính, các ngân hàng khoảng 2 nghìn tỷ đô-la, nhưng do kinh tế đang bất ổn, các doanh nghiệp khó mở rộng hoạt động, kinh tế suy thoái, trong khi FED lại có cơ chế trả lãi tiền gửi nên các tổ chức tài chính đã gửi tại FED 1,8 nghìn tỷ đô-la. Do vậy cung tiền trên thực tế đã tăng rất ít và không gây ra lạm phát. Tuy nhiên, điều này không thể đảm bảo trong tương lai khi mà nhu cầu vay mượn gia tăng, các ngân hàng mở rộng tín dụng thì lạm phát hoàn toàn có thể xảy ra.

II. KHI NHÀ NƯỚC LÀM THAY THỊ TRƯỜNG

1. Từ Marx đến sự thất bại của mô hình kinh tế XHCN thuần túy

Cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh bước vào thời kỳ đỉnh cao thì cũng là lúc người ta biết đến Karl Marx với Tư bản luận, Duy vật biện chứng, Duy vật lịch sử,... Marx cho rằng lịch sử của xã hội loài người là lịch sử của đấu tranh giai cấp. Xã hội loài người trải qua 5 hình thái gồm: cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản và cuối cùng là xã hội cộng sản. Chủ nghĩa tư bản chỉ là một giai đoạn tiến hóa trong phát triển kinh tế và cuối cùng nó sẽ được thay thế bởi một thế giới không có chế độ tư hữu (Marx 1867&1894). Con người không vị kỷ mà có thể vì cái chung; chế độ công hữu là ưu việt; cuối cùng, trong xã hội cộng sản, con người sẽ làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu là những lập luận của Marx.

Tiên đoán của Marx về xã hội cộng sản có thể sẽ xảy ra trong tương lai. Sự thành công ở các nước Bắc Âu hiện nay, hay việc cung cấp nhiều phúc lợi xã hội cho người dân ở các nước phát triển đang chứng minh các luận điểm của Marx về một xã hội tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, các học thuyết của ông được xây dựng cách đây khoảng 150 năm trong bối cảnh trình độ phân công sản xuất của xã hội, các tiến bộ công nghệ đang ở mức thấp nên nhiều điểm đã sớm trở nên không phù hợp như phân tích ở phần III dưới đây. Hơn thế, một số học thuyết của Marx đã bị hiểu sai, hay được áp dụng không đúng đã để lại những hậu quả tai hại. David Harvey (2010), người đi tiên phong nghiên cứu và phát triển các luận điểm của Marx và liên tục dạy “*Tư bản luận*” từ năm 1971 đến nay đã chỉ ra rằng:

Tư bản luận đã phân tích rất khoa học về tư bản chủ nghĩa nhưng không nói nhiều đến cách thức xây dựng một cuộc cách mạng cộng sản. Hoặc chúng ta cũng không thể tìm thấy nhiều về một xã hội cộng sản trông như thế nào.

Cuộc cách mạng vô sản đã thành công và Khối XHCN đã được hình thành sau khi Vladimir Lenin đưa thêm luận điểm về bạo lực cách mạng và lãnh đạo thành công cuộc cách mạng tháng Mười. Sự phát triển thần kỳ của Liên Xô trong một thời gian không chỉ gây ra sự ngộ nhận ở các nước XHCN mà cả với một số học giả phương Tây. Năm 1961, Paul Samuelson, người Mỹ đầu tiên đoạt giải Nobel Kinh tế đã viết trong quyển *Kinh tế học* – giáo trình kinh tế nổi tiếng nhất thế giới lúc bấy giờ:

Tổng sản phẩm quốc gia (GNP) của Liên Xô bằng khoảng một nửa của Hoa Kỳ, nhưng Liên Xô đang tăng trưởng nhanh hơn. Kết quả mà bất kỳ ai cũng có thể dự đoán rằng GNP của Liên Xô sẽ vượt qua GNP của Hoa Kỳ sớm thì vào năm 1984, chậm thì vào năm 1997 và trong bất kỳ tình huống nào thì GNP của Liên Xô cũng sẽ đuổi kịp GNP của Hoa Kỳ.

Hai thập kỷ sau, Samuelson vẫn giữ quan điểm của ông, và chỉ thay hai mốc thời gian bằng 2002 và 2012 (Samuenson 1978). Tuy nhiên, nhiều người đã chỉ ra rằng mô hình kinh tế XHCN không bền vững. Trong tác phẩm “*Đường về Nô lệ*”, Hayek (1944) cho rằng:

Tất cả các hình thức của chủ nghĩa tập thể kể cả những mô hình hợp tác tự nguyện chỉ có thể được duy trì bởi một chế độ tập quyền. Chủ nghĩa xã hội cần một mô hình kinh tế tập trung mà kết quả tất yếu sẽ dẫn đến độc tài.

Những nghiên cứu về hành vi tập thể của James Buchanan, Mancur Olson và Gordon Tullock cho thấy trong tập thể mọi người đều tư duy một cách duy lý nhưng đưa ra những kết quả hay hành động phi lý về mặt tập thể. Câu chuyện “*Đổ than*” để đạt kế hoạch vào năm 1979 ở Việt Nam trong loạt bài “*Đêm trước Đổi mới*” của Báo Tuổi Trẻ năm 2005 là một ví dụ điển hình:

Nỗi ám ảnh không đạt chỉ tiêu đe dọa số phận chính trị của tất cả ban lãnh đạo công ty, đến đồng lương tất cả cán bộ công nhân cũng như danh hiệu thi đua của toàn đơn vị. Không thể “*bó tay*”, ban lãnh đạo công ty quyết định ăn ngủ tại công trường, thức trắng đêm cùng công nhân, vượt qua sương muối, gió may miệt mài khai thác cho bằng đủ chỉ tiêu được giao. Công việc lúc này bận rộn và khó khăn gấp đôi bình thường vì sau khi mất công khai thác, công ty còn mất một công nữa là... *đổ than* đi. *Đổ xuống vực, xuống suối, xuống hang...* hay bất cứ đâu cũng được (Xuân Trung và Quang Thiện 2005).

Ở đâu cũng vậy, Việt Nam, Liên Xô hay Trung Quốc, nông dân chỉ tập trung vào mảnh đất 5% của mình mà không quan tâm đến việc chung. Mô hình kinh tế tập thể, kinh tế kế hoạch đã đi vào ngõ cụt như phân tích của Janos Kornai (1992). Những gì xảy ra thực tế ở ngay các nước XHCN cũng đã chỉ ra rằng con người là vị kỷ chứ không vì cái chung. Họ không có động cơ làm việc khi không có sự đền bù xứng đáng cho nỗ lực cá nhân. Công hữu không thể tạo ra *sự phá hủy sáng tạo* như lập luận của Joseph Alois Schumpeter (1942).

Nhà nước không thể làm thay thị trường. Mô hình XHCN theo kiểu cưỡng bức và duy ý chí mà chính nó đã vi phạm ngay phép biện chứng của Marx đã thất bại. Gần như tất cả các nước XHCN đã tiến hành cải cách kinh tế để áp dụng các quy luật của thị trường. Cải cách theo “*vụ nổ lớn*” cũng như “*dò đá sang sông*” đều đã được áp dụng và cho kết quả pha trộn.

2. Cải cách “vụ nổ lớn”: Thành công và thất vọng

Sau thất bại của mô hình kinh tế kế hoạch, các nước Đông Âu và Liên Xô đã cải cách theo kiểu “*vụ nổ lớn*” để “*xóa đi tất cả làm lại từ đầu*” (như Petroiska ở Liên Xô). Hầu hết tài sản Nhà nước được tư nhân hóa. “*Sau một đêm*”, các thể chế kinh tế tập trung được thay bằng các thể chế thị trường. Với cách tiếp cận này, một số nước đã có được những thành công nhất định, trong khi một số khác chỉ đem lại sự thất vọng cho công chúng cùng với bất ổn xã hội.

Các nước Đông Âu đã trở thành thành viên của Cộng đồng châu Âu (EU) như Czech, Hungary, Bungary hay Ba Lan, nói chung là đã thành công với mức độ phát triển hay tiến bộ xã hội tiệm cận với các nước phát triển. Lý do của sự thành công là (1) không ít thì nhiều về cấu trúc xã

hội, hay văn hóa của các nước này cũng có những tương đồng với các nước Tây Âu; và (2) quan trọng nhất là sức ép để trở thành thành viên của EU đã buộc các nước Đông Âu phải tiến hành cải cách nhanh chóng và xây dựng các thể chế thị trường trên nguyên tắc thượng tôn pháp luật hay pháp quyền giống như các nước khác trong EU. Tuy có được những thành công ban đầu, nhưng các nước này vẫn đang phải đối mặt với những mặt trái của kinh tế thị trường.

Đối với Liên bang Nga, có hai quan điểm trái chiều và người viết bài thuộc về nhóm cho rằng cải cách của nước Nga đã không thành công trên thực tế. Phần lớn khối tài sản khổng lồ (như khai thác tài nguyên và buôn bán vũ khí chẳng hạn) của một quốc gia từng được xem là hùng mạnh nhất thế giới đã rơi vào tay một số ít người. Khi mà pháp quyền không được tôn trọng để chống lại tình trạng “cá lớn nuốt cá bé”, quy luật khắc nghiệt nhất của kinh tế thị trường, thì một xã hội bất công cho phần lớn dân chúng đã được tạo ra. Những xung đột xã hội hay sắc tộc gần đây chính là hậu quả của sự bất công này. Trong đánh giá vào 01/2013, với tựa đề *Những kịch bản cho Liên bang Nga*, Diễn đàn Kinh tế Thế giới tại Davos Thụy Sĩ đã chỉ ra những vấn đề rất cơ bản của Nga (WEF 2013a). Hơn 50% những người làm trong những lĩnh vực chuyên môn quan trọng cho một nền kinh tế đang tìm kiếm cơ hội rời khỏi nước Nga. Khả năng giá năng lượng trên thế giới giảm, cấu trúc thể chế yếu kém và thiếu lòng tin là những thách thức lớn nhất hiện nay ở Nga. Một số vấn đề của nước Nga hiện nay được thể hiện qua quan sát và so sánh khá thú vị giữa nước Nga trước thập niên 1990 và ngày nay của Ts. Lê Hồng Giang (2013).

Cải cách ở những nước thuộc Liên Xô cũ như: Ucraina, Belarus... đã đem lại sự thất vọng cho công chúng. Chán ngán với Chính phủ hiện tại, công chúng hoặc là sử dụng lá phiếu của mình, hoặc là gây bạo loạn để hình thành nên chính phủ mới. Đây chính là những cuộc cách mạng màu trong thời gian qua. Tuy nhiên, sự thất vọng đã xảy ra ngay sau đó và đưa xã hội đã rơi vào tình trạng chia rẽ và bất ổn triền miên.

Thực ra, bản chất của sự bất ổn ở Nga hay các nước thuộc cộng hòa Xô Viết trước đây là do các quan hệ thị trường đã được đưa vào quá nhanh trong khi pháp quyền không được tôn trọng và những nhân tố cơ bản của một xã hội dân sự không được quan tâm. Cho dù ai đứng trong chính phủ cũng là để bảo vệ lợi ích của số ít những người đã thâm tóm phần lớn tài sản quốc gia trong quá trình chuyển đổi. Phúc lợi xã hội không được coi trọng và quyền lợi của phần lớn người dân bị hy sinh.

3. “Đò đá sang sông”: Thành công ban đầu, nhưng...

Khác với các nước Đông Âu và Liên Xô, với đặc điểm riêng của mình nhất là do đặc điểm kinh tế nông nghiệp phân tán, Việt Nam và Trung Quốc đã tiến hành cải cách kinh tế theo cách tiệm tiến hay “đò đá sang sông”.² Các hoạt động kinh tế từng bước được nới lỏng để chúng tuân theo các quy luật thị trường. Kết quả rõ nhất đối với hai nước là tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong một thời gian rất dài trong khi vẫn duy trì được sự ổn định chính trị, xã hội. Một số chính sách cải cách của hai nước đã đem lại lợi ích cho rất nhiều người, nhất là những cải cách về đất đai, nông nghiệp và nông thôn. Sau những lúng túng ban đầu, cả hai nước này đã cố gắng tìm cách kết hợp kinh tế thị trường với các nguyên lý của XHCN mà Việt Nam gọi là kinh tế thị trường định hướng XHCN và Trung Quốc gọi là XHCN với đặc sắc Trung Quốc. Lựa chọn này có vẻ hiệu quả trong một thời gian, nhưng những rắc rối bắt đầu nảy sinh và ngày một trầm

² Bây giờ nhìn lại thì thấy cải cách ở Việt Nam và Trung Quốc là khác với các nước đông Âu. Tuy nhiên, việc cải cách từ từ của hai nước này có lẽ do những yếu tố ngẫu nhiên nhiều hơn là chủ đích như vậy. Cũng có ý kiến cho rằng đây không phải là do thận trọng mà do bảo thủ không muốn cải cách triệt để.

trọng hơn. Hiện nay cả Việt Nam và Trung Quốc đang phải đối mặt với ít nhất hai vấn đề hết sức nan giải.

Thứ nhất, cải cách kinh tế đã đi quá nhanh trong khi với mục tiêu ổn định được đặt lên hàng đầu nên cải cách hệ thống chính trị đã diễn ra khá thận trọng. Sự tương thích giữa các thể chế kinh tế và chính trị ở cả hai nước đang được tranh luận sôi nổi mà nó được biểu hiện rõ nét nhất qua bình luận của ông Nguyễn Văn An, Nguyên Chủ tịch Quốc hội Việt Nam bàn về phương thức cầm quyền của Đảng (Nguyễn Văn An 2010) và phát biểu của ông Ôn Gia Bảo, Thủ tướng Trung Quốc ở Thâm Quyển hồi tháng 08/2010 (Wang Guanqun 2010).

Cải cách các thể chế chính trị như thế nào là điều không đơn giản. Nếu không cải cách để loại bỏ sự xơ cứng hay thoái hóa của bộ máy, nhất là tình trạng tham nhũng và vô trách nhiệm tràn lan, thì sự ổn định của các thể chế chính trị nói riêng, xã hội nói chung sẽ bị đe dọa. Tuy nhiên, việc rập khuôn một cách máy móc các thiết chế dân chủ theo kiểu phương Tây có lẽ không phải là phương cách tốt. Sự bất ổn, thậm chí là bạo loạn ở các nước thuộc Liên Xô cũ cũng như nhiều nước trong khu vực là bài học nhãn tiền cho bất cứ ai mơ về những cải cách không thực tế. Tuy nhiên, cho dù tiếp cận theo phương thức nào, thì cũng cần phải có sự cạnh tranh hay giám sát thực chất ở mỗi vị trí trong bộ máy nhà nước. Việc kìm kẹp xã hội quá lâu, không có những điều chỉnh cần thiết dẫn đến tức nước vỡ bờ và xảy ra cuộc cách mạng hoa nhài như các nước theo chế độ chuyên chế ở Trung Đông là những điều cần hết sức lưu ý.

Thứ hai, mặt trái của kinh tế thị trường hay những thất bại thị trường đang nổi lên ngày càng nhiều và gay gắt. Kinh tế thị trường đã không là chiếc đũa thần để giải quyết mọi vấn đề của mô hình kinh tế kế hoạch như nhiều người mong đợi mà nó lại gây ra rắc rối. Cái vòng luẩn quẩn thất bại của thị trường dẫn đến thất bại của nhà nước và ngược lại như Josephs Stiglitz (2000) đã phân tích cứ liên tục xảy ra. Càng tăng trưởng kinh tế, thì những người ở vị thế bất lợi càng bị thiệt thòi. Nếu cứ để cho thị trường vận hành một cách tự do theo “bản năng” của nó thì sự bất công hay các vấn đề xã hội khác sẽ trở nên ngày một nghiêm trọng hơn. Không ai khác, nhà nước sẽ phải giải quyết những vấn đề này. Tuy nhiên, câu hỏi khó nhất là nhà nước nên làm như thế nào.

III. NHÀ NƯỚC PHÚC LỢI Ở CÁC NƯỚC BẮC ÂU

Chỉ có khoảng 25 triệu người nằm ở các rẻo đất hẹp, nhưng mô hình nhà nước phúc lợi (welfare state) ở các nước bắc Âu, nhất là bốn nước Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan và Thụy Điển gây ra rất nhiều chú ý với rất nhiều nghiên cứu về mô hình này. Năm 2011, Diễn đàn Kinh tế Thế giới tại Davos Thụy Sĩ đã tìm hiểu *Con đường của các nước bắc Âu* (WEF 2011) và tháng 02/2013 vừa qua, Tờ Nhà kinh tế, có trụ sở ở Anh đã có *Báo cáo đặc biệt: Mô hình các nước bắc Âu* (Economist 2013a). Trong gần như tất cả các xếp hạng về mức độ phát triển của các quốc gia trên thế giới, những nước này nhìn chung đều có vị thứ cao nhất. Trong nghiên cứu *Mô hình bắc Âu* của Viện nghiên cứu Kinh tế Phần Lan, nhóm tác giả Torben M. Andersen, Bengt Holmström, Seppo Honkapohja, Sixten Korkman, Hans Tson Söderström và Juhana Vartiainen (2007) đã chỉ ra rằng:

So sánh một cách tổng thể với các nước khác, các nước bắc Âu tốt hơn khi kết hợp hiệu quả kinh tế và tăng trưởng với thị trường lao động nhân bản, phân phối thu nhập công bằng và cố kết xã hội. Mô hình này tạo ra nguồn cảm hứng cho nhiều người tìm kiếm một hệ thống kinh tế - xã hội tốt hơn... Ở chiều ngược lại, điều làm cho nhiều người ngạc nhiên là tại sao các nước bắc Âu có thể trở nên thịnh vượng và tăng trưởng tốt với các khuyến khích kinh tế được xem là yếu đi cùng với thuế suất rất cao, một hệ thống an sinh xã hội hào phóng và chế độ phân phối bình quân.

Hình dung một cách đơn giản, trong thị trường tự do không có chính phủ, một người làm ra bao nhiêu được sẽ bỏ túi bấy nhiêu và các chi tiêu cá nhân của họ cũng không phải đóng thuế hay cống nộp cho ai cả. Lúc này động cơ của các cá nhân là cao nhất. Ở mô hình xã hội cộng sản lý tưởng làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu của Marx, người lao động làm ra bao nhiêu thì sẽ góp toàn bộ làm tài sản chung, sau đó nhu cầu của mình như thế nào hưởng thế ấy. Cách thức phân phối này đã được áp dụng một cách cưỡng bức ở các nước XHCN thuần túy và đã thất bại. Sau đó nhà nước giao 5% đất cho nông dân thì họ chỉ tập trung vào đó mà không quan tâm đến phần còn lại và cuối cùng các nước này phải quay lại các quy luật của kinh tế thị trường, trả phần lớn tài sản ruộng đất cho người dân như phân tích ở trên.

Đối với mô hình ở các nước bắc Âu hiện nay, người lao động làm ra 100 đồng thì phải đóng thuế (bao gồm thuế thu nhập và thuế tiêu dùng) khoảng một nửa – đây là một mức rất cao. Điều thú vị là ở chỗ, các khoản thuế đang được sử dụng rất hiệu quả tạo ra một hệ thống an sinh và phúc lợi xã hội hào phóng. Xét theo logic và tâm lý thông thường thì suru cao thuế nặng sẽ làm giảm động cơ làm việc của người lao động và phúc lợi xã hội cao mà không phải làm gì khiến người ta lười hơn. Tuy nhiên, người dân ở các nước này vẫn chăm chỉ làm việc để đưa quốc gia của họ đi đến phồn vinh. Ví dụ, sau những chập choạng bởi khủng hoảng ở thập niên 1980 và đầu thập niên 1990, trong giai đoạn 1993-2010, Thụy Điển đã giảm nợ công từ 70% xuống còn 37% GDP, ngân sách từ thâm hụt bằng 11% GDP trở thành dương 0,3%; tăng trưởng kinh tế và tăng năng suất lần lượt là 2,7% và 2,1% so với 1,9% và 1% của 15 nước mạnh nhất khối EU. Chi tiêu của khu vực công giảm từ 67% GDP xuống còn 47%, trong khi đời sống cả vật chất và tinh thần của phần lớn người dân đều khấm khá lên (Economist 2013a).

Dựa vào những kết quả kinh ngạc nêu trên mà nhiều người cho rằng con đường ở giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội đang tồn tại ở các nước này (Economist 2013a, và Henrik Berggren và Lars Trägårdh 2011). Chính sách mỗi nước là rất khác nhau, nhưng tựu trung, những yếu tố then chốt đi đến thành công của các nước này gồm:

Thứ nhất, các nước bắc Âu đã theo chủ nghĩa tự do và trọng người tài từ rất sớm. Ví dụ, ngay từ năm 1840, Thụy Điển đã bãi bỏ các ưu tiên cho tầng lớp quý tộc vào các chức danh của nhà nước và tạo ra một dịch vụ dân sự trọng dụng người tài và không có tham nhũng. Trường phái ủng hộ thị trường tự do luôn có những vị trí chủ chốt trong chính phủ. Sự phân bổ nguồn lực theo các quy luật của thị trường tự do được tận dụng tối đa, các doanh nghiệp tư nhân có quyền cạnh tranh bình đẳng với các nhà cung cấp của chính phủ.

Thứ hai, tính thực tế và ý chí sắt đá là nền tảng tạo ra một chính phủ minh bạch và trung thực. Khi phát hiện ra trục trặc thì cả hệ thống chính trị đã được huy động để tìm giải pháp và điều chỉnh sao cho hợp lý hơn. Các đồng thuận mới có thể thay thế những nguyên tắc cũ kỹ, lỗi thời một cách dễ dàng. Tính thực tế cũng giải thích tại sao các nước này liên tục cập nhật và điều chỉnh mô hình phát triển của họ. Hơn thế, thay vì kinh doanh hay làm ở khu vực tư nhân như nhiều nơi khác, rất nhiều người tài ở các nước này đã vào làm việc tại khu vực nhà nước và đây được xem là vinh hạnh của họ.

Thứ ba, vốn xã hội làm giảm chi phí giao dịch. Sự kết hợp của địa lý và lịch sử đã tạo ra hai nguồn vốn cực kỳ quan trọng trong xã hội đó là sự tin tưởng vào người lạ và niềm tin vào các quyền tự do cá nhân. Đây là vốn xã hội rất quý theo như phân tích của Pierre Bourdieu, Robert Putnam cũng như nhiều nhà nghiên cứu khác. Điều này giúp giảm thiểu đáng kể các chi phí giao dịch – một rào cản rất lớn làm giảm hiệu quả kinh tế như phân tích của Ronald Coase cùng nhiều người khác.

Thứ tư, tự chủ cá nhân là một trong những yếu tố then chốt. Sự kết hợp của một quy mô nhà nước lớn với chủ nghĩa cá nhân có vẻ gì đó phi lý đối với nhiều người, nhưng Lars Tragardh chỉ ra rằng đây không phải là vấn đề lớn vì người dân cho rằng vai trò của chính phủ là thúc đẩy quyền tự chủ cá nhân và sự vận động của xã hội. Các chính sách được thiết kế sao cho mỗi cá nhân có sự tự chủ cao nhất và ít phụ thuộc vào người khác nhất. Ví dụ việc tách bạch thuế khóa và thu nhập giữa vợ và chồng trong gia đình tạo ra tính tự chủ cho mỗi người. Việc tạo tính tự chủ cá nhân này đã giúp cho mỗi người được đeo đuổi những mục tiêu ưa thích của mình và không bị ràng buộc hay phụ thuộc vào những người khác. Đây có lẽ là một trong những nguyên nhân chính để người dân ở các nước này vẫn chăm chỉ làm việc cho dù thuế cao và phúc lợi xã hội hào phóng.

Trong giai đoạn 1870-1970, các nước bắc Âu đã có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới nhờ những cải cách tạo điều kiện cho các hoạt động kinh doanh như việc thiết lập các ngân hàng hay tư nhân hóa việc quản lý và khai thác rừng. Tuy nhiên, sự mở rộng quy mô không có kỷ luật của nhà nước đã chặn đà tăng trưởng trong thập niên 1970-1980. Sau đó, những người ủng hộ thị trường tự do đã tạo ra một kết quả đáng kinh ngạc bằng việc quyết tâm cắt giảm các khoản chi tiêu công và thiết lập môi trường kinh doanh tự do (Economist 2013). Thực ra, trong thập niên 1980-1990, các nước này cũng đã trải qua những cuộc khủng hoảng hết sức nghiêm trọng. Theo Klas Eklund (2011), sự ổn định gần đây và không bị tác động nhiều bởi cuộc khủng hoảng năm 2008 của những quốc gia này là nhờ họ đã học được những bài học từ trước đó. Kinh nghiệm và kỹ năng quản lý khủng hoảng của họ là điều nên học.

Tóm lại, công thức thành công của các nước bắc Âu thực ra không có gì là bí mật cả. Tôn trọng các quy luật của thị trường, tôn trọng tự do của các cá nhân và một nhà nước hữu hiệu vì lợi ích của người dân là chìa khóa thành công. Tuy nhiên đây là điều rất khó bắt chước. Trong đó yếu tố xây dựng lòng tin để tạo ra một xã hội cố kết là cực kỳ quan trọng. Hơn thế, mô hình này hiện đang gặp nhiều thách thức với tiến trình toàn cầu hóa, người nhập cư gia tăng làm cho tính đồng nhất trong xã hội ở các nước này giảm đi.

IV. VÌ SAO NƯỚC THỊNH, NƯỚC SUY – MỘT LUẬN GIẢI GẦN ĐÂY

Các học thuyết phát triển đang rơi vào khủng hoảng và chưa một chủ thuyết nào được đa số công nhận như các học thuyết của Marx ở các nước XHCN hay thị trường tự do trước năm 2008. Rất nhiều thảo luận đang nổi lên, nhất là giờ đây kinh tế học được phân thành rất nhiều nhánh nhỏ và liên thông với các khoa học khác. Trang web <http://www.project-syndicate.org>, nơi thảo luận của rất nhiều những nhà kinh tế, những tinh hoa hàng đầu thế giới hiện nay phản ánh rất rõ sự sôi động và đa dạng trong các quan điểm.

Đối với các nước đang phát triển, tác phẩm “*Tại sao Nước thịnh, Nước suy: Nguồn gốc của Quyền lực, Sự thịnh vượng, và Nghèo khó*” của Daron Acemoglu và James Robinson (2012)³ là rất đáng tham khảo. Hai tác giả đã phân tích sự phát triển của các nền kinh tế thế giới qua nhiều thế kỷ và chỉ ra rằng những nước phát triển là những nước có thể chế kinh tế và thể chế chính trị dung nạp trong khi những nước có thể chế kinh tế và thể chế chính trị khai thác hay tước đoạt thì khó phát triển.

Thể chế kinh tế dung nạp (inclusive economic institutions) là thể chế, ví dụ như các nước bắc Âu, hay Hàn Quốc, cho phép và khuyến khích sự tham gia đồng đẳng của người dân trong các

³ Có lẽ hai tác giả đã cố ý chơi chữ khi đặt tên *Why Nations Fail*, gần như đọc ngược lại của *The Wealth of Nations*, tác phẩm kinh điển của Adam Smiths. Nhiều người cho rằng tác phẩm này có thể giúp các tác giả đoạt giải Nobel Kinh tế trong tương lai, đặc biệt là nếu những dự báo về kinh tế Trung Quốc là đúng.

hoạt động kinh tế mà chúng làm cho tài năng và kỹ năng của mỗi người được sử dụng tốt nhất và cho phép mọi người được lựa chọn điều mình mong muốn. Thể chế kinh tế này được đặc trưng bởi sự bảo đảm quyền tài sản cá nhân, một hệ thống pháp luật không thiên vị, và sự cung cấp các dịch vụ công bình đẳng để mọi người có thể trao đổi và hợp đồng với nhau, nó cũng cho phép sự tham gia của các hoạt động kinh doanh mới và cho phép người dân lựa chọn nghề nghiệp của mình.

Thể chế kinh tế tước đoạt (extractive economic institutions) là thể chế không có được các đặc trưng nêu trên mà ở đó chúng được thiết kế để tước đoạt hay khai thác thu nhập hay của cải của nhóm này để phục vụ cho một nhóm khác. Nói một cách đơn giản là thu nhập hay của cải của số đông người dân được khai thác để phục vụ cho một nhóm nhỏ những người cầm quyền và một số ít đối tượng liên quan. Một số nước Trung Đông trước cuộc cách mạng Hoa Nhài cũng như nhiều nước khác có những đặc trưng loại hình thể chế kinh tế này.

Thể chế chính trị dung nạp (inclusive political institutions) là thể chế hội đủ hai điều kiện gồm: một mức độ tập trung cần thiết và đa dạng trong các quan điểm (pluralism). Khi một trong hai điều kiện không được thỏa mãn thì thể chế như vậy gọi là thể chế chính trị khai thác hay tước đoạt (extractive political institutions).

Có sự liên hệ chặt chẽ giữa các thể chế kinh tế và thể chế chính trị. Thể chế chính trị tước đoạt tập trung quyền lực trong tay một số ít tầng lớp tinh hoa và có ít các giới hạn trong thực thi quyền lực. Các thể chế kinh tế tước đoạt khi đó được thiết kế để tước đoạt các nguồn lực từ phần còn lại của xã hội để phục vụ cho những đối tượng đang nắm quyền. Do vậy thể chế kinh tế tước đoạt một cách tự nhiên gắn liền với thể chế chính trị tước đoạt. Nói chính xác hơn là thể chế kinh tế tước đoạt phải dựa vào thể chế chính trị tước đoạt để tồn tại. Những nhóm đặc lợi kinh tế sử dụng nguồn lực một cách vô tội vạ mà không quan tâm đến hiệu quả chung cho toàn xã hội. Các chính sách được đưa ra mục đích duy nhất là để bảo vệ lợi ích của các nhóm này, và chúng triệt tiêu sự sáng tạo. Trong thể chế dạng này, giới cầm quyền rất sợ cái mới, rất sợ sự phá hủy sáng tạo, điều mang lại lợi ích cho toàn xã hội nhưng đe dọa quyền lực của họ và những người đang được hưởng lợi từ cấu trúc thể chế đó. Điều này trên thực tế đã xảy ra ở Anh, thời kỳ trước cuộc cách mạng công nghiệp khi mà hoàng gia và những người liên quan đã tìm mọi cách để bảo vệ lợi ích của mình và cấm đoán các ý tưởng sáng tạo và điều này cũng khá phổ biến ở không ít nước trong thời đại ngày nay.

Thể chế kinh tế dung nạp, ngược lại, được hình thành trên các nền tảng mà chúng được tạo ra bởi thể chế chính trị dung nạp và chúng làm cho quyền lực được phân bổ trên một diện rộng các tầng lớp xã hội và giới hạn việc thực thi quyền lực độc đoán. Những thể chế chính trị như vậy cũng cản trở việc thu tóm quyền lực hay phá hủy các nền móng của các thể chế kinh tế dung nạp. Những người đang kiểm soát quyền lực chính trị không thể sử dụng chúng một cách dễ dàng để thiết lập các thể chế kinh tế tước đoạt có lợi cho chính họ. Thể chế kinh tế dung nạp tạo ra việc phân bổ các nguồn lực công bằng hơn và giúp cho cấu trúc thể chế chính trị dung nạp bền vững hơn.

Sự kết hợp giữa thể chế kinh tế dung nạp và thể chế chính trị tước đoạt hay ngược lại là không bền vững. Các thể chế kinh tế tước đoạt sẽ không thể tồn tại dài lâu trong một thể chế chính trị dung nạp. Tương tự, thể chế kinh tế dung nạp sẽ không hỗ trợ và không được hỗ trợ bởi thể chế chính trị tước đoạt. Trong tình huống này, hoặc là các thể chế kinh tế dung nạp dần được chuyển hóa và thay thế bởi các thể chế kinh tế tước đoạt, hoặc ngược lại, sự năng động của các hoạt động kinh tế sẽ làm mất ổn định các thể chế chính trị tước đoạt và dần chuyển biến thành các thể chế chính trị dung nạp với sự tham gia đông đảo của các tầng lớp trong xã hội.

Những lý giải về thể chế nêu trên là rất thú vị. Tuy nhiên, đây mới chỉ là tổng kết những điều đã xảy ra cùng những vấn đề mà nhiều người khác đã chỉ ra, trong khi những dự đoán của các tác giả vẫn chưa có thời gian để kiểm chứng. Còn quá sớm để nói về ảnh hưởng của chủ thuyết này, nhưng những phân tích này là rất đáng tham khảo, nhất là cho các nước đang phát triển trong việc cải cách thể chế hiện hữu để trở nên hiệu quả hơn.

V. VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA NHÀ NƯỚC

1. Chức năng và vai trò của nhà nước

| | Giải quyết thất bại thị trường | | | Cải thiện công bằng |
|----------------------|---|--|--|--|
| Chức năng tối thiểu | <p><i>Cung cấp hàng hóa công thuần túy</i></p> <p>Quốc phòng Luật pháp và trật tự Quyền sở hữu tài sản Quản lý kinh tế vĩ mô Y tế công cộng</p> | | | <p><i>Bảo vệ người nghèo</i></p> <p>Các chương trình chống nghèo Cứu nguy khi có thảm họa</p> |
| Chức năng trung gian | <p><i>Xử lý các ngoại tác</i></p> <p>Giáo dục cơ bản Bảo vệ môi trường</p> | <p><i>Điều tiết độc quyền</i></p> <p>Điều tiết các tiện ích thiết yếu [như điện nước] Chính sách chống độc quyền</p> | <p><i>Xử lý thông tin không hoàn hảo</i></p> <p>Bảo hiểm (y tế, nhân thọ, hưu trí) Điều tiết tài chính Bảo vệ người lao động</p> | <p><i>Cung cấp dịch vụ BHXH</i></p> <p>Tái phân bổ lương hưu Trợ cấp gia đình Bảo hiểm thất nghiệp</p> |
| Chức năng tích cực | <p><i>Phối hợp hoạt động tư nhân</i></p> <p>Nuôi dưỡng các thị trường Các sáng kiến về cụm</p> | | | <p><i>Phân phối lại</i></p> <p>Phân phối lại tài sản</p> |

Hình 1: Các chức năng của nhà nước

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (1997)

Tất cả các quốc gia trên thế giới đều có nhà nước và nhà nước luôn đóng vai trò quan trọng thuộc diện bậc nhất trong xã hội. Trừ một số nước thuộc “Một tỷ người dưới đáy” (Paul Collier 2007) mà ở đó nhà nước có cũng như không, ở tất cả các nước trên thế giới, nhà nước, đại diện

cũng như thực thi vì quyền lợi của toàn dân, luôn được thừa nhận là có thể đứng trên tất cả các chủ thể còn lại. Trong “*Báo cáo Phát triển Thế giới năm 1997*” với tiêu đề “*Nhà nước trong một Thế giới đang Chuyển đổi*”, Ngân hàng Thế giới đã đưa ra một bức tranh khá toàn diện về vai trò của nhà nước mà Francis Fukuyama (2004) lấy làm cơ sở cho tác phẩm “*Xây dựng Nhà nước*” của ông.

Như mô tả trong Hình 1, nhà nước có hai nhóm chức năng chính là sửa chữa thất bại thị trường và cải thiện công bằng. Nhà nước “không được giao” chức năng hay nói cách khác là không nên tham gia vào các hoạt động kinh tế/kinh doanh thuần túy mà không có những thất bại thị trường vì đây là việc của thị trường.

Quy mô của nhà nước như thế nào là một cuộc tranh cãi dai dẳng (Francis Fukuyama 2004). Nhìn dưới góc độ kinh tế thì nhà nước là chủ thể chi tiêu hay sử dụng nguồn lực xã hội nhiều nhất. Nhà nước có quy mô nhỏ thì ngân sách cũng chiếm khoảng 20% GDP; đối với các nước có quy mô nhà nước lớn thì ngân sách chiếm hơn một nửa GDP. Ví dụ, vào năm 2012, Đan Mạch 56%, Thụy Điển 51,3%, Mỹ 41,7%, Việt Nam 30,3%. Trung Quốc 23,6%, Thái Lan 23,3% và Banglades 16,2% (Heritage 2013). Những khoản chi tiêu chủ yếu cho an ninh, quốc phòng, cơ sở hạ tầng công, giáo dục, y tế, các chương trình phúc lợi cho người nghèo... Đây là những việc mà các nhà nước phải làm do khu vực tư nhân không có động cơ hoặc làm không hiệu quả do những khuyết tật của thị trường. Nhà nước cũng tham gia vào các hoạt động kinh tế; nước nào cũng có DNN. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là trong tất cả các quốc gia đã đi đến thịnh vượng, không nước nào xác định vai trò chủ đạo của nhà nước hay kinh tế nhà nước. Nói cách khác, nhà nước luôn sử dụng một tỷ phần nguồn lực xã hội lớn nhất, nhưng đây là vai trò đặc biệt chứ không nên xem nhà nước hay kinh tế nhà nước có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế vì như vậy sẽ giảm chân vào chức năng của thị trường và gây rắc rối cho nền kinh tế do nhà nước sẽ vừa đá bóng, vừa thổi còi.

Cho dù hầu hết các nước trên thế giới công nhận sở hữu tư nhân, nhưng tài sản công luôn chiếm phần nhiều nhất. Hơn thế, trong những trường hợp cần thiết (vì an ninh quốc gia chẳng hạn), nhà nước có thể trưng mua, thậm chí là tịch thu tài sản, hay tính mạng của người dân (gọi nhập ngũ và đưa ra chiến trường khốc liệt với khả năng tử vong rất cao chẳng hạn). Tuy nhiên, khi pháp quyền được lấy làm nền tảng, thì nhà nước phải là chủ thể đầu tiên tôn trọng pháp luật chứ không thể muốn gì làm nấy theo kiểu độc tài chuyên chế.

2. Khi nào các mục tiêu chung có thể đạt được?

Nhà nước làm sứ mệnh sửa chữa các thất bại của thị trường do tính vị kỷ của con người gây ra. Tuy nhiên, về bản chất, hành vi của những người làm ở khu vực công hay khu vực tư đều như nhau. Nói cách khác điều trớ trêu là nhà nước cũng chỉ là tập thể của những con người vị kỷ. Ăn theo (free rider) và mâu thuẫn giữa người sở hữu và người thừa hành (Principal – Agent Problem) luôn ảnh hưởng đến hiệu quả và tính hữu hiệu của tổ chức. Nếu mục tiêu của tổ chức càng mù mờ thì điều này càng nghiêm trọng.

Ngay ở trong các doanh nghiệp với mục tiêu rất rõ ràng là vì lợi nhuận nhưng vấn đề mâu thuẫn giữa người sở hữu và người thừa hành đã rất lớn. Mục tiêu của các doanh nghiệp tư nhân mà chính xác là những người chủ sở hữu là lợi nhuận hay suất sinh lợi trên đồng vốn đầu tư mà họ phải bỏ ra. Tuy nhiên các doanh nghiệp cũng là các tập thể và mỗi người được giao một nhiệm vụ khác nhau. Vấn đề lớn nhất trong bất kỳ tổ chức nào là trong rất nhiều trường hợp lợi ích giữa người sở hữu và người thừa hành mâu thuẫn nhau. Trong bộ phim tài liệu “*Trong cuộc*” về Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2010 của Charles Ferguson (2010), những người điều hành cao cấp của các công ty lớn chỉ lo mua sắm hay sử dụng những vật dụng đắt tiền như

máy bay riêng cũng như tạo ra các cơ chế để có các phần thưởng hậu hĩnh cho mình. Hậu quả là khủng hoảng xảy ra, các nhà đầu tư trắng tay, cả xã hội lao đao trong khi những người này vẫn có cuộc sống xa xỉ. Làm sao để người được giao nhiệm vụ thực thi những mục tiêu được giao thay vì chỉ tập trung cho lợi ích cá nhân ở các doanh nghiệp vẫn đang là câu hỏi hóc búa. Một số cơ chế khuyến khích được thiết kế chỉ phần nào giải quyết được vấn đề này trong một số trường hợp.

Đối với các DNNN thì vấn đề này còn nghiêm trọng hơn do gần như không xác định được chủ sở hữu có quyền bãi miễn những người điều hành doanh nghiệp là ai. Kết quả là tiền vốn hay tài sản của công được một số cá nhân sử dụng cho các mục đích riêng, củng cố quyền lực cá nhân hay vây cánh của họ. Đây cũng là nguyên nhân làm cho các DNNN ở hầu hết các nơi trên thế giới kém hiệu quả. Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Không chỉ ở Vinashin hay Vinalines mà việc sử dụng của công vô tội vạ gần như chắc chắn đang xảy ra ở hầu hết các DNNN. Vì lý do này mà nhiều nước trên thế giới, nhất là các nước phát triển, chỉ sử dụng DNNN trong một giới hạn nhỏ các hoạt động thực sự cần thiết để làm một hoặc một số chức năng hay nhiệm vụ cụ thể nào đó. DNNN dứt khoát không thể vừa tham gia kinh doanh, vừa làm chức năng điều tiết vĩ mô hay nhiệm vụ xã hội. Việc giao các DNNN nhiệm vụ như vậy chẳng khác nào cho những người điều hành chúng tính chính danh hay công cụ để sử dụng tài sản công cho mục tiêu riêng của họ và phần thua lỗ đã có “nhiệm vụ xã hội” gánh chịu.

Doanh nghiệp đã như vậy, đối với nhà nước thì vấn đề còn nghiêm trọng hơn vì các mục tiêu thường mờ mờ hơn rất nhiều. Các nghiên cứu cũng như bằng chứng thực tế về hành vi chỉ ra rằng, ở những điều kiện hay áp lực khác nhau, các lựa chọn tập thể hay lựa chọn công cho ra các kết quả rất khác nhau.

Mancur Olson (1967) đã chỉ ra rằng: *“Những cá nhân duy lợi và tư duy hợp lý sẽ không hành động để đạt được lợi ích chung trừ phi số người trong nhóm là nhỏ hoặc có một sự sức ép hoặc một công cụ đặc biệt nào đó bắt buộc các cá nhân phải hành động vì lợi ích chung.”* Nói cách khác, thông thường trong một tập thể tất cả các cá nhân đều tư duy hợp lý, nhưng cho ra các kết quả phi lý về mặt tập thể. Trong rất nhiều trường hợp trên thế giới, thường thì một số ít sẽ được phân nhiều trong việc phân bổ các lợi ích có thể phân chia, trong khi chi phí thì bị đẩy cho rất nhiều người hay cả xã hội gánh chịu. Đối với các quyết định đầu tư, phân bổ nguồn lực, những người có vai trò quyết định hay có ảnh hưởng thường dùng chúng để củng cố quyền lực cá nhân hay phe nhóm của mình hơn là vì hiệu quả cho toàn xã hội (Alan Altshuler và David Luberoff 2003). Trong rất nhiều quyết định tập thể, mỗi cá nhân thường quan tâm đến việc làm sao để mình có được phần nhiều nhất chứ không phải là làm sao cho cái bánh lớn hơn để mọi người cùng được nhiều hơn. Trong điều kiện trò chơi không lặp lại hay những người quyết định có thể thoái thác trách nhiệm thì đây là kết quả tất yếu của các lựa chọn công. Lãng phí, kém hiệu quả, tham nhũng cũng từ đây mà ra. Cha chung đâu ai cần khóc. Điều này có thể thấy rõ nhất trong mô hình XHCN thuần túy. Đây cũng vẫn là vấn đề đau đầu trong thế giới ngày nay, nhất là ở các nước đang phát triển.

Tuy nhiên, câu chuyện sẽ khác đi nếu trò chơi lặp lại và/hoặc trách nhiệm được xác định rõ ràng. Khi nghiên cứu các thành phố ở Mỹ, Paul Peterson (1981) đã nhận ra rằng, các địa phương chỉ mong các doanh nghiệp đến đầu tư, những người giỏi, có kỹ năng đến làm việc và người giàu đến ở. Nếu có những điều này thì kinh tế địa phương sẽ phát triển, thu được thuế cho các dịch vụ công. Khác với các quốc gia, các thành phố ở trong một quốc gia không có đồng tiền riêng để phá giá, dựng hàng rào thuế quan để ngăn chặn hàng hóa từ bên ngoài... Hai thành phố ở cạnh nhau đều có những điểm lợi và bất lợi như nhau nên mỗi địa phương chỉ có cách duy nhất là phải tự mình hiệu quả hơn với một chính quyền hữu hiệu.

Làm thế nào để các chính quyền đô thị có thể trở nên hữu hiệu hơn? Câu trả lời là áp lực và trách nhiệm giải trình của người ra quyết định hay thiết kế chính sách. Do các vị trí chủ chốt trong chính quyền được dân bầu trực tiếp và trò chơi lặp lại nên các chính trị gia hay liên minh của họ không thể hứa hão liên tục vì lần sau sẽ không thể trúng cử. Chính vì vậy họ phải có cách thức thực thi các chính sách để giữ lời hứa của mình nếu không muốn bị gạt ra rìa. Kết quả của những áp lực nêu trên làm cho những cá nhân tư duy hợp lý đã đưa ra được những quyết định hợp lý về mặt tập thể (Paul Peterson 1981).

Một điều đáng ngạc nhiên là thuế thấp hay những ưu đãi trước mắt không phải là yếu tố để các doanh nghiệp đến đầu tư mà họ còn cần nhiều thứ khác. Cạnh tranh về ưu đãi, hay cạnh tranh xuống đáy giữa các địa phương không thể kéo dài và tất cả cùng thiệt. Thực ra, các địa phương hay quốc gia cần có người giỏi, người giàu và dịch vụ công tốt. Muốn được như vậy thì phải chi tiêu cho các dịch vụ công nhiều. Điều này có nghĩa là thuế cũng phải nhiều. Nếu doanh nghiệp ăn nên làm ra thì họ có khả năng đóng thuế, môi trường kinh doanh tốt và dịch vụ công tốt tiếp tục thu hút được ba đối tượng nêu trên. Cái vòng xoáy tròn ốc tích cực này vẫn tiếp diễn và tất cả cùng khấm khá lên. Đây là điều đã giúp cho các thành phố rất phát triển trở thành hạt nhân của kinh tế Mỹ. Tuy nhiên, không phải lúc nào các thành phố hay địa phương cũng giữ được sức cạnh tranh của họ. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, rất nhiều đô thị từng được xem là những pháo đài kinh tế không thể lay chuyển đến nay đang lao đao. Detroit – thủ phủ xe hơi của nước Mỹ là một thí dụ điển hình (xem Kelly Nolan, Emily Glazer, Jeff Bennett và Michael Ramsey 2013). Thách thức cạnh tranh với các địa phương nói riêng, các quốc gia nói chung từ các nước, các địa phương khác trên thế giới đang rất lớn.

Không chỉ giới hạn ở các địa phương của Hoa Kỳ, cách tiếp cận của Paul Peterson (1981) có thể dùng để giải thích sự thành công của nhiều nước trên thế giới, nhất là trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng làm cho biên giới của các quốc gia mờ hơn bao giờ hết. Suu cao thuế nặng đã không làm các doanh nghiệp và người lao động ở các nước bắc Âu nản lòng vì họ có được các dịch vụ công, môi trường kinh doanh, môi trường sống tốt nên chẳng việc gì phải dời đi đâu cả (Economist 2013a). Đối với các doanh nghiệp, quan tâm chính của họ là lợi nhuận cuối cùng chứ không phải chi phí cao hay thấp. Nếu mức lợi nhuận vẫn ổn thì họ chẳng có lý do gì không tiếp tục mở rộng hoạt động mà phải dời đi nơi khác cả. Hơn thế, do niềm tin được tạo dựng, trách nhiệm công dân rõ ràng nên ở các nước bắc Âu, người dân muốn làm cho khu vực công rất nhiều. Điều này đã tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh để những người giỏi vận hành xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Một số nước trong khu vực như Singapore chẳng hạn cũng đang có được điều này (McKinsey & Company 2008).

Áp lực có thể được tạo ra từ lá phiếu bầu, nhưng nó cũng có thể được tạo ra từ những yếu tố khác. Nhiều người cho rằng Singapore có được như ngày nay là nhờ có minh quân như Lý Quang Diệu, Hàn Quốc có Park Chung Hee, hay Đài Loan có Tưởng Giới Thạch. Đây chỉ là một phần, một yếu tố quan trọng của những nước này là áp lực phải hiệu quả để tránh bị chèn ép hay thâm tóm từ bên ngoài rất lớn. Do vậy, họ không có cách nào khác, trong giai đoạn khó khăn, là phải tự mình mạnh lên. Tuy nhiên, áp lực từ bên ngoài nêu trên là rất ngoại lệ. Do vậy, tạo ra áp lực từ bên trong là điều mà mỗi nước có thể chủ động làm được.

Singapore là một trường hợp rất ngoại lệ. Quốc gia 5 triệu dân này được quản trị vừa như một công ty, vừa như một thành phố hơn là một quốc gia. Đối với các nước khác, trong quá trình phát triển, sự độc tài và chuyên chế có thể có tác dụng ở một số thời điểm nhất định như trường hợp Park Chung Hee chẳng hạn. Tuy nhiên, một xã hội dân chủ mà người dân được bầu trực tiếp những người lãnh đạo đất nước hay địa phương là phương cách để tạo ra áp lực làm cho các cơ quan công quyền trở nên hữu hiệu hơn vì mỗi cá nhân đều hành xử theo yêu cầu của những người quyết định cái ghế của họ. Hơn thế, cấu trúc nhà nước cần phải được thiết kế để

tránh việc tập trung quyền lực quá nhiều vào một hoặc một số ít cá nhân hay tổ chức và mỗi vị trí luôn chịu sự giám sát hay điều tiết bởi những đối tượng khác. Vai trò của xã hội dân sự trong việc ngăn chặn suy đồi đạo đức, lạm dụng quyền lực cũng như sự cấu kết của các đối tượng trong khu vực doanh nghiệp và nhà nước để tham nhũng và lũng đoạn là vô cùng quan trọng. Ở những nơi mà xã hội dân sự không được quan tâm thì dẫn đến chủ nghĩa tư bản thân hữu (crony capitalism) để tước đoạt phần lớn nguồn lực của xã hội cho một bộ phận rất nhỏ để tạo ra bất công và khó phát triển.

Nhìn nhận về vai trò của nhà nước và hành vi của con người, có sự khác biệt cốt lõi trong các học thuyết về phát triển giữa các trường phái được phân tích ở các phần trên. Trường phái thị trường như Smith, Keynes, Hayek Friedman, và Acemoglu đều cho rằng con người là vị kỷ, vì mình chứ không vì người khác. Sự khác biệt giữa những học giả ở trường phái này chỉ là cách thức sửa chữa các khuyết tật của thị trường khi một bên cho rằng cần một chính phủ lớn trong khi bên kia cho rằng chỉ cần một chính phủ có quy mô vừa phải. Những cách thức tiếp cận khác nhau đưa ra các mô hình nhà nước khác nhau. Trong đó mô hình nhà nước phúc lợi của các nước bắc Âu có vẻ hợp lý hơn cả. Ngược lại, trường phái kinh tế XHCN thuần túy cho rằng con người là không vị kỷ và có thể vì người khác. Do vậy, sở hữu tập thể đại trà là ưu việt. Thực tế đã cho thấy tất cả các nước phát triển hiện nay đều là những nước theo các quy luật thị trường, trong khi mô hình kinh tế XHCN thuần túy về cơ bản đã không còn tồn tại. Cả Việt Nam và Trung Quốc, có được những sự tăng trưởng kinh tế cao trong một thời gian dài là nhờ áp dụng các quy luật kinh tế thị trường. Tuy nhiên, cả hai đang gặp thách thức trong việc luận giải nội dung XHCN theo hướng xoay quanh vấn đề sở hữu, vai trò của nhà nước như phân tích trong các phần sau.

Một nhà nước chính trực mà ở đó những người lãnh đạo và các công chức đều mẫn cán, một lòng một dạ vì lợi ích của người dân chứ không phải vì lợi ích, vị trí hay quyền lực của mình là điều ai cũng mong muốn. Tuy nhiên, trong lịch sử loài người, chưa có bất kỳ một ví dụ thực tiễn nào cho thấy một nhà nước như vậy đã tồn tại. Ngay ở trong xã hội thần tiên, khi đã vượt qua bao nhiêu khó khăn cản trở mà chủ yếu do tay chân, người thân của thiên đình của người nhà phật gây ra, bước chân đến cửa phật rồi mà thầy trò Đường Tăng vẫn phải lo lót để có được kinh kệ mang về. Ở xã hội trần tục mức độ đương nhiên là trầm trọng hơn nhiều. Do vậy, sẽ là không tưởng khi cố gắng tìm kiếm hay xây dựng một nhà nước với những con người vị tha và không hề vị kỷ. Cần phải thừa nhận sự vị kỷ của con người là một thực tế khách quan và nhà nước nên được thiết kế dựa trên thực tế này.

PHẦN II

BỨC TRANH THẾ GIỚI NGÀY NAY

I. PHẢI CHĂNG TRUNG QUỐC ĐANG TRỖI DẬY?

Nhìn vào cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2012 cũng như những sự kiện “chẳng giống ai”, nhất là sự đối đầu luôn được báo chí mô tả “như trẻ con” giữa Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa trong tất cả các mặt của cuộc sống, từ trung ương đến địa phương, từ các vấn đề trong nước cho đến các vấn đề quốc tế, có ý kiến cho rằng nước Mỹ rất khó giải quyết những vấn đề nội tại của mình nên vị trí siêu cường của họ đang bị thách thức. Đối với Châu Âu, sự mở rộng không chọn lọc của khối này dẫn đến những rắc rối từ những quốc gia vùng ven như Hy Lạp đang lan đến những thành viên cốt lõi gồm Ý và Tây Ban Nha. Khả năng có được sự đồng thuận để giải quyết các vấn đề cấp bách ở Châu Âu là rất khó khăn. Tuy nhiên, qua sự kiện nước Mỹ đóng cửa một số hoạt động không thiết yếu trong đầu tháng 10/2013, Tờ Nhà Kinh tế đã đặt ra câu hỏi, phải chăng Mỹ còn tệ hơn cả châu Âu? (Economist 2013b)

Nghi ngờ đã được đẩy lên tột đỉnh, khi không ít người đã đặt vấn đề nghiêm túc đối với việc chuẩn bị hậu sự cho sự sụp đổ của đồng Ô-rô. Đối với các vấn đề của cả Hoa Kỳ và Châu Âu, những cái tit gây sự chú ý trong dư luận như: *Sự kết thúc của Kỷ nguyên Mỹ* (Charles Kupchan 2010), *Sự suy giảm và Sụp đổ của Đế chế Hoa Kỳ* (Gore Vidal 2011), và *Sự kết thúc của Châu Âu: Một nền Văn Minh được xây trên cát* (Jerry Bowyer 2011).

Ngược lại, với việc duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế không tương (trên 10% một năm) trong suốt ba thập kỷ - điều chưa nước nào làm được, Trung Quốc đã trở thành công xưởng, một cường quốc kinh tế của thế giới có quy mô chỉ sau Hoa Kỳ. Vào năm 2008, Trung Quốc có thể quyết định gói kích thích kinh tế 4 nghìn tỷ nhân dân tệ (586 tỷ đô-la) một cách dễ dàng (Yao 2008); và năm 2009, nước này có đến 5 doanh nghiệp do nhà nước sở hữu chi phối nằm trong 10 công ty có giá trị thị trường lớn nhất thế giới (Economist 2013c). Martin Jacques (2009) cho rằng, tăng trưởng kinh tế ổn định, nhất là trong thời điểm suy thoái đang xảy ra ở các nước phương Tây phải dẫn đến một sự chuyển dịch quyền lực địa chính trị khi mà cân bằng toàn cầu sẽ chuyển đến Đông Á và đến nước đông dân nhất ở khu vực.

Về kinh tế, tổng GDP theo giá trị danh nghĩa vào cuối năm 2012 của Mỹ là 15,7 nghìn tỷ đô-la, cao gấp gần 2 lần Trung Quốc, và 2,5 lần Nhật Bản, hai nền kinh tế số 2 và số 3 thế giới. GDP bình quân đầu người của Mỹ là 49.802 đô-la, xếp thứ 11 thế giới, nhưng các nước xếp trên họ chỉ là những nền kinh tế nhỏ có quy mô dân số ít hơn 5% dân số nước Mỹ. Hình dung đơn giản nếu GDP của nước Mỹ tăng 2.5%/ năm thì mức tăng tuyệt đối sẽ gần 1.250 đô-la, thấp hơn một chút so với GDP bình quân đầu người của Việt Nam hiện nay. Nếu GDP bình quân đầu người của Trung Quốc tăng khoảng 8% một năm thì con số tuyệt đối chưa bằng một nửa Hoa Kỳ. Nhưng giả sử hai nước này vẫn giữ nguyên tốc độ tăng trưởng thì sau khoảng 3 thập kỷ nữa GDP bình quân đầu người của hai nước sẽ bằng nhau và nền kinh tế Trung Quốc sẽ gấp hơn 4 lần nền kinh tế Hoa Kỳ, đúng bằng sự khác biệt về dân số.

Phải chăng cả Thế giới mới và Lục địa già đang ở bên kia sườn dốc của sự thịnh vượng và kỷ nguyên của Trung Quốc đang đến? Tác phẩm “*Khi nào Trung Quốc cai trị thế giới?*” của

Martin Jacques vào năm 2009 đã gây rất nhiều chú ý. Quan điểm cho rằng sắp tới là thời của Trung Quốc cũng có những cơ sở của nó.

Tuy nhiên, những nghi ngờ về khả năng trỗi dậy của Trung Quốc cũng có những cơ sở và lập luận thuyết phục. Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc được dựa trên một nền tảng thể chế chính trị có nhiều yếu tố khai thác nên khó có thể bền vững nếu không có những cải cách chính trị để trở nên dung nạp hơn. Như đã nêu ở trên, Samuelson đã từng sai lầm khi cho rằng nền kinh tế Liên Xô sẽ vượt qua nền kinh tế Hoa Kỳ. Trên thực tế, Liên Xô đã sụp đổ. Sở dĩ Liên Xô đã đạt được tốc độ tăng trưởng thần kỳ trong thập niên 1950-1960, cho dù các nguồn lực được sử dụng rất lãng phí, là do năng suất của lĩnh vực được tập trung đầu tư rất cao. Cụ thể ở đây là chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp nặng. Ví dụ trong giai đoạn đầu một đồng vốn chuyển từ lĩnh vực nông nghiệp sang công nghiệp nặng sẽ tạo ra bốn đồng lời. Cho dù có lãng phí mất hai đồng thì vẫn còn 2 đồng. Tuy nhiên, theo thời gian, năng suất cao dần biến mất và sự lãng phí gia tăng do cha chung không ai khóc, người lao động không có động cơ làm việc và sáng tạo. Kết quả tất yếu là sự kết thúc của Liên bang Xô Viết và mô hình XHCN thuần túy đã thất bại.

Sự tăng trưởng thần kỳ của Trung Quốc cũng như một số nước trong thời gian qua cũng được lý giải tương tự như thời hoàng kim của Liên Xô. Trung Quốc dưới thời Mao Trạch Đông trở nên tiêu điều, nguồn lực được sử dụng rất kém hiệu quả và nền tảng của xã hội bị tàn phá với những *Đại nhảy vọt*, *Cách mạng văn hóa*... Với các chính sách hợp lý trong giai đoạn cuối thập niên 1970 đến thập niên 1990 của Đặng Tiểu Bình và những cộng sự của ông đã định hướng việc sử dụng nguồn lực vào những lĩnh vực tạo ra nhiều giá trị gia tăng hơn. Những cách thức mà Đặng Tiểu Bình đã sử dụng để vực dậy một nước Trung Hoa điêu tàn dưới thời Mao Trạch Đông là rất đáng tham khảo và được Ezra Vogel (2011) mô tả rất kỹ trong *Đặng Tiểu Bình và sự Chuyển đổi ở Trung Quốc*.

Việc không đùng đến Mao Trạch Đông nói riêng, hệ thống hiện hữu lúc đó nói chung mà chỉ tập trung tạo ra những nhân tố mới (như các đặc khu kinh tế tách hẳn với sự công kênh và kém hiệu quả của hệ thống hiện hữu chẳng hạn) của Đặng Tiểu Bình đã đem lại sự thần kỳ cho Trung Quốc. Tuy nhiên, khi những dư địa cho tăng trưởng dần cạn kiệt và những nhóm đặc quyền được hình thành rõ nét và trở nên mạnh mẽ hơn đã đặt Trung Quốc trước một thách thức rất lớn trong thời gian tới. Daron Acemoglu và James Robinson (2012) cho rằng:

Sự tăng trưởng của Trung Quốc có khả năng sẽ đến hồi kết, đặc biệt là khi Trung Quốc đạt đến mức sống của một nước có thu nhập trung bình. Kịch bản có khả năng nhất là Đảng Cộng sản Trung Quốc hay tầng lớp tinh hoa kinh tế (economic elite) có quyền lực đang gia tăng sẽ kiểm soát quyền lực chặt chẽ trong vài thập kỷ tới. Trong trường hợp này, lịch sử và lý thuyết của chúng tôi chỉ ra rằng tăng trưởng với sự phá hủy sáng tạo (creative destruction) và sự cách tân thực sự sẽ không xảy ra và mức độ tăng trưởng kinh tế cao hiện nay sẽ dần biến mất.

Nhận định này cũng rất giống với nhận định của Edward Luttwak (2012) trong tác phẩm *Sự trỗi dậy của Trung Quốc so với Lô-gic của Chiến lược*. Sử dụng các nguyên lý lô-gic của chiến lược, tác giả này cho rằng, "*Quốc gia đông dân nhất thế giới, nền kinh tế thứ hai thế giới có thể sẽ phải đối mặt với một sự đổ vỡ*." Những căn nguyên và nguy cơ ở Trung Quốc hiện nay được chỉ ra rất rõ trong bài viết *Đảng Cộng sản còn tồn tại ở Trung Quốc được bao lâu nữa?* trên tờ Financial Times ngày 20/09/2013 của Jamil Anderlini (2013).

Một điều khuyến khích là các thể chế kinh tế ở Trung Quốc hiện tại mang tính chất dung hợp hơn thời Xô Viết rất nhiều. Sự cọ xát và xung đột giữa các thể chế kinh tế dung hợp và thể chế

chính trị khai thác đang diễn ra ngày một gay gắt hơn. Nếu cấu trúc thể chế tước đoạt không được điều chỉnh hợp lý thì lời nguyên của bấy thu nhập trung bình là khó tránh khỏi đối với Trung Quốc. Ngược lại, nếu Trung Quốc có thể tiến hành cải cách để trở nên hiệu quả và hợp lý hơn thì khả năng trở thành một siêu cường là rất rõ ràng. Khi đó, nếu Trung Quốc có thể xây dựng được lòng tin với các nước, nhất là với các láng giềng thì nhân loại sẽ tốt lên và các nước láng giềng cũng được hưởng lợi từ sự thịnh vượng của nước này. Đây là điều mong đợi của nhiều người.

Tuy nhiên, ngay cả khi Trung Quốc thành công trong phát triển kinh tế, nhưng nếu họ vẫn dựa vào cách tiếp cận trong quá khứ với tư tưởng nước lớn coi các nước láng giềng chỉ là những nước nhỏ, nước chư hầu thì tình hình trong khu vực nói riêng, thế giới nói chung sẽ rất khó lường. *Tôn Tử Binh pháp* được xem là thuật trị quốc của người Trung Hoa và ngày nay được dạy rất nhiều ở các trường kinh doanh hiện đại trên thế giới. Tuy nhiên, rất nhiều nội dung mà ở đó là những chiêu thức lừa dối phương chứ không phải tạo ra lòng tin đích thực (Edward Luttwak 2012). Hơn thế, việc Trung Quốc làm nóng những tranh chấp lãnh thổ với các nước láng giềng nhằm khơi dậy tinh thần dân tộc và để đánh lạc hướng dư luận trong nước về những vấn đề nội tại đang làm xói mòn lòng tin của các nước láng giềng và đang thúc đẩy họ tạo ra liên minh với nhau cũng như tìm kiếm sự hỗ trợ của Hoa Kỳ (Alistair Burnett 2012). Đây là điều không tốt cho cả hai bên vì nó tiềm ẩn một cuộc chạy đua vũ trang rất tốn kém không chỉ ảnh hưởng đến an ninh trong khu vực mà còn tác động tiêu cực đến sự phát triển và thịnh vượng của các nước.

Với một nước láng giềng như Việt Nam, việc Trung Quốc rơi vào bất ổn hay kém phát triển thì không có lợi. Tuy nhiên cũng có những điều rất đáng lo ngại với sự trỗi dậy của Trung Quốc khi mà khả năng họ vẫn giữ cách tiếp cận từ trước đến nay như phân tích ở trên. Lòng tin tạo ra vốn xã hội trong các cộng đồng, trong khi sự tin cậy và quang minh chính đại tạo ra quyền lực mềm cho các quốc gia trên phương diện quốc tế. Liệu khi mạnh lên, Trung Quốc có thể tạo dựng được lòng tin và cùng chia sẻ các lợi ích để trở thành một nước lớn thực sự và các nước khác cùng có lợi? Đây là điều mà những nước láng giềng như Việt Nam đang rất quan tâm mà trong một phân tích gần đây nhất, Diễn đàn Kinh tế Thế giới tại Davos (WEF 2013b) đã đặt thẳng câu hỏi: Sự trỗi dậy của Trung Quốc là một cơ hội lớn hay là một đe dọa đối với khu vực?

II. HOA KỲ VẪN GIỮ ĐƯỢC VỊ THẾ NHƯNG...

Tranh luận vẫn đang tiếp tục. Tuy nhiên, nhìn suốt chiều dài lịch sử nhân loại cũng như lịch sử từng quốc gia, nhất là trong vòng 3 thế kỷ trở lại đây mà nó đánh dấu bằng cuộc cách mạng công nghiệp được khởi đầu ở Anh, Aegmolu và Robinson (2012) cho rằng:

Có rất ít nghi ngờ rằng trong 50 năm, thậm chí 100 năm nữa, Hoa Kỳ và Tây Âu, dựa trên các thể chế kinh tế và chính trị dung nạp, sẽ giàu hơn, khả năng giàu hơn rất nhiều các nước thuộc tiểu vùng Sahara, Trung Đông, Trung Mỹ và Đông Nam Á. Tuy nhiên, trong những hình thái rộng lớn này, sẽ có những thay đổi thể chế lớn trong thế kỷ tới với một số nước có thể thoát ra được thể chế khai thác để chuyển từ nghèo sang giàu.

Có lẽ vị trí siêu cường của Hoa Kỳ trong thế kỷ 21 này chưa thể bị thách thức và tiềm lực của các nền kinh tế phát triển ở châu Âu cũng như các nước có thể chế kinh tế và chính trị dung nạp khác vẫn còn rất lớn. Điều này được chứng minh bằng các con số cụ thể trong *Đánh giá triển vọng năm 2013 và khuyến nghị việc phân bổ danh mục đầu tư* của Goldman Sachs, Tiềm lực cũng như những vấn đề nội tại của các trung tâm kinh tế thế giới gồm Hoa Kỳ, Tây Âu,

Nhật Bản và các nước trong khối BRIC (Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc) đã được chỉ ra rất cụ thể. Nền kinh tế Hoa Kỳ được dựa trên bốn lợi thế cơ bản gồm: kinh tế, thể chế, nguồn nhân lực và địa chính trị (Goldman Sachs 2013). Các công ty tư nhân hàng đầu của Hoa Kỳ mà giá trị của chúng được tạo ra dựa trên sự sáng tạo đã trở lại vị trí những công ty có giá trị thị trường lớn nhất trên thế giới, trong đó có ba người khổng lồ về công nghệ là Apple, Google và Microsoft (Economist 2013c). Sở dĩ Apple trở thành doanh nghiệp có giá trị lớn nhất thế giới là do doanh nghiệp này có khả năng tạo ra những sản phẩm mà nó có khả năng tích hợp rất nhiều chức năng của hàng chục, thậm chí hàng trăm thiết bị vào một cái Iphone trong lòng bàn tay.

Về cuộc bầu cử tổng thống ở Hoa Kỳ năm 2012, trong bài xã luận ngày 13/08/2012, Bernie Goldberg (2012), cây bút gạo cuội của FOX News, kênh truyền thông của Đảng Cộng hòa cho rằng chiến dịch tái tranh cử của Obama là một trong những chiến dịch tranh cử bản thủ nhất của chính trường nước Mỹ. Tuy nhiên, trong bài xã luận trên kênh Forbes ngày 20/08/2012, Rick Ungar (2012) cho rằng:

Cuộc tranh cử lần này chưa thấm tháy gì so với nhiều cuộc bầu cử trước đây. Đó là cuộc bầu cử tổng thống năm 1800 nơi mà tổng thống John Adams và phó tổng thống Thomas Jefferson - hai quan chức được bầu ở vị trí cao nhất của Hoa Kỳ và mỗi người đã đóng vai trò then chốt tạo lập ra nước Mỹ đã đấu với nhau trong cuộc đua vào nhà trắng và đã tạo ra một truyền thống của những chiến dịch tranh cử tiêu cực mà nó có thể làm cho những ứng viên hiện tại phải đổ mặt vì xấu hổ.

Thực ra, con người ai cũng ham hố quyền lực. Vị kỷ hay nói thẳng ra tham, lười và ích kỷ là bản tính của loài người. Không ít người cho rằng việc đưa ra những điều chẳng hay ho gì của đối thủ cho bản dân thiên hạ nhìn vào, nhất là việc tranh nhau giữ vị trí quốc gia đại sự là không hợp lý là bản thủ. Tuy nhiên, do thể chế ở nước Mỹ được thiết kế để tạo ra những cuộc đua minh bạch để cuối cùng tài năng hay các nguồn lực xã hội được khai thác và sử dụng hợp lý và kết quả là họ đã tạo ra được một vị trí siêu cường. Sự tranh cãi cũng như va chạm giữa các nhóm có lợi ích khác nhau ở quốc hội cũng như khắp mọi nơi ở nước Mỹ là những vấn đề tất yếu và nó sẽ luôn như vậy bởi vì đó là quá trình chia sẻ và phân bổ các nguồn lực trong xã hội cho những đối tượng khác nhau và ai cũng muốn phần hơn và cũng muốn mình đúng.

Mục tiêu quan trọng nhất của các chính trị gia ở khắp mọi nơi trên thế giới là giữ ghế của mình. Tuy nhiên, cấu trúc thể chế ở gần như tất cả các nước phát triển giúp cho người dân - những người làm chủ đất nước - thực sự nhận ra ai làm tốt và họ có quyền lựa chọn trong các nhiệm kỳ tiếp theo. Với cấu trúc thể chế như vậy, các chính trị gia nói riêng, các nhà hoạch định chính sách nói chung không chỉ vì mục tiêu thắng cử trước mắt hay giữ ghế với những lời hứa hão mà họ còn phải thiết kế các chính sách khả thi để triển khai có kết quả tốt để đảm bảo chiến thắng trong nhiệm kỳ tiếp theo của bản thân hay liên minh của mình như phân tích ở trên. Đây là khía cạnh tích cực của cấu trúc thể chế nhà nước ở Mỹ. Tuy nhiên, nền chính trị Hoa Kỳ hiện đang có vấn đề rất nghiêm trọng như phân tích của Yasheng Huang (2013):

Nền chính trị tiền bạc ở Mỹ là một vấn đề rất lớn và quả thật nó đang khiến cho chế độ như một cỗ máy hỏng nặng, không còn vận hành trơn tru... Nó hỏng hóc chính là vì về cơ bản nó đối nghịch với dân chủ. Nền chính trị tiền bạc là hình thái lệch lạc của dân chủ. Nó phá hoại và làm mất giá trị một trụ cột chuẩn mực của dân chủ - một người một phiếu.

Thêm vào đó, bất bình đẳng gia tăng cũng là một vấn đề nghiêm trọng khác của Mỹ. Những người giàu đang có được phần nhiều hơn trong miếng bánh xã hội. 1% số người có thu nhập

cao nhất của Mỹ chiếm đến 18,3% tổng thu nhập; và trong giai đoạn 2009-2012, thu nhập của nhóm này tăng đến 31%, trong khi 99% còn lại chỉ tăng 1% và 90% thu nhập bị giảm (R.A., J.S. và L.P 2013). Điều này có nghĩa là thu nhập hay của cải tăng thêm trong 3 năm qua của Mỹ chỉ dành cho 1% số người thu nhập cao nhất. Bất công đã gây ra làn sóng chiếm đóng phố Wall vào năm 2011 với khẩu hiệu “*Chúng ta là 99%*”. Paul Krugman (2011), nhà kinh tế đoạt giải Nobel năm 2009 còn phân tích rằng thực ra “*Chúng ta là 99,9%*”. Chỉ có 0,1% người Mỹ được hưởng lợi từ sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của nước này. Sự giằng co trong các vấn đề liên quan đến Luật bảo hiểm y tế mới của Mỹ mà nó có lợi cho hầu hết người nghèo là một minh chứng cho thấy sự ích kỷ của người giàu. Do vậy, ở góc độ liên bang, ví trí siêu cường của Mỹ có lẽ chỉ nằm trong tay thiểu số những người giàu chứ chưa hẳn đã đem lại lợi ích rộng khắp cho đại bộ phận người dân một cách công bằng.

Tuy nhiên, may cho nước Mỹ là do được tổ chức theo hình thức phi tập trung với quyền tự chủ rất cao đến từng thị trấn nhỏ và một xã hội dân sự được tự do phát triển và bất rề rất lâu nên các vấn đề cơ bản của nước Mỹ không đến nỗi nghiêm trọng do tranh chấp quyền lực giữa các chính trị gia ở chính phủ Trung ương. Các địa phương, các thành phố ở Mỹ luôn phải cạnh tranh quyết liệt với nhau trong điều kiện không có rào cản và ngày nay còn phải cạnh tranh với các nơi khác trên thế giới như phân tích ở trên. Do vậy, những quyết định hợp lý có lợi cho nhiều người vẫn thường xuyên được đưa ra thay vì hầu hết là các quyết định đều phi lý về mặt tập thể. Do vậy sức cạnh tranh hay sức hút của những trung tâm kinh tế của Mỹ như Boston, New York, Silicon Valley... vẫn đang hết sức mãnh liệt.

III. MỘT THẾ GIỚI ĐANG KÉM PHẪNG HƠN

Khi *Thế giới phẳng* của Tom Friedman (2005) ra mắt đã tạo ra một cuộc tranh luận khá sôi nổi. Những lập luận của Friedman đã tạo ra sự lạc quan cho các nước chưa phát triển về một triển vọng tươi sáng hơn. Những trang viết từ quan sát của một nhà báo gạo cuội của New York Times đã truyền cảm hứng cho rất nhiều người. Tuy nhiên, những gì xảy ra trên thực tế đang cho thấy một thế giới đang trở nên kém phẳng hơn, đang lệch đi nhiều hơn. Jagdish Bhagwati (2010), một giáo sư kinh tế người Mỹ gốc Ấn và là một trong những học giả hàng đầu về thương mại quốc tế cho rằng những lập luận của Friedman không có cơ sở.

Về mặt không gian, xu hướng đô thị hóa và sự nở rộ không ngừng của các siêu đô thị trên thế giới là minh chứng rõ ràng nhất cho thấy thế giới không thể phẳng (Susan Christopherson, Harry Garretsen and Ron Martin 2008). Theo phiên bản dự báo mới nhất về xu hướng đô thị hóa của Liên hiệp quốc, vào cuối năm 2011 có 52,1% dân số thế giới sống ở các đô thị; tỷ lệ này của năm 2030 là 60% và 2050 là 67,1% (United Nations 2011). Các siêu đô thị trở nên quan trọng và có tầm ảnh hưởng nhiều hơn. Với sự phát triển của công nghệ, các hoạt động từ xa trở nên phổ biến hơn. Ví dụ, với công nghệ giải phẫu từ xa thì các bác sỹ, các nhà phẫu thuật hàng đầu chỉ phải tập trung ở một vài trung tâm nghiên cứu lớn và trở nên lười đi lại để tìm hiểu nghiên cứu hơn. Như vậy, tri thức thực sự chỉ tập trung ở một số điểm giới hạn.

Xu hướng tập trung này đang là thách thức rất lớn cho các nước đi sau. Sợ dĩ các đô thị ngày một phình ra là do nó có được lợi thế tích tụ (agglomeration economies) nhờ tiết kiệm chi phí di chuyển và tăng khả năng lan truyền tri thức để trở nên hiệu quả hơn (Edward Glaeser 2010). Điều này làm cho lực lượng lao động chất lượng cao, có chuyên môn đổ dồn về các đô thị lớn, các nước phát triển. Ví dụ, đội ngũ du học sinh đã có rất nhiều đóng góp để một số quốc gia trở nên phát triển, như Đài Loan hay Hàn Quốc chẳng hạn. Tuy nhiên, đây là điều thách thức cho những nước như Việt Nam ngày nay vì rất nhiều những người có cơ hội học tập hay phát triển kỹ năng ở những nơi có chất lượng cao có khuynh hướng ở lại nhiều hơn khi mà môi

trường trong nước không thể hoặc không muốn dung nạp họ. Do vậy, chảy máu chất xám đang là một trong những trở lực cho các nước đang phát triển.

Đối với vấn đề của các nước nghèo đã được Paul Collier (2007), phân tích rất kỹ trong quyển sách “*Một tỷ dưới đáy: Tại sao các nước nghèo nhất đang thất bại và điều gì có thể làm*”. Đối với các nước đang phát triển vừa thoát ngưỡng nghèo, thì tỷ thu nhập trung bình là nỗi lo thường trực. Hơn thế, việc trở nên thất thế trong quá trình mở cửa thị trường hay bất tự do thương mại cũng là thách thức rất lớn đối với các nước đi sau.

Một vấn đề lớn khác của các nước đang phát triển là quy mô và chức năng của nhà nước. Fukuyama (2004) đã chỉ rằng chính phủ ở các nước đang phát triển thường quá lớn và quá tham trong phạm vi những chức năng mà họ muốn thực hiện, trong khi vấn đề cấp bách nhất cho phần lớn các nước đang phát triển là cần nâng cao sức mạnh cơ bản của các thể chế nhà nước để thực hiện những chức năng cơ bản mà chỉ có nhà nước mới làm được. Năng lực thấp, nguồn lực không có mà quá ô m đôm đang làm cho nhà nước ở rất nhiều quốc gia đang phát triển rất kém hiệu quả. Nhiều chính sách yếu kém của những thể chế này đang gây tổn hại đến sự phát triển của nhiều nước đang phát triển.

PHẦN III

CON ĐƯỜNG NÀO CHO VIỆT NAM?

I. CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM

Có lẽ không cần phải nhắc lại con đường mà Hồ Chủ tịch và những nhà cách mạng tiền bối đã đến với các học thuyết của Marx và Lenin rồi đưa về Việt Nam. Viễn cảnh về một xã hội cộng sản của Marx quả là đẹp và bạo lực cách mạng của Lenin để giải phóng dân tộc quả là nhiệm màu. Có lẽ không chỉ Nguyễn Ái Quốc mà nhiều người ở những quốc gia thuộc địa khác cũng đã khóc lên một cách vui sướng khi tìm được “báu vật”, tìm được con đường giải phóng và đưa dân tộc đến ảm no. Niềm tin vào chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản lúc bấy giờ là không thể nghi ngờ như cố giáo sư Đặng Phong (2009a) đã viết:

Nếu nói đến nền tảng và cốt lõi của những niềm xác tín đó thì phải kể đến hoàn cảnh lịch sử, thậm chí là những tất yếu lịch sử...ít nhất là từ đầu thế kỷ XX. Khi ấy, Việt Nam còn dưới ách thống trị nghiệt ngã của thực dân Pháp...Nhiều lực lượng khác nhau đã tìm cách lật đổ ách thống trị...nhưng đều thất bại... Sau cùng, chỉ có một cánh cửa duy nhất mở ra một khung trời hoàn toàn mới, đầy sức thuyết phục và quyền rũ, vì sau cánh cửa đó không xa là một chế độ mà nhiều nhà cách mạng đặt tên là *mùa xuân của nhân loại* – đó là chủ nghĩa xã hội. Đối với lớp lớp thế hệ đầu xanh tuổi trẻ những năm 20-30, chủ nghĩa xã hội là con đường đúng cả về lý trí lẫn tình cảm, không những giải phóng được dân tộc, mà còn đưa dân tộc tới ảm no hạnh phúc.

Khát vọng giải phóng dân tộc làm cho những người thuộc thế hệ này tin vào con người vị tha, con người có thể vì người khác. Sự hỗ trợ và giúp đỡ “vô tư” của các nước “anh em” dường như đã tiếp thêm sức mạnh để Việt Nam quyết định đi theo con đường CNXH. Niềm tin trong sáng vào quốc tế cộng sản trong một thời kỳ là hiện hữu như tác giả Trần Việt Phương (2008) đã viết trong “*Con đường vinh quang và khổ ải*”:

Suốt một thời gần nửa thế kỷ, đối với nhiều nước trong và ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa, hai tấm gương ấy [Liên Xô và Trung Quốc], đặc biệt là chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, có sức hấp dẫn rất lớn. Đối với nước Việt Nam ta, hai tấm gương ấy có sức mạnh của một ý thức hệ được chấp nhận, có hào quang của những thành tựu đích thực (dẫu ngày nay đã đủ rõ để loại ra phần tô vẽ, thổi phồng), có tình nghĩa biết ơn một sự giúp đỡ rất quan trọng, có lòng chân thành thiếu từng trải về chủ nghĩa quốc tế vô sản, có sự dễ dàng tiếp thu của một nước đi sau ngưỡng mộ nước đi trước được tôn vinh là “thành trì của cách mạng thế giới”.

Đặc trưng của CNXH thuần túy được thể hiện rất rõ trong *Tuyên bố của các đảng Cộng sản và Lao động của các nước XHCN* tại cuộc họp ngày 14-16/11/1957: i) sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà hạt nhân là đảng Marxist-Leninist, ... thiết lập nền chuyên chính vô sản dưới hình thức này hay hình thức khác; ii) liên minh giai cấp giữa công nhân và quần chúng cơ bản trong nông dân và các tầng lớp lao động khác; iii) thủ tiêu chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa và

xây dựng chế độ sở hữu công cộng; iv) cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội; v) phát triển kinh tế có kế hoạch; vi) thực hiện cách mạng tư tưởng văn hóa.⁴

XHCN thuần túy là chế độ công hữu về TLSX. Tư hữu cần phải xóa bỏ. Đấu tranh giai cấp, xóa bỏ địa chủ và tư sản là một trong những trọng tâm. Đây là cơ sở để có cải cách đất đai ở đầu thập niên 1950 rồi sau đó là cải tạo công thương nghiệp và hợp tác hóa ở miền Bắc trong cuối thập niên 1950; và cải tạo công thương nghiệp ở miền Nam cuối thập niên 1970 (Nguyễn Khắc Viện 2007). Tuy nhiên, giống như các nước XHCN khác, việc áp dụng mô hình kinh tế kế hoạch và công hữu về TLSX đã thất bại. CNXH chưa thể thành công do chưa có con người XHCN. Trong những điều kiện đời sống thường ngày hầu hết mọi người chỉ vì mình chứ không vì người khác như giả định của học thuyết Marx và các luận điểm của Lenin. Lúc chiến tranh, đối diện với mất còn, nhiều người có thể phá nhà làm chiến lũy chống quân thù, nhưng lúc xây dựng CNXH thì ít ai muốn thiệt, cho dù chỉ nửa viên gạch. Đây là một lẽ rất tự nhiên từ thời cổ đại cho đến ngày nay chứ không phải chỉ ở các nước XHCN.

Việt Nam đã đổi mới và tránh được sự đổ vỡ (Đặng Phong 2009a & 2009b). Gần như ngay lập tức, phép màu đã xảy ra đối với kinh tế Việt Nam khi các cơ chế thị trường được công nhận và các cá nhân hay hộ gia đình được làm cho mình và được hưởng những thành quả do mình làm ra. Họ lại sẵn sàng một nắng hai sương chứ không phải ỉu oải làm việc để đợi tiếng kèn của hợp tác xã hay của nông trường.

II. THỰC TIỄN SINH ĐỘNG

1. Sự lúng túng trong lựa chọn đường đi

“Lịch sử kinh tế Việt Nam có một thời “rối như cạnh họ” - thời kỳ đó, kinh tế Việt Nam sa vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, cũng là thời kỳ khủng hoảng trầm trọng về lý luận và chính sách kinh tế.” là tổng kết của giáo sư Trần Phương khi viết lời bình trong lần tái bản năm 2009 tác phẩm *“Tư duy Kinh tế Việt Nam 1975-1989”* của cố giáo sư Đặng Phong.

Có lẽ không nhiều người am hiểu về kinh tế Việt Nam kể từ khi Việt Nam độc lập đến nay như Gs. Trần Phương - người được cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cử tham gia các lớp nghiên cứu kinh tế theo mô hình Liên Xô và tìm hiểu cả những trục trặc của nó từ thập niên 1960, giữ trọng trách Phó thủ tướng chính phủ trong giai đoạn 1982-1986, và đã nghiên cứu về kinh tế Việt Nam từ đó đến nay. Lời nhận xét chỉ cho giai đoạn 1975-1989, nhưng có lẽ cũng đúng nếu tính đến ngày nay. Dường như các chính sách kinh tế của Việt Nam từ năm 1975 đến nay vẫn chỉ là “xé rào” hay gỡ bí trong từng từng bối cảnh cụ thể.

Trong *“Tư duy Kinh tế Việt Nam 1975-1989”*, cố giáo sư Đặng Phong đã cho thấy, dường như Việt Nam không có những luận thuyết cơ bản về con đường phát triển mà chủ yếu là rập khuôn từ những mô hình từ bên ngoài một cách không có hệ thống và không được nghiên cứu đầy đủ cho bối cảnh cụ thể của Việt Nam. Việt Nam đã xây dựng kinh tế theo một quan niệm giản đơn về CNXH, được làm rập theo hình mẫu nước ngoài với một thái độ nôn nóng, chủ quan duy ý chí (Nguyễn Quang Thái và Lê Anh Sơn 1990). Cho dù đã có một số người nhận ra một số vấn đề hay trục trặc của mô hình XHCN mà Việt Nam đang áp dụng và có những tìm hiểu cách thức cải tiến ngay từ thập niên 1960 (Trần Việt Phương 2008), nhưng trên thực tế, các lý luận trong giai đoạn này chủ yếu là thể hiện ý chí của lãnh đạo tối cao mà điển hình là *Làm chủ tập thể* của Tổng bí thư Lê Duẩn, người *“chẳng bao giờ nghe ý kiến người khác”* như Hồi ký của Trần Quỳnh được Đặng Phong (2009a) trích lại.

⁴ Cương lĩnh của chúng ta, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1957, trang 24, trích lại từ Đặng Phong (2009a, trang 61)

Do thực tế khác rất nhiều các lý luận chính thống nên các nghị quyết, chủ trương phù hợp chủ yếu là do cách thức sử dụng câu chữ để “lách” nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn. Khi học tập hay nghiên cứu các nghị quyết, mọi người chỉ tập trung vào những “điều mới” được viết rất khéo để tránh trái với quan điểm chính thống (Đặng Phong 2009a&2009b). Những câu chuyện về khoán ở Vĩnh Phúc, Hải Phòng (Thái Duy 2008), chạy gạo ở Tp.HCM hay bù giá vào lương ở Long An là những minh chứng cho quá trình phá rào (Đặng Phong 2009b và Xuân Trung – Quang Thiện 2005); sai lầm của Giá - Lương - Tiền dẫn đến chống lạm phát và cải cách hệ thống ngân hàng sau này với vai trò của một số thành viên trong Nhóm Thứ Sáu và một số người khác (Nguyễn Thị Hiền 2008, Trần Nhâm 2005, Đặng Phong 2009a, Nguyễn Thiệu 2008); khoán 10 khi đã có người chết đói (Thái Duy 2008) ... cũng chỉ là những giải pháp tình thế được đề xuất bởi những con người của thực tiễn hay áp lực buộc phải làm.

Thiếu vắng một chủ thuyết phát triển rõ ràng và nhất quán cũng là thực tế trong hơn hai thập kỷ đổi mới ở Việt Nam. Điều này được thể hiện rất rõ trong tác phẩm “*Đổi mới ở Việt Nam: Nhớ lại và Suy ngẫm*” do Gs. Đào Xuân Sâm và Vũ Quốc Tuấn (2008) chủ biên với sự tham gia của nhiều tên tuổi khác như: Phạm Chi Lan, Trần Đức Nguyên, Trần Việt Phương... Các bài viết chủ yếu tập trung tổng kết kinh nghiệm thực tiễn chứ dường như không đề cập nhiều đến các chủ thuyết phát triển.

Khi “*Sự thần kỳ Đông Á*” (World Bank 1994) đang nổi lên với mô hình *Đàn Sếu Bay* của Kaname Akamatsu (Kiyoshi Kojima 2000) và Đặng Tiểu Bình Nam du để quyết định một làn sóng đổi mới cho Trung Quốc (Ezra Vogel 2011) thì cũng là lúc Việt Nam đưa ra mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN. Giống như Nhật thời Thiên Hoàng Minh Trị hay Trung Quốc thời Đặng Tiểu Bình, những chuyến công du nước ngoài của các nhà lãnh đạo hay những người tham gia vào quá trình hoạch định chính sách đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ra các chính sách kinh tế mới ở Việt Nam, nhất là ở đầu thập niên 1990.

Những định hướng hay chính sách lớn được áp dụng thực tế của Việt Nam trong hơn 20 năm qua dường như chỉ là qua những tham khảo hay nghiên cứu tình huống. Ví dụ, sự hình thành các đại học quốc gia dường như được lấy từ mô hình của Singapore; các tổng công ty mà giờ đây là các tập đoàn kinh tế được lấy từ mô hình Chaebol của Hàn Quốc; các khu chế xuất, khu công nghiệp được lấy từ Đài Loan và nhiều ví dụ khác. Tuy nhiên, những điểm khác biệt cơ bản giữa tình hình ở Việt Nam và các nước khác dường như chưa được tìm hiểu thấu đáo. Ví dụ, tính chất sở hữu tư nhân của các Chaebol ở Hàn Quốc tạo ra những động cơ và cách thức làm việc hoàn toàn khác so với sở hữu tập thể ở các DNNN của Việt Nam.

Việc ký kết các hiệp định thương mại song phương và đa phương hay gia nhập WTO có lẽ là theo xu hướng của thời đại từ ý tưởng hay nhìn nhận của những người tham gia vào những vấn đề cụ thể hơn là một đường hướng nhất quán. Sự ra đời và tính cấp tiến của Luật doanh nghiệp năm 2000 có lẽ cũng thuộc lý do này. Thảo luận về chủ thuyết phát triển đi liền với một số chính sách rất cấp tiến nêu trên đã được manh nha từ cuối thập niên 1990 và đầu những năm 2000, nhưng đã bằng đi một thời gian. Những thảo luận về mô hình tăng trưởng trong thời gian gần đây phần nhiều là các giải pháp cụ thể chứ chưa có những thảo luận sinh động về chủ thuyết hay triết lý phát triển của Việt Nam trong khi mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN vẫn chưa có lời giải thỏa đáng.

Bối cảnh chuyển đổi từ mô hình kinh tế XHCN thuần túy sang chấp nhận và vận dụng các quy luật thị trường với nòng cốt là chế độ tư hữu về TLSX ở Việt Nam vào cuối thập niên 1980 là hết sức đặc biệt (xem Đảng Cộng sản Việt Nam 2006a). Kể từ đó, cho dù chấp nhận các quy luật thị trường, nhưng các nguyên lý của Marx và Lenin vẫn được xem là chủ thuyết phát triển chính ở Việt Nam. Đây là cơ sở để khái niệm “*Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo*

định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước”, ở Khóa VI; trở thành “Phát triển một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN”, ở Khóa VII; và thành “Kinh tế thị trường định hướng XHCN” ở Đại hội IX năm 2001 (Xây dựng Đảng 2013). Khái niệm này đã được làm rõ thêm tại Đại hội X năm 2006 với một trong những luận giải chính là: “Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.”

Về mặt lý luận, do quan điểm phải gắn chặt với những lý luận nguyên bản của Marx và Lenin đưa ra cách đây hơn một thế kỷ nên những luận giải về định hướng XHCN ở Việt Nam trong hơn hai thập kỷ qua chủ yếu xoay quanh việc khẳng định chế độ công hữu vẫn là nền tảng và vai trò chủ đạo của nhà nước trong các hoạt động kinh tế, hay nói cách khác là tạo ra của cải cho xã hội. Sở hữu hỗn hợp mà đặc biệt là tư hữu dường như chỉ được xem là giải pháp trước mắt, công hữu về TLSX vẫn đang là mục tiêu chính ngay trong thời đại ngày nay (Vũ Văn Phúc 2013). Với cách luận giải này, định hướng XHCN đang đối lập như nước với lửa với kinh tế thị trường. Điều này làm cho đường hướng phát triển được lựa chọn chính thức hay học thuyết dòng chính ở Việt Nam khác xa với thực tiễn hay sự vận động của xã hội. Cách luận giải này không chỉ gây lúng túng trong việc thực thi các chính sách trong thực tế, lựa chọn các ưu tiên trước mắt mà còn để lại những hậu quả hết sức nghiêm trọng cho sự phát triển dài hạn của Việt Nam. Vấn đề nghiêm trọng là ở chỗ những khái niệm như: sở hữu toàn dân, định hướng XHCN, vai trò xã hội và điều tiết vĩ mô của các DNNN ... đã và đang bị một số nhóm lợi ích lợi dụng để trục lợi cá nhân gây phương hại đến lợi ích xã hội hay lợi ích tập thể. Vô hình trung *định hướng XHCN* theo cách hiểu thiên về sở hữu, vai trò chủ đạo của nhà nước hay kinh tế nhà nước đang làm chệch hướng mục tiêu XHCN hiểu theo nghĩa vì một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Sự lúng túng trong công tác lý luận được thể hiện rõ trong “*Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ XI*” của Đảng cộng sản Việt Nam: “*Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề về đảng cầm quyền, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.*” Những thảo luận về việc sửa đổi Hiến Pháp hay Luật đất đai gần đây cũng cho thấy rõ sự lúng túng này.

2. Thực tiễn sinh động

Chủ nghĩa Marx - Lenin với trọng tâm là công hữu TLSX vẫn đang được xem là chủ thuyết chính ở Việt Nam. Tuy nhiên, những vấn đề không hoặc chưa phù hợp với thời đại vẫn chưa được lý giải và bổ sung. Điều thú vị là nguyên lý kinh tế thị trường đã và đang được áp dụng hay minh chứng rất sinh động ở Việt Nam.

Bàn tay vô hình của Smith và những triết lý cơ bản của thị trường tự do mà trong đó sở hữu cá nhân về TLSX là nòng cốt đã được thể hiện rất rõ khi ruộng được trả về cho người dân. Khi mọi người đeo đuổi mục tiêu của mình trong 100% đất đai thì nông nghiệp Việt Nam lập tức được xướng danh trên bản đồ thế giới. Luật doanh nghiệp năm 2000, đã cởi trói rất nhiều để các doanh nghiệp tự do kinh doanh đã tạo ra một nền kinh tế năng động sau đó. Mặt trái của việc người dân hay doanh nghiệp chỉ tập trung vào các mục tiêu ngắn hạn là không tránh khỏi. Do những bất cập về chính sách đã “tạo điều kiện” để một số doanh nghiệp cũng như cá nhân bỏ sản xuất đi đầu cơ góp phần tạo ra sự bi đát của nền kinh tế như hôm nay giống như bản chất của *Đại khủng hoảng và Suy thoái kinh tế 1929-1933* ở Mỹ.

Triết lý kích cầu của Keynes đã được áp dụng và đem lại một số kết quả trong việc ứng phó với khủng hoảng trong khu vực năm 1997-1998. Tuy nhiên, kết quả lại không như ý trong

những năm gần đây do sự thiếu vắng các thể chế dung hợp theo định nghĩa của Acemoglu và Robinson đã tạo điều kiện cho các nhóm đặc lợi hay tham nhũng tự tung tự tác. Một lượng tiền quá mức đổ vào những dự án đầu tư không hiệu quả đã giúp minh chứng *Lý thuyết về lượng tiền* của Friedman. Lạm phát đơn giản là do mất cân đối tiền - hàng. Cung tiền quá nhiều dẫn đến lạm phát. Các chính sách công quá chú trọng vào nền kinh tế tiền tệ, thay vì tập trung vào nền kinh tế thực hay các công cụ tài khóa và tiền tệ đã bị sử dụng quá mức đang gây ra những hậu quả nghiêm trọng.

Sự phá hủy sáng tạo của Schumpeter đã và đang được kiểm chứng. Chu kỳ tăng trưởng kinh tế đã xảy ra nhờ “Đổi mới I” vào năm 1986 vì chúng tạo ra sự tăng năng suất và khuyến khích đầu tư. Hình thái sản xuất cũ bị phá hủy để thay bằng các mô thức sản xuất mới phù hợp hơn. Tuy nhiên, khi các cơ hội đầu tư không còn thì nền kinh tế rơi vào suy thoái, các doanh nghiệp đóng cửa và phá sản xảy ra. Hơn lúc nào hết, Việt Nam đang phải đối diện cái bẫy của trào lưu mậu dịch tự do và bẫy thu nhập trung bình (Trần Văn Thọ 2010, và Trần Du Lịch 2010). Một sự phá hủy sáng tạo hay Đổi mới II đang là kỳ vọng của nhiều người.

III. VỀ BA TRỤ CỘT TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY

Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh của Việt Nam rất giống với nhà nước phúc lợi như các nước bắc Âu. Con đường đến đó có lẽ còn rất xa. Như Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng (2013) đã nói: “*Đến hết thế kỷ này không biết đã có CNXH hoàn thiện ở Việt Nam hay chưa*”. Tuy nhiên, muốn đạt được mục tiêu thì đòi hỏi phải bắt đầu xây dựng ba trụ cột: Kinh tế thị trường – Nhà nước pháp quyền – Xã hội dân sự với các mối quan hệ hài hòa và bổ sung lẫn nhau. Những vấn đề liên quan đến cả ba trụ cột này ở Việt Nam đã được mổ xẻ rất nhiều trong thời gian gần đây. Diễn đàn Kinh tế mùa Thu 2013 của Ủy ban Kinh tế của Quốc Hội vừa qua đã đưa ra những khía cạnh rất toàn diện, nhất là trụ cột I và II (UBKT 2013). Nhìn vào thực tế hiện nay, sẽ thấy sự pha trộn cả những thách thức cũng như những cơ hội hay yếu tố nền tảng cho Việt Nam trong việc tạo dựng ba trụ cột này.

1. Những vấn đề và thách thức

Đối với khu vực doanh nghiệp hay thị trường, tư duy chính thống hiện nay vẫn xem DNNN như một lực lượng vật chất của nhà nước để điều tiết thị trường (Trần Du Lịch 2013). DNNN phải có vai trò chủ đạo như phân tích ở trên. Điều này đã gây ra những trục trặc rất lớn cho khu vực này nói riêng, nền kinh tế nói chung vì DNNN không thể đóng vai trò điều tiết vĩ mô (Vũ Thành Tự Anh 2012), hay sử dụng tập đoàn kinh tế nhà nước để dẫn dắt kinh tế là xa vời (Ts. Võ Trí Thành trả lời phỏng vấn Vũ Dũng 2013). Việc nhà nước tham gia quá nhiều vào các hoạt động kinh tế mà thị trường có thể làm tốt đã gây ra các biến dạng thị trường, phân bổ nguồn lực kém hiệu quả (Lê Đăng Doanh 2013). Những nguồn lực khổng lồ đã được đổ vào các DNNN, nhưng hiệu quả rất thấp do bản chất của mô hình này vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc về hành vi. Với những cơ chế lỏng lẻo thì những người được giao quản lý tài sản nhà nước quan tâm đến trục lợi cá nhân hơn là vì hiệu quả của đồng vốn, của nguồn lực. Vinashin, Vinalines hay chuyện lương khủng ở các doanh nghiệp công ích tại Tp.HCM vừa qua là bằng chứng rõ nhất về vấn đề này.

Ở khu vực doanh nghiệp nói chung, tâm lý đầu cơ gia tăng trong khi tinh thần doanh nhân, sáng tạo đúng nghĩa bị thui chột (Huỳnh Thế Du 2013). Hiện tượng chèn lấn đang xảy ra và các doanh nghiệp dân doanh đang ở vị trí bất lợi (Nguyễn Đình Cung 2012). Hơn thế, tâm lý kỳ thị người giàu, kỳ thị thương nhân xuất phát từ xã hội phong kiến trước kia và chủ thuyết chính thống hiện nay đang làm cho khu vực doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Nền kinh tế Việt Nam đang thiếu vắng những “người hùng” (Phạm Chi Lan 2013), nói cách khác là thiếu

những nhà công nghiệp thực thụ. Trong bốn động cơ của cỗ máy tăng trưởng hay tạo ra của cải cho xã hội hiện nay, chỉ có mỗi khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là vận hành hiệu quả (FETP 2013). Đây thực sự là những vấn đề đáng lo ngại.

Trụ cột nhà nước cũng đang có rất nhiều vấn đề. *Báo cáo chính trị* tại Đại hội lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thừa nhận rằng: 1) *Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đất nước*; 2) *Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt được yêu cầu đề ra. Quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện tinh vi, phức tạp, chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, gây bức xúc xã hội*. Trong buổi tiếp xúc với cử tri ngày 07/05/2011, Chủ tịch nước đã phải dùng hình tượng “*Bầy sâu*” để chỉ vấn đề này (Thái Thiên 2011); trong cuộc tiếp xúc với cử tri ngày 27/09/2013, Tổng bí thư đã dùng hình tượng “*Ngựa ghê*” để chỉ mức độ nghiêm trọng của tham nhũng: “*Bây giờ ra khỏi nhà, thấy cái gì cũng phải tiêng, rất là khó chịu, tham nhũng lớn cũng có, tham nhũng nhỏ cũng có, như ngựa ghê, rất khó chịu.*” (Bảo Cẩm 2013); và trong cuộc tiếp xúc với cử tri vào ngày 15/10/2013 vừa qua, Thủ tướng chính phủ đã dùng đến từ “*Ung nhọt*” (Quế Phong 2013).

Một trong những nguyên nhân chính của tham nhũng, lạm quyền trong bộ máy công quyền là sự thiếu vắng một cơ chế giám sát hữu hiệu, minh bạch hay áp lực cụ thể để các công chức hay những người có quyền quyết định đưa ra những chính sách hay hành động vì lợi ích chung. Sự cạnh tranh đang được thực hiện ngấm ngấm thay vì không khai. Nếu không có một sự cạnh tranh minh bạch và một quá trình lựa chọn nhân sự thực sự công khai, dân chủ thì việc đẩy lùi quốc nạn tham nhũng sẽ khó tựa dờn non lấp bể.

Việc thực thi pháp luật không nghiêm minh, làm cho người dân cảm thấy không công bằng mất niềm tin vào nhà nước dẫn đến có những phản kháng theo kiểu tức nước vỡ bờ hết sức tiêu cực như những vụ việc ở Tiên Lãng hay Thái Bình. Hơn thế, việc người dân chọn cách thức tự xử trong nhiều trường hợp như trộm chó hay tự tổ chức bắt cướp đang cho thấy việc thượng tôn pháp luật và lòng tin vào công lý đang bị xói mòn nghiêm trọng. Những bất cập trong phân cấp (Nguyễn Quang Thái 2010), sự phân mảnh thể chế (Nguyễn Xuân Thành và Jonathan Pincus 2012), và trực trặc thể chế trong đầu tư công (Nguyễn Đức Thành và Đinh Tuấn Minh 2012, và Nguyễn Xuân Thành 2013) ... đang là những vấn đề rất lớn. Niềm tin đối với các chính sách công đã được đặt ra và cho thấy tính nghiêm trọng của vấn đề này trong thời gian gần đây (Trần Đình Thiên 2013).

Các chức năng hiện nay của nhà nước đang quá dàn trải và nhà nước đang ôm đồm rất nhiều việc. Do xác định kinh tế nhà nước có vai trò chủ đạo nên nhà nước đang phải gồng mình ra làm gần như tất cả với năng lực hết sức hạn hữu. Đây là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng kém hiệu quả và tham nhũng tràn lan. Hơn thế, cơ chế hiện tại không minh định trách nhiệm và quyền hạn một cách rõ ràng. Trong nhiều trường hợp, để làm được việc thì các công chức nhà nước cần phải vượt ra ngoài khuôn khổ và quy định chung. Tuy nhiên, khi đó rủi ro sẽ rất lớn vì thành công chưa hẳn đã được công nhận là thành tích hay thành quả của mình vì dù sao đi chăng nữa người đó vẫn làm trái quy định, trong khi nếu thất bại hay hỏng việc thì trách nhiệm người đó phải gánh chịu. Do vậy, tư duy và hành động hợp lý là đề đạt hay chuyển lên cấp cao hơn. Đây là một trong những lý do tại sao các khiếu kiện cuối cùng vẫn đổ dồn về trung ương và người đứng đầu chính phủ phải đi giải quyết chuyện vài con hổ ở một tỉnh nọ (Kiên Quốc 2007). Không có một nhà nước nào có thể có hiệu quả với cơ chế làm việc mà tất cả bị đẩy hết lên trên như hiện nay.

Đối với xã hội dân sự - trụ cột trong việc tạo dựng vốn xã hội cũng đang có vấn đề nghiêm trọng. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XI cũng thừa nhận: “*Quyền làm chủ của nhân dân*

ở một số nơi, trên một vài lĩnh vực còn bị vi phạm. Việc thực hành dân chủ còn mang tính hình thức.” Những sự kiện cực kỳ nghiêm trọng và bất thường liên tục xảy ra trong thời gian qua trong giáo dục và y tế - hai nghề cao quý nhất của những nghề cao quý cho thấy niềm tin và đạo đức xã hội đang bị băng hoại nghiêm trọng. Đã có những tiếng nói rất thẳng thắn về hệ thống giáo dục kể cả những người có uy tín trong nước như Gs. Hoàng Tụy (2009), hay các nghiên cứu từ bên ngoài như The New School, HKS & FETP (2010). Các khía cạnh liên quan đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và vai trò của những tổ chức đoàn thể cũng đã mờ xé rất nhiều như phát biểu Gs. Trương Lai (2013) trong Hội nghị của Mặt trận Tổ Quốc vừa qua. Sự nhẹ tay hay nói cách khác là việc không cương quyết với tham nhũng đang để lại những hậu quả hết sức nghiêm trọng về niềm tin. Những giá trị cốt lõi của xã hội, những nền tảng cơ bản của pháp quyền đang bị đảo lộn gây ra những vấn đề xã hội nghiêm trọng và tổn hại đến sự phát triển dài hạn của đất nước. Nói cách khác, phần “con” đang được dung dưỡng quá mức trong khi phần “người” đang bị lãng quên. Nếu không có những giải pháp kịp thời, thì những giá trị cốt lõi và cao đẹp của dân tộc Việt Nam được kết tinh trong suốt chiều dài lịch sử mấy nghìn năm sẽ bị phá hủy. Đến lúc đó, chẳng còn gì nữa chứ đừng nói đến nỗi lo bị hòa tan khi hội nhập.

2. Những nhân tố tích cực

Về trụ cột thị trường, với đội ngũ hơn nửa triệu doanh nghiệp hiện nay và rất nhiều người chấp nhận dấn thân cho thấy nếu có những chính sách hợp lý thì việc có những người hùng, những nhà công nghiệp hay doanh nghiệp làm ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao tạo nên tăng vững chắc cho nền kinh tế là hoàn toàn có thể. Tinh thần doanh nhân, sáng tạo, chấp nhận đương đầu với khó khăn, mạo hiểm và sự hăm hở làm ăn của người Việt khi có những chính sách hợp lý được thể hiện rất rõ qua chính sách trả lại ruộng đất cho nông dân trong Khoán 10 năm 1988 hay tạo cơ hội kinh doanh theo Luật doanh nghiệp năm 1999. Việc bỏ tôm nuôi lúa, phá tiêu trồng điều, để cuối cùng trở nên phá sản hay tiêu điều của một số người dân là điều không nên khuyến khích. Tuy nhiên, qua những việc như thế có thể thấy tinh thần sẵn sàng lĩnh hội cái mới, chấp nhận rủi ro của người Việt rất lớn. Đây là yếu tố vô cùng quan trọng cho một đội ngũ doanh nhân Việt thành công trong tương lai khi có được các chính sách đúng đắn.

Ở khía cạnh nhà nước, tính chính danh của nhà nước là yếu tố vô cùng quan trọng. Đây là điều mà Việt Nam vẫn đang có cho đến giờ này. Cho dù bức xúc xã hội đang rất lớn và cần những cuộc điều tra xã hội cụ thể để tìm hiểu thêm, nhưng đa phần người dân có lẽ vẫn đề cao tính chính danh của Nhà nước hiện nay. Điều mà hầu hết người dân đang mong đợi là Nhà nước có những quyết sách đổi mới dứt khoát. Nhìn lại quá khứ sẽ thấy, cho dù có những sai lầm không thể sửa chữa hoàn toàn, nhưng những điều chỉnh và sửa chữa hợp lý luôn được đông đảo người dân ủng hộ như việc sửa sai trong cải cách ruộng đất ở thập niên 1950, hay Đổi mới ở thập niên 1980. Những chính sách “sửa sai” đối với những người liên quan đến Nhân văn giai phẩm và phản ứng của những người trong cuộc cho thấy kỳ vọng của đông đảo người dân chỉ mong Nhà nước có những quyết sách hợp lý. Đây là một điều kiện hết sức thuận lợi cho những đổi mới sâu rộng. Thêm vào đó, những nền tảng luật pháp, những yếu tố cơ bản của một nhà nước pháp quyền cũng đang có những yếu tố nhất định.

Về khía cạnh tạo dựng vốn xã hội, xây dựng một xã hội dân sự cởi mở cũng đang có những yếu tố tích cực. Sự kiện Đại tướng Võ Nguyên Giáp qua đời và cách hành xử đông đảo của người dân đối với một người tạo dựng ra nước Việt Nam hiện đại cho thấy nếu những yếu tố nhân bản được xây dựng và phát huy thì niềm tin cũng như vốn xã hội có thể được tạo dựng. Việc tạo dựng ra những hình tượng có tác dụng tuyên truyền ở những thời điểm lịch sử nhất định (ví dụ giữa độc lập và lệ thuộc trong chiến tranh là cần thiết), nhưng sự thực lịch sử cần phải được tôn trọng. Nói như ông Phan Chánh Dưỡng, một thành viên của nhóm thứ Sáu, lịch

sử đối với một dân tộc nó quan trọng như hồ sơ bệnh án của một con người, nếu không chính xác thì có khả năng sẽ gây tác hại rất lớn trong tương lai.⁵ Có những tín hiệu đáng mừng trong việc trả lại tính khách quan của lịch sử hiện đại Việt Nam. Ví dụ, việc nhìn nhận lại Triều Nguyễn (Khánh Linh 2008), nói lên sự thật về hình tượng Lê Văn Tám (Phan Huy Lê 2009) và Nhân văn giai phẩm ... là một phần của vấn đề quan trọng này. Dự thảo Đề án Đổi mới giáo dục đang nhận được những đánh giá tích cực là một tín hiệu lạc quan cho thấy khả năng cải cách để có một hệ thống tốt hơn (Gia Hân 2013).

IV. CON ĐƯỜNG NÀO CHO VIỆT NAM?

1. Cần phát triển thêm các lý luận của Marx

Những lúng túng trong việc giải thích về định hướng XHCN của Việt Nam có lẽ là do sự vi phạm các nguyên lý của Marx và Lenin, lý thuyết nền tảng của CNXH. Tuy nhiên, giờ đây Việt Nam cần có cái nhìn uyển chuyển hơn về vấn đề này.

Sự vĩ đại của Marx trong lịch sử nhân loại là không thể phủ nhận. Ông là một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất thế giới. Những lý luận của Marx là một trong những nền tảng quan trọng của kinh tế học và triết học hiện đại, nhất là những vấn đề về địa tô về chính trị học đô thị (xem David Harvey 2009, David Judge, Gery Stoker và Harold Wolman 1995). Ngày nay, các lý thuyết của ông không ngừng được tìm hiểu và phát triển, nhất là sau khi xảy ra cuộc khủng hoảng toàn cầu vào năm 2008. David Harvey (2010&2013) là một trong những người tiên phong nghiên cứu về Marx hiện nay.

Những phân tích về giá trị thặng dư, về bóc lột của Marx có thể đúng trong xã hội mà tính đồng nhất của các loại hàng hóa rất cao và hầu hết các hoạt động sản xuất đều là thâm dụng lao động và các tư liệu sản xuất thông thường. Giá trị của một mét vải nhìn chung là như nhau và sức lao động kết tinh rất lớn trong đó. Cách thức mà các nhà tư bản, những ông chủ sử dụng chủ yếu để bắt người lao động làm việc cật lực nhằm đem lại sự giàu có cho nhà tư bản là kỷ luật và đàn áp. Do vậy, tư duy cần có “chuyên chính vô sản” và nhà nước đứng ra làm thay thị trường để chống lại tình trạng người bóc lột người có thể là hợp lý trong bối cảnh những mặt trái của chế độ công hữu về TLSX chưa được nghiên cứu cũng như trải nghiệm qua.

Tuy nhiên, thời đại “ăn chắc mặc bền” cách đây hơn một trăm năm rất khác với thời đại “ăn ngon mặc đẹp” ngày nay. Việc rập khuôn cứng nhắc các lý luận của Marx không còn phù hợp với bối cảnh hầu hết các hoạt động kinh tế thiên về thâm dụng tri thức, tài năng và vốn hơn là lao động. Bill Gates trở thành một trong những người giàu nhất thế giới chính là nhờ ông đã tạo cho nhân loại một giá trị lớn hơn khối tài sản của ông nhiều lần chứ không phải do bóc lột của người khác. Thêm vào đó, xét về sức lao động, công sức của một cầu thủ chuyên nghiệp trung bình chạy trên sân chắc chắn không kém Messi hay Ronaldo – hai cầu thủ bóng đá hay nhất hành tinh hiện nay, nhưng thu nhập của hai cầu thủ này cao hơn rất nhiều lần so với những cầu thủ khác. Lý do là họ giúp cho khán giả có được niềm vui sướng nhiều hơn, giá trị thương mại hình ảnh của họ cao hơn chứ không phải họ lao động nhiều hơn.

Vấn đề ai bóc lột ai và như thế nào gọi là bóc lột thì ngày nay cũng đã khác. Dựa vào định nghĩa “*Nhà tư bản là chủ sở hữu vốn*” của Marx thì hầu hết người dân ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển đều là nhà tư bản vì họ sở hữu cổ phiếu của các công ty. Điều này cũng đúng với chủ sở hữu các công ty cổ phần ở Việt Nam. Tuy nhiên, có một khía cạnh khác của vấn đề này. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu vừa qua cho thấy những người điều hành các

⁵ Tác giả trao đổi trực tiếp với ông Phan Chánh Dưỡng

doanh nghiệp – những người làm thuê cao cấp (lao động cổ vàng), đã dùng tài sản của các chủ sở hữu công ty để trục lợi cá nhân. Nói cách khác là các “ông chủ” đã bị “người làm thuê” của họ tước đoạt tài sản hay bóc lột sức lao động được tích lũy trong các khoản tiết kiệm của họ. Thêm vào đó, trí tuệ và thời gian của mỗi người là những thứ có giá trị, nhưng không thể cất giữ được. Nếu một người không chịu làm việc, lười suy nghĩ thì cả thời gian và trí tuệ đều trôi theo thời gian. Ngược lại, những người có cách thức khuyến khích và đầu tư để nhiều người cùng tư duy sáng tạo, hăng say làm việc tạo ra nhiều của cải cho xã hội và mọi người đều khâm khâm hơn (cho dù người ít người nhiều) thì như vậy đâu thể gọi là bóc lột. Trên thực tế, rất nhiều người muốn “bị bóc lột” như vậy.

Những lập luận nguyên bản của Marx và Lenin có thể vẫn còn những giá trị, nhưng chỉ riêng chúng không thể giải thích được thực tế sinh động hiện nay. Sự thất bại của mô hình kinh tế tập trung và những nghiên cứu cũng như bằng chứng thực nghiệm về các hình thức sở hữu và hành vi đã chỉ ra rằng chế độ công hữu về TLSX không tạo ra động lực và cơ chế để nguồn lực được sử dụng hiệu quả, ít nhất là trong thời đại của chúng ta.

Xét về lý tưởng, mô hình kinh tế kế hoạch, nhà nước làm thay thị trường nếu thành công thì tốt đẹp hơn nhiều so với kinh tế thị trường. Tuy nhiên, mô hình này đã vi phạm nguyên tắc cốt lõi về hành vi của con người. Điều nghịch lý là quyết định cá nhân và quyết định tập thể là khác nhau. Nếu một việc làm nào đó, để mỗi cá nhân làm thì tất cả mọi người sẽ có hành động như nhau, nhưng cũng những người này cùng tập hợp lại để đưa ra quyết định tập thể thì quyết định thường là trái ngược với quyết định của mỗi cá nhân. Trong chế độ công hữu, tình trạng ăn theo và “cha chung không ai khóc” là điều khó tránh khỏi. Hơn thế, trong bối cảnh không thể kiểm soát được hành vi thì hành động hợp lý của hầu hết những người được giao quản lý DNNN là sử dụng của công để trục lợi cá nhân, củng cố địa vị của mình, thay vì đạt được các mục tiêu cao đẹp. Đây là lý do cơ bản làm cho các DNNN hoạt động không hiệu quả. Do vậy, chỉ trong những trường hợp thực sự cần thiết, nhà nước mới nên hình thành một số lượng hạn chế các DNNN như nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay chứ không nên thành lập đại trà và càng không nên gán cho DNNN vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

Mô hình sở hữu mà nó tạo động lực để các nguồn lực của xã hội được sử dụng hiệu quả chính là sở hữu cá nhân. Ngay cả ở các nước Bắc Âu cũng đang triệt để tiến hành tư nhân hóa mà ở Việt Nam gọi là xã hội hóa việc cung cấp các dịch vụ công chứ không nói gì đến các hoạt động kinh doanh. Ngay cả nhà tù, một công cụ nhiều người nghĩ nhà nước cần phải làm hiện cũng đã được giao cho tư nhân quản lý ở một số nước (Cody Mason 2013). Tuy nhiên, cần phải hết sức lưu ý khi thực hiện việc xã hội hóa một số dịch vụ hay hàng hóa có ngoại tác tích cực ở Việt Nam như giáo dục hay y tế chẳng hạn. Nếu làm không kỹ thì rất có thể của công vừa bị mất mà chất lượng dịch vụ hay tính công bằng trong việc được hưởng các dịch vụ này lại giảm đi. Việc tạo ra các chương trình chất lượng cao với học phí cao trong các trường công hiện nay là một ví dụ. Nếu không khéo, phần lớn tài sản và nguồn lực của công lại được tập trung vào những chương trình này cho một số ít người có tiền được hưởng và những người tổ chức chúng “vót váng sữa” để có những khoản thu nhập hậu hĩnh mà về bản chất là một hình thức tham nhũng tinh vi với cách hiểu chuẩn tắc là lạm dụng quyền lực hay của công để trục lợi cho cá nhân.

2. Cần một sự nhất quán và thực tế hơn

Sự mâu thuẫn giữa chủ thuyết phát triển chính thống và thực tế đã làm Việt Nam hết sức lúng túng trong việc ứng phó với những trục trặc cũng như định hướng phát triển một cách nhất quán. Cải cách đang gặp vô vàn khó khăn vì không thể dung hòa được những vấn đề có tính

nguyên lý hoàn toàn trái ngược nhau. Kinh tế thị trường với nền tảng sở hữu tư nhân không thể dung hòa được với định hướng XHCN theo cách hiểu là chế độ công hữu về TLSX.

Việt Nam đã chọn kinh tế thị trường vì đó là con đường để đi đến thịnh vượng mà tất cả các nước thành công đã đi qua, trong khi những nước phủ nhận kinh tế thị trường đều đã thất bại hoặc đang gặp trục trặc. Đối với khái niệm định hướng XHCN, nên hiểu là sửa chữa những khuyết tật hay thất bại của thị trường để có được sự phân bổ nguồn lực trong xã hội hiệu quả và công bằng hơn. Lúc này kinh tế thị trường và định hướng XHCN sẽ chuyển từ mâu thuẫn sang bổ sung cho nhau. Trong một phát biểu gần đây, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Bùi Quang Vinh (2013) cũng ngụ ý việc này:

Chúng ta tuyên bố xây dựng kinh tế thị trường định hướng XHCN. Không sai. Nhưng bây giờ phải rạch ròi ra, thị trường là thế nào và định hướng XHCN là thế nào? Đầu phải nó là một mô hình kinh tế thị trường riêng biệt so với thế giới. Bởi "kinh tế thị trường" là cái tinh hoa của nhân loại rồi, còn "định hướng XHCN" là nói về vai trò của Nhà nước.

Để mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN có thể phát huy tốt đưa mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh sớm trở thành hiện thực, Việt Nam cần làm rõ hơn nữa các khái niệm then chốt để có những định hướng rõ ràng trong mô hình phát triển của mình. Ở về kinh tế thị trường, nhà nước chỉ nên tập trung vào việc ổn định kinh tế vĩ mô, cải thiện môi trường kinh doanh và xây dựng một nhà nước pháp quyền đúng nghĩa. Đối với về XHCN, nhà nước nên tập trung vào việc giải quyết các vấn đề xã hội mà khu vực thị trường không thể hoặc thực hiện không hiệu quả. Với cách hiểu như vậy, sẽ không nhất thiết phải đặt ra vấn đề công hữu hay tư hữu, nguyên nhân của những rắc rối trong thời gian qua.

Nói đến kinh tế thị trường nhiều người sẽ hình dung ngay đến các nước phát triển và cho rằng đó chính là chủ nghĩa tư bản. Thực ra, các nước phát triển đã gặt hái được thành công không chỉ nhờ tuân thủ các quy luật của kinh tế thị trường mà còn hạn chế được những mặt trái của nó. Trong khi đó, nhiều nước đã không thành công, hay ít nhất cũng gặp rắc rối, do đã lãng quên hay không xử lý được những thất bại hay khuyết tật của thị trường. Ở những mức độ khác nhau, các nước chuyển đổi từ mô hình kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường đều đang gặp phải vấn đề như phân tích ở trên.

Nền kinh tế Việt Nam không phải là tư bản chủ nghĩa nhưng trong nhiều thập niên nữa cũng chưa phải là xã hội chủ nghĩa, mà là định hướng xã hội chủ nghĩa (Đỗ Hoài Nam 2013). Mô hình ở các nước bắc Âu kết hợp được tính ưu việt của kinh tế thị trường, và XHCN hay một nhà nước phúc lợi là một mô hình đáng tham khảo cho Việt Nam. Muốn làm được điều này, cần phải xác định rõ ba trụ cột chính gồm: 1) các doanh nghiệp hay khu vực thị trường làm nhiệm vụ tạo ra của cải cho toàn xã hội; 2) nhà nước phúc lợi đóng vai trò sửa chữa các khuyết tật của thị trường, phân phối một phần nguồn lực của xã hội để vừa đảm bảo sự công bằng, cân bằng, hiệu quả và sự tiến triển cho toàn xã hội; và 3) một xã hội dân sự năng động tạo ra lòng tin lẫn nhau để có được một vốn xã hội giúp cho các hoạt động kinh tế trở nên hiệu quả hơn và vai trò phân phối nguồn lực của nhà nước trở nên hữu hiệu hơn.

KẾT LUẬN

Muốn phát triển, mỗi quốc gia đều phải dựa vào kho tri thức hay những tiến bộ của nhân loại. Tuy nhiên, không thể áp dụng một cách máy móc hay chấp vả mà cần phải tìm hiểu cho phù hợp với điều kiện thực tế ở mỗi nơi. Không đâu xa, Nhật Bản, Hàn Quốc hay Singapore trở nên thịnh vượng chỉ đơn giản bằng cách “bắt chước” các tri thức và giá trị phương Tây sau đó điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể. Họ đã chấp nhận thử và sai trên cơ sở tư duy phù hợp với thực tế khách quan để chọn được đường đi đúng đắn. Đối với Việt Nam, người viết bài này hoàn toàn đồng ý với tác giả Trần Việt Phương (2008) rằng: “*Giải pháp cho Việt Nam phải là một giải pháp Việt Nam, con đường của Việt Nam phải là con đường Việt Nam, phù hợp với xu thế chung của loài người và chiều hướng tiến bộ của thời đại.*”

Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh của Việt Nam có lẽ không khác nhiều với mô hình nhà nước phúc lợi hay thị trường xã hội. Nếu chọn được đường đi và chính sách đúng đắn thì có lẽ phải rất lâu nữa Việt Nam mới có thể đạt được mức phát triển như các nước bắc Âu hiện nay. Tuy nhiên, nếu muốn đạt được thì không cách nào khác, Việt Nam cần phải xây dựng ngay các yếu tố nền tảng từ bây giờ. Các chức năng và vai trò của ba trụ cột cần được phân định rạch ròi để chúng phát triển lành mạnh và quan hệ hài hòa lẫn nhau. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự là một đòi hỏi đối với Việt Nam hiện nay (Đỗ Hoài Nam 2013). Trong bối cảnh này, *định hướng XHCN* nên được hiểu là lấy công bằng làm đầu hay vì mục tiêu dân chủ, công bằng, văn minh trong mục tiêu tổng quát nêu trên. Kinh tế thị trường sẽ làm nhiệm vụ tạo ra của cải cho toàn xã hội. Lúc này chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu và mối quan hệ của ba trụ cột cần được xác định rõ ràng.

Vai trò của nhà nước, suy cho cùng, cũng chỉ để đạt được mục tiêu đề ra bằng cách làm sao để cả thị trường và xã hội dân sự làm đúng chức năng của chúng. Muốn như vậy, nhà nước chỉ nên làm đúng chức năng của mình chứ không nên làm thay hay giảm chân hai trụ cột còn lại và càng không nên kìm hãm sự phát triển của chúng một cách duy ý chí. Do vậy, vai trò của nhà nước, như hầu hết các nước đã thành công trên thế giới, đơn giản chỉ là tập trung sửa chữa các khuyết tật thị trường và cải thiện bình đẳng thay vì nhấn mạnh yếu tố sở hữu và xác định vai trò chủ đạo. Song song với việc hoàn thiện các thể chế nòng cốt của một nhà nước pháp quyền, nhà nước nên giảm thiểu tối đa việc tham gia trực tiếp vào các hoạt động kinh doanh, nhất là những hoạt động mà thị trường có thể làm tốt chức năng của nó. Hơn thế, việc tạo ra áp lực cạnh tranh, áp lực phải chịu trách nhiệm cụ thể đối với các vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước là tối quan trọng để khu vực công có thể hiệu quả và hữu hiệu hơn. Chỉ có một tiến trình lựa chọn nhân sự dân chủ đúng nghĩa thông qua cạnh tranh để người dân phát huy quyền làm chủ thực sự thì mới có thể có được điều này.

Những nhà công nghiệp sở hữu những doanh nghiệp làm ra giá trị gia tăng thực sự cho xã hội như: Apple, Google ở Mỹ, Samsung hay LG ở Hàn Quốc, Toyota hay Honda ở Nhật, Lego hay Maersk ở Đan Mạch, Electrolux hay Ikea ở Thụy Điển mới thực sự là nền tảng của một nền kinh tế vững mạnh. Đây là điều mà Việt Nam đang thiếu. Những doanh nghiệp tạo ra giá trị đúng nghĩa chỉ có thể được tạo ra khi có một nền kinh tế thị trường đúng nghĩa. Hoàn thiện các thể chế để tạo ra sân chơi bình đẳng, khuyến khích sáng tạo, và giảm thiểu đầu cơ lũng đoạn là việc cần làm ngay. Ở trụ cột này, việc cải tổ các DNNN theo hướng mỗi doanh nghiệp chỉ tập trung vào một hay một vài nhiệm vụ cụ thể trong một thời hạn nhất định là hết sức cấp bách. Điều này sẽ tránh sự lãng phí nguồn lực và lợi dụng vai trò chủ đạo của loại hình doanh nghiệp

này của một số người để họ trục lợi. Đối với khu vực doanh nghiệp dân doanh, việc trân trọng những người có khả năng làm giàu và khuyến khích người giàu dần xóa bỏ tâm lý kỳ thị, ghen ghét người giàu, người giỏi là vô cùng quan trọng. Không một xã nào có thể trở nên thịnh vượng khi người giàu hay người giỏi không được tôn trọng cả.

Một xã hội dân sự đúng nghĩa cần được quan tâm để nó có thể ngăn chặn sự xuống cấp đạo đức, mất lòng tin trong xã hội và tham nhũng tràn lan hiện nay. Chỉ có xã hội dân sự cởi mở mới có thể tạo được niềm tin giữa con người với con người dần hình thành vốn xã hội có lợi cho sự phát triển. Trong một xã hội, các quan hệ cơ bản mà do vật chất chi phối sẽ rất nguy hiểm vì ở đó chỉ có phần “con” thấp hèn được dung dưỡng trong khi phần “người” cao quý không được đề cao. Sẽ rất là đáng sợ khi trong một xã hội mà phần con lấn át phần người. Nếu không có những quyết sách hợp lý ngay từ bây giờ, tương lai của Việt Nam sẽ rất u ám.

Tóm lại, nếu vẫn lấy các học thuyết của Marx làm chủ thuyết phát triển chính, Việt Nam cần loại bỏ những lý luận không còn phù hợp và tạm gác sang một bên những điểm chưa thể áp dụng trong thời đại ngày nay đồng thời bổ sung những lý luận mới và học hỏi vận dụng những tiến bộ của xã hội loài người nhằm lựa một con đường phát triển hợp lý để sớm đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh. Đây mới chính là mục tiêu cuối cùng và quan trọng nhất của Việt Nam chứ không phải việc bảo vệ hay phải gắn liền với một chủ thuyết nào đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Daron Acemoglu và James Robinson (2012), *Why Nations Fail: The Origins of Power, Prosperity, and Poverty* (Tại sao Nước thịnh, Nước suy: Nguồn gốc của Quyền lực, Sự thịnh vượng, và Nghèo khó)
2. Kaname Akamatsu(1962), A historical pattern of economic growth in developing countries (Một mô hình mang tính lịch sử của tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển), đăng trên *Journal of Developing Economies*
3. Alan Altshuler và David Luberoff (2003), *Mega-projects: The Changing of Urban Politics of Public Investment* (Các siêu dự án: Sự thay đổi của chính trị đô thị trong đầu tư công), Brookings Institution Press
4. Nguyễn Văn An (2010), Nguyên Chủ tịch Quốc hội bàn về phương thức cầm quyền của Đảng, tại: <http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/2010-12-05-nguyen-chu-tich-quoc-hoi-ban-ve-phuong-thuc-cam-quyen-cua-dang>
5. Jamil Anderlini (2013), How long can the Communist party survive in China? (Đảng cộng sản Trung Quốc có khả năng tồn tại bao lâu nữa?), tại: <http://www.ft.com/intl/cms/s/2/533a6374-1fdc-11e3-8861-00144feab7de.html>
6. Vũ Thành Tụ Anh (2012), Tái cơ cấu Doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam, tại: <http://ecna.gov.vn/ct/ht/Lists/BaiViet/Attachments/170/Vu%20Thanh%20Tu%20Anh.pdf>
7. Henrik Berggren và Lars Trägårdh (2011), Social trust and radical individualism: The paradox at the heart of Nordic capitalism (Lòng tin xã hội và chủ nghĩa cá nhân cấp tiến: Nghịch lý trong trung tâm của chủ nghĩa tư bản ở các nước bắc Âu), tại: <http://www.globalutmaning.se/wp-content/uploads/2011/01/Davos-The-nordic-way-final.pdf>
8. Jagdish Bhagwati (2010), Why the World is Not Flat (Tại sao thế giới không phẳng?), tại: <http://www.worldaffairsjournal.org/blog/jagdish-bhagwati/why-world-not-flat>
9. Jerry Bowyer (2011), *The End Of Europe: A Civilization Built On Sand* (Sự kết thúc của Châu Âu: Một nền Văn Minh được xây trên cát)
10. Alistair Burnett, Book review: *The Rise of China vs. the Logic of Strategy* (Điểm sách: Sự trỗi dậy của Trung Quốc so với Logic của Chiến lược), tại: <http://yaleglobal.yale.edu/content/rise-china-vs-logic-strategy>
11. Bảo Cầm (2013), Tham nhũng ‘như ngựa ghè’ rất khó chịu, tại: <http://www.thanhnien.com.vn/pages/20130928/tham-nhung-%E2%80%98nhu-ngua-gh%E2%80%99-rat-kho-chiu.aspx>
12. Bộ tài chính Mỹ (2012), *The Financial Crisis Response* (Phản ứng với khủng hoảng tài chính), tại: http://www.treasury.gov/resource-center/data-chart-center/Documents/20120413_FinancialCrisisResponse.pdf
13. Ronal Coase (1937), *The Nature of the Firm* (Bản chất của Công ty)

14. Paul Collier (2007), The Bottom Billion: Why the Poorest Countries are Failing and What Can Be Done? (Một tỷ dưới đáy: Tại sao các nước nghèo nhất đang thất bại và những gì có thể làm?)
15. Susan Christopherson, Harry Garretsen and Ron Martin (2008), The world is not Flat: Putting Globalization in its Place (Thế giới không phẳng: Đặt Toàn cầu hóa vào Vị trí của nó), tại: <http://cjres.oxfordjournals.org/content/1/3/343.full.pdf+html>
16. Nguyễn Đình Cung (2012), Khó khăn của doanh nghiệp: Vấn đề và giải pháp, tại: <http://ecna.gov.vn/ct/ht/Lists/BaiViet/Attachments/186/Kho%20khan%20cua%20doanh%20nghiep%20-%20Van%20de%20va%20giai%20phap%20-%20TS%20Nguyen%20Dinh%20Cung.pdf>
17. Lê Đăng Doanh (2013), Những vấn đề mới đặt ra cho cải cách thể chế kinh tế để thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế, tại: <http://ecna.gov.vn/ct/ht/Lists/KyYeu/Attachments/40/Ky%20yeu%20Dien%20dan%20Kinh%20te%20Mua%20xuan%202013.pdf>
18. Trần Hữu Dũng (2006), Vốn xã hội và phát triển kinh tế, tại: http://www.viet-studies.info/THDung_VonXaHoi_PhatTrienKinhTe.htm
19. Trần Hữu Dũng (2010), Khủng hoảng kinh tế và khủng hoảng trong kinh tế (học), tại http://www.viet-studies.info/THDung/THDung_KhungHoangKinhTe.htm
20. Vũ Dũng (2013), Hiệu quả thí điểm mô hình tập đoàn kinh tế nhìn từ Vinashin, tại: <http://www.daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=75&NewsId=295318>
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006a), Văn kiện Đảng tập 47, NXB Chính trị Quốc gia
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006b), Văn kiện Đại hội lần thứ X, tại: http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30396&cn_id=197892
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X) về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tại: http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30668&cn_id=20935
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội lần thứ XI, tại: http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvankien/vankiendang/?topic=191&subtopic=8&leader_topic=989
25. The Economist (2008), China seeks stimulation, tại: <http://www.economist.com/node/12585407>
26. The Economist (2013a), The Special Report: The Nordic Countries (Báo cáo Đặc biệt: Các nước bắc Âu), tại: <http://www.economist.com/blogs/schumpeter/2013/01/special-report-nordic-countries?zid=307&ah=5e80419d1bc9821ebe173f4f0f060a07>
27. The Economist (2013b), The fiscal deal in Washington: Worse than Europe, really (Giải quyết vấn đề ngân sách ở Washington: Tệ hơn cả Châu Âu, thật sao), tại: <http://www.economist.com/news/leaders/21588091-none-deeper-problems-american-government-was-solved-week-worse-europe>
28. The Economist (2013c), American private enterprise dominates the corporate premier league again, thanks to waning valuations of state-backed firms (Các công ty tư nhân của mỹ lại thống lĩnh giải ngoại hạng nhờ những nghi ngờ về giá trị của các doanh

- nghiệp được hầu thuẫn bởi nhà nước), tại:
<http://www.economist.com/news/briefing/21586558-american-private-enterprise-dominates-corporate-premier-league-again-thanks-waning>
29. Klas Eklund (2011), Nordic capitalism: Lessons learned (Chủ nghĩa tư bản của các nước bắc Âu: Những bài học đã được học), tại: <http://www.globalutmaning.se/wp-content/uploads/2011/01/Davos-The-nordic-way-final.pdf>
 30. Charles Ferguson (Đạo diễn) (2010), Inside Job Film (Phim Trong cuộc)
 31. FETP (2013), Unplugging Institutional Bottlenecks to Restore Growth (Khởi thông nút thắt thể chế để phục hồi tăng trưởng), tại: <http://www.ash.harvard.edu/extension/ash/docs/VELP.pdf>
 32. Martin Feldstein (2013), Why Is US Inflation So Low? (Tại sao Lạm Phát ở Mỹ lại quá thấp?), tại: <http://www.project-syndicate.org/commentary/the-inflationary-risk-of-us-commercial-bank-reserves-by-martin-feldstein>
 33. Milton Friedman và Anna Schwartz (1963), A Monetary History of the United States (Một lịch sử tiền tệ của Hoa Kỳ)
 34. Thomas Friedman (2005), The World Is Flat: A Brief History of the Twenty-First Century
 35. Kiyoshi Kojima (2000), The “flying geese” model of Asian economic development: origin, theoretical extensions, and regional policy implications (Mô hình đàn sếu bay của phát triển kinh tế các nước châu Á: Xuất xứ, các mở rộng lý thuyết và các khuyến nghị chính sách vùng), tại: <http://ejournal.narotama.ac.id/files/model%20asia.pdf>
 36. Francis Fukuyama (2004), State-Building (Xây dựng Nhà nước), Cornell University Press
 37. Edward Glaeser (2010), Agglomeration Economics (Kinh tế học Tích tụ), tại: <http://papers.nber.org/books/glae08-1>
 38. Bernie Goldberg (2012), Obama’s Campaign One of the Dirtiest Ever, (Chiến dịch tranh cử của Obama, một trong những cuộc tranh cử bẩn thỉu nhất mọi thời đại), tại: <http://nation.foxnews.com/obama-campaign/2012/08/13/goldberg-obama-s-campaign-one-dirtiest-ever>
 39. Gia Hân (2013), GS Hoàng Tụy: Đề án đổi mới giáo dục tốt nhất từ trước đến nay!, tại: <http://www.gdtd.vn/channel/2741/201310/gs-hoang-tuy-de-an-doi-moi-giao-duc-tot-nhat-tu-truoc-den-nay-1973356/>
 40. Lê Hồng Giang (2013), Russia 2013, tại: <http://kinhtetaichinh.blogspot.com/2013/09/russia-2013.html>
 41. Goldman Sachs (2013), Outlook: Over the Horizon (Nhìn về chân trời), tại: <http://www.goldmansachs.com/what-we-do/investment-management/private-wealth-management/intellectual-capital/isg-outlook-2013.pdf>
 42. Wang Guanqun (2010), Chinese premier calls for further reform, ideological emancipation, (Thủ tướng Trung Quốc kêu gọi tiếp tục cải cách, giải phóng tư tưởng), tại: http://www.gov.cn/english/2010-08/21/content_1685351.htm
 43. David Harvey (2009), Social Justice and the City: Revised Edition (Công lý xã hội và thành phố: Phiên bản hiệu chỉnh), tại: <http://davidharvey.org/>

44. David Harvey (2010), A Companion To Marx's Capital, (Đồng hành tới Tư bản của Mác), tại: <http://davidharvey.org/>
45. David Harvey (2013), A Companion To Marx's Capital, Volume 2 (Đồng hành tới Tư bản của Mác: Tập 2)
46. Friedrich Hayek (1944), The Road to Serfdom (Đường về Nô lệ)
47. Friedrich Hayek (1963), America's Great Depression (Đại suy thoái của Mỹ)
48. Heritage (2013) Economic Freedom Index (Chỉ số tự do kinh tế 2013), tại: <http://www.heritage.org/index/explore?view=by-variables>
49. Nguyễn Thị Hiền (2008), Xóa bao cấp qua giá cả - một khâu đột phá trong đổi mới kinh tế, trong Đổi mới ở Việt Nam: Nhớ lại và Suy ngẫm, do Đào Xuân Sâm và Vũ Quốc Tuấn chủ biên
50. Yasheng Huang (2013), Why democracy still wins: A critique of Eric X. Li's "A tale of two political systems" (Tại sao dân chủ vẫn thắng: Phê bình bài diễn thuyết "Chuyện hai chế độ chính trị" của Eric X. Li), bản dịch của Phạm Vũ Lửa Hạ tại: <https://phamvuluaha.wordpress.com/2013/10/23/yasheng-huang/>
51. David Judge, Gery Stoker và Harold Wolman (1995), Theories of Urban Politics (Các lý thuyết về chính trị học đô thị) SAGE Publications
52. John Maynard Keynes (1930), Treatise on Money (Luận giải về tiền tệ)
53. John Maynard Keynes (1935), The General Theory of Employment, Interest and Money (Lý thuyết tổng quát về thất nghiệp, lãi suất và tiền tệ)
54. Lê Kiên (2008), Nếu không đổi mới mạnh mẽ, sẽ tụt hậu xa, tại: <http://m.tuoitre.vn/tin-tuc/Chinh-tri-Xa-hoi/Chinh-tri-Xa-hoi/203359,Neu-khong-doi-moi-manh-me-se-tut-hau-xa.ttm>
55. Kiên Quốc (2007), Thủ tướng cho phép thí điểm nuôi hổ ở Bình Dương, tại: <http://www.sggp.org.vn/ngoithanh/2007/4/93734/>
56. Paul Krugman (2011), We are the 99.9 (chúng ta là 99,9), tại: <http://www.nytimes.com/2011/11/25/opinion/we-are-the-99-9.html>
57. Janos Kornai (1992), Hệ thống xã hội chủ nghĩa
58. Charles Kupchan (2010), The End of the American Era (Sự kết thúc của Kỷ nguyên Mỹ)
59. Trương Lai (2013), Bài phát biểu tại hội nghị lần thứ VI của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
60. Phạm Chi Lan (2013), Cần lắm những "người hung", tại: <http://motthegioi.vn/goc-quan-sat/pham-chi-lan-can-lam-nhung-nguoi-hung/>
61. Phan Huy Lê (2009), Trả lại sự thật hình tượng Lê Văn Tám, bài đăng trên Tạp chí Xưa và Nay số 10/2009 và được đăng lại tại: <http://daotao.vtv.vn/gs-phan-huy-le-tra-lai-su-that-hinh-tuong-le-van-tam/>
62. Bùi Quang Vinh (2013), Nếu không đổi mới Việt Nam sẽ tụt hậu xa, phát biểu của Bộ trưởng Bộ kế hoạch Đầu tư Bùi Quang tại phiên họp ở tổ ngày 24/10/2013 của Kỳ họp Quốc hội Khóa XIII, Lê Kiên ghi tại: <http://m.tuoitre.vn/tin-tuc/Chinh-tri-Xa-hoi/Chinh-tri-Xa-hoi/203359,Neu-khong-doi-moi-manh-me-se-tut-hau-xa.ttm>
63. Vladimir Lenin (1971), The State and Revolution (Nhà nước và Cách mạng), tại: <http://www.marxists.org/archive/lenin/works/1917/staterev/ch01.htm>

64. Trần Du Lịch (2010), Kinh tế Việt Nam vượt qua thách thức trong năm 2010 – Hướng tới mục tiêu trung dài hạn, tại:
<http://ecna.gov.vn/ct/ht/Lists/BaiViet/Attachments/67/Kinh%20t%E1%BA%BF%20Vi%20E1%BB%87t%20Nam%20v%C6%B0%E1%BB%A3t%20qua%20th%C3%A1ch%20th%E1%BB%A9c%202010%20t%E1%BB%9Bi%20m%E1%BB%A5c%20ti%C3%AAu%20trung,%20d%C3%A0i%20h%E1%BA%A1n%20-%20TS.pdf>
65. Trần Du Lịch (2013), Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước: Vấn đề và giải pháp, tại:
<http://ecna.gov.vn/ct/ht/Lists/KyYeu/Attachments/40/Ky%20yeu%20Dien%20dan%20Kinh%20te%20Mua%20xuan%202013.pdf>
66. Khánh Linh (2008), Đột phá trong nhận thức về chúa Nguyễn, Triều Nguyễn, đăng trên Vietnamnet.vn và được đăng lại tại:
http://www.hcmup.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=2332%3At-pha-trong-nhn-thc-v-chua-nguyn-triu-nguyn&catid=1511%3Ac-bao-giup-bn&Itemid=2932&lang=vi&site=71
67. John Locke (1689), Second Treatise on Civil Government (Luận giải thứ hai về chính quyền dân sự)
68. Edward Luttwak (2012), The Rise of China vs. the Logic of Strategy (Sự trỗi dậy của Trung Quốc so với Logic của Chiến lược)
69. Karl Marx (1867), Capital, Volume 1 (Tu bản: Quyển 1)
70. Karl Marx (1894), Capital: A Critique of Political Economy, Vol. 3 (Phê bình kinh tế chính trị)
71. Cody Mason (2013), International Growth Trends in Prison Privatization (Những xu hướng tăng trưởng quốc tế trong việc tư nhân hóa nhà tù), tại:
http://sentencingproject.org/doc/publications/inc_International%20Growth%20Trends%20in%20Prison%20Privatization.pdf
72. McKinsey & Company (2008), Special Report: Attracting the Best (Báo cáo đặc biệt: Thu hút những người giỏi nhất)
73. Đỗ Hoài Nam (2013), Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, tại: <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2013/22900/Phat-trien-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu.aspx>
74. The New School, HKS và FETP (2010), Beyond the Apex: Toward a System Level Approach to Higher Education Reform in Vietnam, tại:
<http://www.ash.harvard.edu/extension/ash/docs/beyondtheapex.pdf>
75. New York Times (2013), Madoff Scandal (Vụ bê bối Madoff), tại:
<http://dealbook.nytimes.com/category/the-madoff-scandal/>
76. Ngân hàng Thế giới (1997), Báo cáo Phát triển Thế giới 1997: Nhà nước trong thế giới đang chuyển đổi, tại:
http://siteresources.worldbank.org/INTVIETNAMINVIETNAMESE/Resources/Phat_trien_the_gioi_1997.pdf
77. Trần Nhâm (2005), Trường Chinh với hành trình đổi mới tư duy, NXB Chính trị Quốc gia
78. Ngọc Lê (2013), Điều gì cản bước phát triển, tại:
<http://vietnamnet.vn/vn/tuanvietnam/142277/dieu-gi-can-buoc-viet-nam-phat-trien-.html>

79. Kelly Nolan, Emily Glazer, Jeff Bennett and Michael Ramsey (2013), Record Bankruptcy for Detroit (Kỷ lục phá sản cho Detroit), tại: <http://online.wsj.com/news/articles/SB10001424127887323993804578614144173709204>
80. Mancur Olson (1967), The Logic of Collective Action (Lô-gic của Hành động Tập thể), Harvard University Press
81. Vũ Văn Phúc (2013), Tính đặc thù theo định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở nước ta, tại: <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/kinh-te-thi-truong-XHCN/2013/23647/Tinh-dac-thu-theo-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-cua-nen.aspx>
82. Trần Việt Phương (2008), Con đường Vinh quang và Khổ ải, Phần mở đầu trong Đổi mới ở Việt Nam: Nhớ lại và Suy ngẫm, do Đào Xuân Sâm và Vũ Quốc Tuấn chủ biên
83. David Ricardo (1817), On the Principles of Political Economy and Taxation (Về những nguyên lý của kinh tế chính trị học và thuế khóa)
84. Đặng Phong (2009a), Tư duy Kinh tế Việt Nam: 1975-1989, NXB Trí thức
85. Đặng Phong, (2009b), Phá rào, NXB Trí thức
86. Quế Phong (2013), Thủ tướng nói tiêu cực tại đơn vị của Dương Chí Dũng, tại: <http://www.baodatviet.vn/chinh-tri-xa-hoi/chinh-tri-viet-nam/thu-tuong-noi-tieu-cuc-tai-don-vi-cua-duong-chi-dung-2357560/>
87. Robert D. Putnam (1995), Bowling Alone: America's Declining Social Capital (Chơi Bowling một mình: Sự suy giảm vốn xã hội của Mỹ), đăng trên Journal of Democracy
88. RIFE với các tác giả Torben M. Andersen, Bengt Holmström, Seppo Honkapohja, Sixten Korkman, Hans Tson Söderström và Juhana Vartiainen, 2007, The Nordic Model: Embracing globalization and sharing risks (Mô hình bắc Âu: Ôm chặt toàn cầu hóa và Chia sẻ các rủi ro), tại: http://www.arhiv.svez.gov.si/fileadmin/svez.gov.si/pageuploads/docs/Strategija_razvoja_Slovenije/The_Nordic_Model.PDF
89. R.A., J.S. and L.P (2013), The rich get richer (Người giàu đang giàu hơn), tại: <http://www.economist.com/blogs/graphicdetail/2013/09/daily-chart-8>
90. Đào Xuân Sâm và Vũ Quốc Tuấn (2008), Đổi mới ở Việt Nam: Nhớ lại và suy ngẫm, NXB Trí thức
91. Joseph Alois Schumpeter (1942), Capitalism, Socialism and Democracy (Chủ nghĩa tư bản, Chủ nghĩa xã hội và Dân chủ)
92. Paul Samuelson (1961), Economics (Kinh tế học)
93. Paul Samuelson (1978), Economics (Kinh tế học)
94. Adam Smith (1776), The Wealth of Nations (Sự giàu có của các quốc gia)
95. Hernandez de Soto (2000), The Mystery of Capital: Why Capitalism Triumphs in the West and Fails Everywhere Else (Sự bí ẩn của vốn: Tại sao Chủ nghĩa Tư bản Thành công ở Phương tây, nhưng Thất bại ở những nơi khác")
96. Joseph Stiglitz (2000), Economics of the Public Sector (Kinh tế học Cộng cộng)
97. Joseph Stiglitz (2010), Freefall: America, Free Markets, and the Sinking of the World Economy (Rơi tự do: Hoa Kỳ, Các thị trường Tự do", và sự Nhấn chìm nền Kinh tế Thế giới)

98. Nguyễn Quang Thái (2010), Đổi mới xây dựng và thực hiện kế hoạch 5 năm 2011-2015 với đột phá về cơ chế phân cấp mang tính hệ thống, tại: <http://ecna.gov.vn/ct/ht/Lists/BaiViet/Attachments/37/BAI%20NGUYEN%20QUANG%20THAI.pdf>.
99. Nguyễn Quang Thái và Lê Anh Sơn (1990), Phân tích sự phát triển kinh tế qua các thời kỳ và dự báo đến năm 2005” đề tài mã số 70A-02-04 của Viện Kế hoạch dài hạn và phân bổ lực lượng sản xuất, Chương trình 70A
100. Thái Duy (2008), Từ khoán “hộ” đến nông dân tự chủ, trong Đổi mới ở Việt Nam: Nhớ lại và Suy ngẫm, do Đào Xuân Sâm và Vũ Quốc Tuấn chủ biên
101. Thái Thiện (2011), 'Một con sâu đã nguy hiểm huông gì một bầy', tại: <http://vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/19800/-mot-con-sau-da-nguy-hiem-huong-gi-mot-bay-.html>
102. Nguyễn Đức Thành và Đinh Tuấn Minh (2012), Đổi mới thể chế, cơ chế và những giải pháp chấn chỉnh, hoàn thiện, tái cấu trúc lĩnh vực đầu tư công, tại: <http://vepr.org.vn/533/ebook/cs-07-doi-moi-the-che,-co-che-va-nhung-giai-phap-chan-chinh,-hoan-thien,-tai-cau-truc-linh-vuc-dau-tu-cong/25103.html>
103. Nguyễn Xuân Thành (2013), Tái cơ cấu đầu tư công 2011-2012: Những đánh giá ban đầu, tại: <http://ecna.gov.vn/ct/ht/Lists/KyYeu/Attachments/40/Ky%20yeu%20Dien%20dan%20Kinh%20te%20Mua%20xuan%202013.pdf>
104. Nguyễn Xuân Thành và Jonathan Pincus (2011), Di dời cảng biển ở Thành phố Hồ Chí Minh: Tình huống về phân mảng thể chế, tại: www.fetp.edu.vn
105. Trần Đình Thiên (2013), Tình hình kinh tế Việt Nam 2012 và triển vọng 2013: Những nhận xét, đánh giá bổ sung, tại: <http://ecna.gov.vn/ct/ht/Lists/KyYeu/Attachments/40/Ky%20yeu%20Dien%20dan%20Kinh%20te%20Mua%20xuan%202013.pdf>
106. Nguyễn Thiệu (2008), Xử lý lạm phát và đổi mới hệ thống ngân hàng, trong Đổi mới ở Việt Nam: Nhớ lại và Suy ngẫm, do Đào Xuân Sâm và Vũ Quốc Tuấn chủ biên
107. Trần Văn Thọ (2010), GS.Trần Văn Thọ: Kinh tế Việt Nam trực diện hai cái bẫy, tại: <http://vnr500.vn/2010-10-14-gs-tran-van-tho-kinh-te-viet-nam-truc-dien-hai-cai-bay>
108. Nguyễn Phú Trọng (2013), “Dự thảo chưa vang vọng như lời hiệu triệu”, Phát biểu của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng tại phiên họp ngày 23/10/2013 của Kỳ họp Quốc hội Khóa XII, Đ Tr. ghi, tại: <http://tuoitre.vn/chinh-tri-xa-hoi/576098/du-thao-chua-vang-vong-nhu-loi-hieu-trieu.html>
109. Xuân Trung – Quang Thiện (2005), “Đêm trước” đổi mới: “Vòng kim cô”, tại: <http://tuoitre.vn/Pages/Printview.aspx?ArticleID=111252>
110. Hoàng Tụy (2009), Giáo dục: Xin cho tôi nói thẳng, tại: http://www.viet-studies.info/HoangTuy_XinNoiThang.htm
111. Từ Nguyên (2013), Ngành thuế cam kết không tham nhũng, tại: <http://doanhnhan.vneconomy.vn/20131031120112629POC5/nganh-thue-cam-ket-khong-tham-nhung.htm>
112. UBKT (Ủy Ban Kinh tế của Quốc Hội) (2013), Kinh tế Việt Nam 2013: Tái cơ cấu Kinh tế một năm nhìn lại, tại:

<http://ecna.gov.vn/ct/ht/Lists/KyYeu/Attachments/40/Ky%20yeu%20Dien%20dan%20Kinh%20te%20Mua%20xuan%202013.pdf>

113. Rick Ungar (2012), The Dirtiest Presidential Campaign Ever? Not Even Close! (Phải chăng là chiến dịch tranh cử tổng thống bẩn thỉu nhất? Không, ngay cả gần bằng!), tại: <http://www.forbes.com/sites/rickungar/2012/08/20/the-dirtiest-presidential-campaign-ever-not-even-close/>
114. United Nations (2011), World Urbanization Prospects: The 2011 Revision (Các triển vọng đô thị hóa Thế giới: Bản điều chỉnh năm 2011), tại: http://esa.un.org/unup/pdf/WUP2011_Highlights.pdf
115. Gore Vidal (2011), The Decline and Fall of the American Empire (Sự suy giảm và sụp đổ của Đế chế Hoa Kỳ),
116. Nguyễn Khắc Viện (2007), Việt Nam Một thiên lịch sử, Nxb Khoa học xã hội
117. Ezra F. Vogel (2011), Deng Xiao Ping and the Transformation of China (Đặng Tiểu Bình và sự Chuyển đổi ở Trung Quốc)
118. WEF (2011), The Nordic Way (Con đường của các nước bắc Âu), tại: <http://www.globalutmaning.se/wp-content/uploads/2011/01/Davos-The-nordic-way-final.pdf>
119. WEF (2013a), Scenarios for the Russian Federation (Những kịch bản cho Liên bang Nga), tại: http://www3.weforum.org/docs/WEF_Scenarios_RussianFederation_Report_2013.pdf
120. WEF (2013b), Outlook of the Global Agenda 2014 (Viễn cảnh của lịch trình toàn cầu 2014), tại: http://www3.weforum.org/docs/WEF_GAC_GlobalAgendaOutlook_2014.pdf
121. Joe Weisenthal, 2013, IT'S OFFICIAL: The World's Elites Declare The Global Economic Crisis To Be Over (Chính thức, Các nhà lãnh đạo thế giới công bố Khủng hoảng Kinh tế toàn cầu đã kết thúc), tại: <http://www.businessinsider.com/davos-the-crisis-is-over-2013-1>
122. The World Bank (1994), The East Asian Miracle, tại: <http://www.nber.org/chapters/c11011.pdf>
123. Xây dựng Đảng (2013), Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam, tại: <http://webcache.googleusercontent.com/search?q=cache:3-eFMlgMdewJ:www.xaydungdang.org.vn/Uploads/thuhuyen/Tailieu/CVC2013/6-Chuyen%2520de%2520Kinh%2520te%2520thi%2520truong.doc+%&cd=6&hl=vi&ct=cnk&gl=us>
124. Yao (2008), China's 4 trillion yuan stimulus to boost economy, domestic demand (Gói kích thích kinh tế 4 nghìn tỷ nhân dân tệ sẽ kích thích kinh tế và cầu trong nước), tại: http://news.xinhuanet.com/english/2008-11/09/content_10331324.htm
125. Daniel Yergin và Joseph Stanislaw (1998), The Commanding Heights: The Battle for the World Economy (Những đỉnh cao chỉ huy: Cuộc chiến cho Nền kinh tế Thế giới)